



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **pixabay.com**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH, t.t.** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ **TAM DANH** (thơ Đồng Thiện), tr. 12
- ♦ **CÓ NHỮNG CÁI CHẾT** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 13
- ♦ **TIẾNG ĐÀN GIO** (thơ Mặc Phương Tử), trang 15
- ♦ **Ý NGHĨA SỰ THỰC HÀNH TRÍ HUỆ BÁT NHÃ** (Nguyễn Thế Đăng), trang 16
- ♦ **HIỆN ẢNH** (thơ TN Tịnh Quang), trang 19
- ♦ **VÔ CẢM XÃ HỘI VÀ THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ** (Chúc Phú), trang 20
- ♦ **CỤ GIÀ TU MƯỜN** (Ns. Thích Nữ Như Thủy), trang 23
- ♦ **ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ TRONG KINH BÀN DUYÊN...** (HT. Thích Như Điển), trang 24
- ♦ **GẶP THẦY** (thơ Minh Đạo), trang 28
- ♦ **CHỌN LỘC MÔI TRƯỜNG SỐNG** (Nguyễn Minh Tiến), trang 29
- ♦ **WAKA 94** (thơ Saigyô Hôshi, Pháp Hoan dịch), trang 31
- ♦ **TÌM VÀNG DƯỚI NƯỚC – Câu Chuyện Dưới Cờ** (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ **CÔNG CUỘC CHẤN HƯNG Ở BẮC KỲ, t.t.** (Nguyễn Lang), trang 33
- ♦ **ĐỌC THÊM VÀI Ý VỀ BÁT NHÃ TÂM KINH** (Nguyễn Giác), trang 38
- ♦ **HARRIET BEECHER STOWE VÀ "TÚP LÈU CHÚ TOM" ĐANG CHÁY** (Huỳnh Kim Quang), trang 44
- ♦ **SÁNG TRÊN ĐÒI, MANG MANG...** (thơ Nguyễn Đức Sơn), trang 49
- ♦ **VỀ THỜI** (TN Diệu Phúc), trang 50
- ♦ **SUỐI NGUỒN / VÔ CÙNG TIẾC THƯƠNG CHỊ** (thơ Tâm Tấn & TM Vương Thúy Nga), trang 54
- ♦ **HOA CỦA NGƯỜI HÀNG XÓM** (Lam Khê), trang 55
- ♦ **NỬA ĐÊM DANG MẸ BÀI THƠ / TINH ANH ĐỂ LẠI** (thơ Vĩnh Hữu & Đồng Thiện), trang 57
- ♦ **NƯỚC TRÁ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 58
- ♦ **ĐOÀN ĐƯỜNG THỊNH KINH** (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 61
- ♦ **HÀNH TRÌNH ĐI THỊNH KINH CỦA ĐƯỜNG HUYỀN TRANG** (Hồ Thanh Nhã), trang 62
- ♦ **NGƯỜI ÁO TRẮNG** (thơ Diệu Viên), trang 63
- ♦ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N.), trang 64
- ♦ **MỘT NGÀY CHUNG CUỘC BÓN BÈ HOA BAY** (Du Tâm Lăng Tử), trang 66
- ♦ **KHÚC NGÂM PHÓNG CƯỜNG** (thơ Cuồng Tử), trang 68
- ♦ **STORY OF THOSE WHO SUFFERED FOR THEIR EVIL DEEDS** (Daw Tin), trang 69
- ♦ **DANH SÁCH ỦNG HỘ VẬT LIỆU Y TẾ TIẾP TRỢ CHỐNG DỊCH COVID-19** (Thư Ký Chánh Pháp), trang 70
- ♦ **VÀNG NGỌC PHẢI CHĂNG LÀ HẠNH PHÚC** (Truyện cổ Phật giáo), trang 72
- ♦ **CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC** (thơ Thục Uyên), trang 73
- ♦ **TÂM ĐỘNG TÂM TỊNH** (Tiểu Lục Thân Phong), trang 74
- ♦ **NỖI BUỒN CỦA THẦN CHẾT** (Đào Văn Bình), trang 76
- ♦ **TRÊN LẦU MÀI ĐAO** (thơ TM. Ngô Tăng Giao) trang 80
- ♦ **NÚI XANH MÂY HỒNG – chương 8** (Vĩnh Hào), trang 81
- ♦ **NẤU CHAY: BÚN XÀO CHAY** (Vy Trân) trang 88

Báo Chánh Pháp số 105, tháng 08 năm 2020, do Chùa Quang Minh (Chicago, IL) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn ph. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

THỐNG KHỔ TRẦN GIAN

Khổ đau bao trùm cả nhân loại, cả thế giới. Đó là một sự thật, không ai có thể chối cãi. Chính vì không ai có thể tránh khỏi, khổ đau trở nên bình thường trong cảm nhận chủ quan của mỗi người; và nó chỉ khởi hiện rõ rệt khi bị đẩy lên vượt mức. Đến lúc ấy, người ta mới gục đổ và chịu nhìn nhận sự thật.

Chúng ta vờ quên đi rằng có một sự khổ, nhỏ hay lớn, luôn chực sẵn để đến với mình, bất cứ lúc nào. Chúng ta ngoảnh mặt với khổ đau, cố bám lấy những niềm vui tạm bợ để vượt qua đời sống này; hoặc giả, chúng ta đã tập quen chấp nhận, chịu đựng khổ đau.

Ngoảnh mặt hay chịu đựng không phải là cách giải quyết khổ đau. Trên thực tế, khổ đau đã theo chúng ta suốt chặng đường từ khi sinh ra cho đến khi lìa đời. Các tôn giáo đã hướng dẫn chúng ta phương cách thoát khổ. Nhưng dù là bằng phương cách nào, trước tiên phải nhận chân được nguyên nhân gây nên khổ đau mới có thể tìm ra con đường trị liệu thích hợp.

Những thống khổ từ nghèo đói, bệnh hoạn, bất công xã hội, chiến tranh, thiên tai... chỉ là những hiện tượng mà ai cũng có thể thấy được, và có thể góp công sức hay tiền bạc để làm giảm thiểu hoặc xoa dịu. Nhưng nếu chiêm nghiệm sâu sắc hơn, sẽ thấy nguồn gốc khổ đau của con người là do tham và ái. Tham cầu những gì mình chưa có, hoặc có rồi mà không thấy đủ; yêu bản thân, yêu những gì thuộc về bản thân, yêu những gì bản thân muốn chiếm hữu hoặc đã chiếm hữu, yêu cả những gì đã được bản thân đồng hóa (như gia đình, nơi sinh ra, nơi sinh sống, dân tộc, màu da, tôn giáo, đảng phái, chủ thuyết, lý tưởng...). Nếu tham và ái luôn được đáp ứng thỏa đáng, và thành quả của chúng là thường hằng thì sẽ không có khổ đau, thống hận. Nhưng đó chỉ là thành quả (hay hạnh phúc, thỏa mãn) của chính cá nhân ấy, chưa kể là sẽ tác hại đến người khác như thế nào. Sự tham lam, chiếm hữu vô độ của một cá nhân chắc chắn sẽ gây thiệt thòi, tổn hại đến bao nhiêu người khác, trong gia đình, ngoài xã hội. Ngoài ra, kết quả của tham và ái này luôn bị tác động, chi phối bởi tính chất bất định, biến hoại của mọi sự mọi vật, và kể cả tâm lý. Do đó, hạnh phúc của cá nhân tham ái sẽ thay đổi, và thành quả vật chất mà cá nhân ấy thu đạt được cũng sẽ thay đổi. Sự thay đổi và luôn chuyển dịch của mọi hiện tượng tâm lý, vật lý trên thế gian này kết thành nỗi thống khổ chung, phổ cập toàn nhân loại và sinh chúng.

Đặc tính của biến hoại cũng chính là đặc tính của khổ đau con người.

Hành giả dẫn thân vào đời, chỉ có mỗi tâm nguyện là trang trải lòng thương của mình đến tất cả, không phân biệt màu da, sắc tộc, giàu-nghèo, đẳng cấp... Máu và nước mắt của con người, dù ở quốc gia hay địa vực nào, cũng đỏ và mặn như nhau (*), và vẫn là kết tinh của nỗi khổ sinh-tử. Thống khổ của con người và chúng sinh là vô tận; cho nên chí nguyện ban vui cứu khổ cũng vô tận. Trải nghiệm niềm đau nỗi khổ của chính mình mà thương tưởng đến tất cả chúng sinh. Dùng cái tâm ban đầu và đôi mắt trần ngập thương yêu để ứng xử với cuộc đời. Không đứng bên này, bên kia, mà đứng từ nơi vũng lầy thống khổ của thế gian để cất bước đi của những kẻ khiêm cung, siêu xuất.

(*) Hình ảnh và ý này mượn từ một châm ngôn Phật giáo.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HOA KỲ: Trung tâm Thiên Upaya tổ chức hội nghị các nhà lãnh đạo phụ nữ về công lý

Santa Fe, New Mexico - Vào ngày 21-6-2020, Trung tâm Thiên Upaya đã tổ chức một hội nghị trực tuyến gồm các nhà lãnh đạo phụ nữ để thảo luận về mối quan hệ giữa công lý và tín ngưỡng.

Hội nghị, được gọi là "Hành động Giác ngộ: Các nữ lãnh đạo nói về Chúng tộc, Nghèo đói, Khí hậu và Đại dịch," với sự tham gia của các diễn giả nổi bật như Jane Fonda, Dekila Chungyalpa, Joanna Macy, Rebecca Solnit, v.v. Trong một bài đăng trên blog Upaya, người sáng lập và trụ trì trung tâm, Roshi Joan Halifax, đã bày tỏ rằng dịp tốt này là đáng chú ý và hiếm có như thế nào để các nhà lãnh đạo phụ nữ và các nhà khoa học giải quyết mối quan hệ giữa nhiều loại bất công và những thách thức lịch sử đang diễn ra. "Một trong những điều mạnh mẽ về Trung tâm Thiên Upaya nhỏ bé, có lương tâm và nhanh nhạy này là chúng tôi

có thể phản ứng nhanh chóng với các sự kiện quan trọng trong lịch sử của thời đại," bài đăng nói.

(Big News Network - July 1, 2020)

ẤN ĐỘ: Lễ kỷ niệm dài một năm nhân sinh nhật thứ 85 của Đức Đạt Lai Lạt Ma

Một năm tròn dành cho các lễ kỷ niệm và các sự kiện kỷ niệm trên toàn thế giới đã được lên kế hoạch như là một phần của "Năm của Lòng biết ơn" để đánh dấu ngày sinh của nhà lãnh đạo tinh thần Tây Tạng, Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, tròn 85 tuổi vào ngày 6-7-2020.

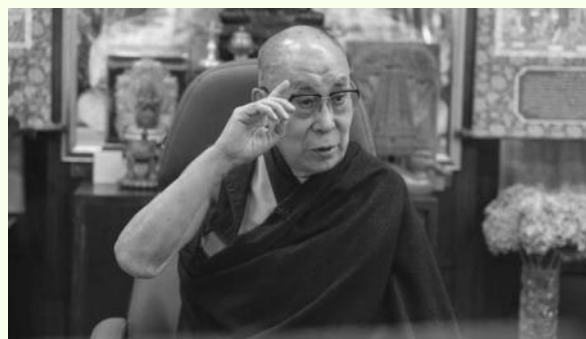
Từ ngày 1-7-2020 đến ngày 30-6-2021, theo Chính quyền Trung ương Tây Tạng (CTA) - chính phủ lưu vong Tây Tạng - một loạt các sự kiện ảo sẽ được tổ chức dành cho Đức Đạt Lai Lạt Ma "để đánh giá cao tất cả những đóng góp nổi bật của ngài" nhằm "nỗ lực để chia sẻ, quảng bá và tôn vinh những giáo lý và sự

nghiệp trọn đời của Đức Pháp vương."

Trong số các sự kiện khác để đánh dấu dịp này, một bộ phim tài liệu mới mang tên "Đạt Lai Lạt Ma - Nhà khoa học" - đã ra mắt thế giới tại Liên hoan phim quốc tế Venice lần thứ 76 vào tháng 8 năm ngoái - sẽ được phát trực tuyến miễn phí từ ngày 6-7-2020.

Với các cảnh quay hiếm hoi và chưa từng thấy trước đây, bộ phim dài này được cung cấp để ghi nhận những đóng góp nổi bật của Đức Đạt Lai Lạt Ma trong việc thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa khoa học phương Tây và trí tuệ Phật giáo.

(Buddhistdoor Global - July 2, 2020)



Đức Đạt Lai Lạt Ma
Photo: Ven Tenzin Jamphel



Các diễn giả của Hội nghị "Hành động Giác ngộ: Các nữ lãnh đạo nói về Chúng tộc, Nghèo đói, Khí hậu và Đại dịch"
Photo: Tricycle



THÁI LAN: Triển lãm nhân kỷ niệm ngày sinh thứ 150 của đại sư Luang Pu Mun

Bangkok, Thái Lan - Để đánh dấu Ngày Asanha Bucha và Mùa Chay Phật giáo năm nay - trùng với kỷ niệm ngày sinh năm thứ 150 của nhà sư Phra Ajarn Mun Bhuridatta Mahathera, tục danh Luang Pu Mun - khu mua sắm phức hợp Seacon Bangkai đang tổ chức cuộc triển lãm mang tên "Khao Phansa Maha Mongkol: 150 năm ngày sinh của Luang Pu Mun" tại Khu vực chính ở tầng thứ nhất, từ ngày 3 đến 12-7-2020.

Đây là một cơ hội hiếm có để chiêm bái bản sao bức tượng bằng ngọc trắng duy nhất trên thế giới của nhà sư đáng kính này. Sư Luang Pu Mun đã được UNESCO công nhận là một "nhân vật quan trọng" trong việc thúc đẩy hòa bình thế giới.

Triển lãm trưng bày các thánh tích và tóc cùng với các vật dụng cần thiết của ông - mượn từ bảo tàng của chùa Wat Pa Sutthawas ở Sakon Nakhon, nơi ông là trụ trì và viên tịch.

Các bản sao tượng của nhiều vị tôn sư vốn là đệ tử của ngài Luang Pu Mun cũng sẽ được đưa đến sự kiện này để các Phật tử chiêm bái.

(Bangkok Post - July 2, 2020)

Đại sư Phra Ajarn Mun Bhuridatta Mahathera - Luang Pu Mun—Photo: Bangkok Post



HOA KỲ: Trung tâm Lưu trữ Kỹ thuật số Phật giáo ra mắt Thư viện Phật giáo trực tuyến mới

Trung tâm Lưu trữ Kỹ thuật số Phật giáo (BDRC) có trụ sở tại Cambridge, Massachusetts, đã hoạt động hơn 20 năm để bảo tồn, phân loại, số hóa và phổ biến các tài liệu về các truyền thống đang bị nguy cơ biến mất của Phật giáo.

Trung tâm hiện đã sẵn sàng ra mắt một trang web hoàn toàn mới, cập nhật giúp các tác phẩm quý giá này có thể truy cập được miễn phí cho tất cả mọi người.

Trang web mới của BDRC, dự định làm nguồn kỹ thuật số cho cả ba Phật tông là Đại Thừa, Nam Tông và Mật Tông, sẽ giới thiệu một bộ sưu tập các văn bản Phật giáo Hoa ngữ, tiếng Pali, tiếng Phạn và tiếng Tây Tạng, cũng như các công cụ tiên tiến cho tìm kiếm thư viện mở rộng và xem các tác phẩm. Trang web mới này theo kế hoạch sẽ ra mắt chính thức vào ngày 1-8-2020

(HOME: Buddhistdoor - July 1, 2020)



Hoạt động khảo sát các văn bản Phật giáo của BDRC tại Mông Cổ (ảnh trên) và tại Thái Lan (ảnh dưới)



Photos: khyentsefoundation.org

ẤN ĐỘ: Thông điệp của Đức Phật nổi bật tại Lễ Chuyển Pháp luân Đầu tiên của Ấn Độ

Ngày 7-7-2020, Liên đoàn Phật giáo Quốc tế (IBC), hợp tác với Bộ Văn hóa Ấn Độ, đã tổ chức ngày lễ đánh dấu những lời dạy đầu tiên của Đức Phật sau khi Ngài giác ngộ, được Phật giáo gọi là "Chuyển Pháp luân" (tiếng Pāli là Dhammacakkappavattana). Sự kiện này có sự góp mặt của Tổng thống Ấn Độ, Ram Nath Kovind, cùng với các nhà lãnh đạo Phật giáo và chính trị từ Ấn Độ và các nơi khác.

Được tổ chức tại Rashtrapati Bhavan, nơi cư trú chính thức của Tổng thống tại New Delhi, buổi lễ đã diễn ra sau Tuần lễ Vesak và Cầu nguyện Áo Toàn cầu từ ngày 7 đến 16 - 5, cũng do IBC tổ chức.

Do đang có đại dịch COVID-19 nên sự kiện này chỉ tổ chức theo từng nhóm nhỏ tập trung tại từng địa điểm, với những người tham dự đeo khẩu trang và được phát trực tiếp cho mọi người trên khắp thế giới tham gia.

(Buddhistdoor - July 7, 2020)



Tổng thống Ấn Độ (người thứ hai từ bên trái) tại Lễ Chuyển Pháp luân Đầu tiên của Ấn Độ-Photos: tribuneindia.com



NHẬT BẢN: Tour du lịch thực tế ảo của chùa Ninnaji trình chiếu 33 bức tượng của các vị thần Phật giáo

KYOTO - Chùa Ninnaji đang tổ chức một tour du lịch thực tế ảo 3-D giới thiệu 33 vị thần Phật giáo, mang đến cho du khách cái nhìn cận cảnh về bộ sưu tập các bức tượng hàng thế kỷ vốn thường đóng cửa đối với công chúng.

Đoạn video dài 13 phút trình chiếu pho tượng chính của chùa - tượng thiên thủ Quán Thế Âm Bồ Tát - và hàng ngàn bức tượng khác được tôn trí trong Chánh điện Kannondo.

Các bức tượng này được tạo tác vào đầu Thời kỳ Edo (1603-1867).

"Chúng tôi hy vọng nhiều người nhất có thể tìm hiểu về sự quyến rũ của các pho tượng Phật giáo trong chánh điện Kannondo thông qua các cảnh quay VR", Shoyu Yoshida, trưởng phòng hành chính của chùa nói.

Một số bức tượng, bao gồm Fujin và Raijin, có thể được nhìn thấy không chỉ từ phía trước mà còn từ hai bên và mặt sau. Người xem có thể cảm thấy như mình đang ở thật gần những pho tượng trong chánh điện Kannondo, các vị chức sắc bản tự cho biết.

Tour tham quan VR này mở cửa cho công chúng tại chùa cho đến ngày 31-7-2020.

(Asahi Shimbun - July 8, 2020)



Tour du lịch thực tế ảo của chùa Ninnaji trình chiếu hình ảnh 3D những pho tượng chư thần Phật giáo



Photos: Asahi Shimbun

ÚC ĐẠI LỢI: Phật tử chăm sóc bụi cây để tôn vinh Đức Đạt Lai Lạt Ma

Năm nay, lễ kỷ niệm sinh nhật của Đức Đạt Lai Lạt Ma bởi cộng đồng Tây Tạng Blue Mountains đã chuyển hướng do các hạn chế vì COVID-19.

Đáp lại yêu cầu của Đức Đạt lai Lạt ma là kỷ niệm sinh nhật ngày 6 tháng 7 của ngài bằng cách làm sạch môi trường, hơn 40 thành viên của cộng đồng Tây Tạng Blue Mountains đã tham gia một hội thảo chăm sóc bụi cây tại Katoomba Cascades (New South Wales, Úc).

Buổi sáng đã được tổ chức đặc biệt cho họ bởi đội ngũ tài sản tự nhiên của hội đồng.

Nhà tổ chức cộng đồng Samzin Kalsang nói: "Làm

sạch môi trường cho tất cả chúng sinh là một trong những mối quan tâm lớn nhất của Đức Đạt lai Lạt ma. Trong thời gian dịch COVID, đó là một cơ hội tuyệt vời để làm điều này đặc biệt là khi đang sống ở vùng Blue Mountains."

Các hoạt động buổi sáng bao gồm làm cỏ, giảm tải nhiên liệu, trồng và tưới nước cây dương xỉ và cọc, và phủ rơm.

Đó là một trải nghiệm chăm sóc bụi cây đầu tiên đối với cộng đồng này. Trong khi trẻ em chơi ở khu dã ngoại, các tình nguyện viên chăm sóc bụi cây mới có độ tuổi từ thanh thiếu niên đến người già đã nhiệt tình làm công tác.

(bluemountainsgazette.com.au - July 9, 2020)



Cộng đồng Tây Tạng Blue Mountains tham gia hoạt động chăm sóc bụi cây tại Katoomba Cascades (New South Wales, Úc)



Photos: bluemountainsgazette.com.au

NEPAL: Cảnh sát bắt giữ sáu người đàn ông đang cố bán 'kinh cổ chữ vàng của Phật giáo'

Ngày 8-7-2020 cảnh sát đã bắt giữ sáu người tại thủ đô Kathmandu trong khi nhóm này cố gắng bán hiện vật được cho là những trang kinh Phật giáo cổ được viết bằng chữ vàng.

"Chúng tôi đã thu hồi 16 trang kinh điển Phật giáo được viết bằng mực vàng từ các nghi phạm," Phó Giám đốc Cảnh sát Rajkumar Kc, phát ngôn viên của Cảnh sát Thủ đô Kathmandu. Chúng tôi vẫn chưa xác định được nơi mà các nghi phạm lấy những trang đó, là hiện vật mà chúng tôi tin là cổ xưa và có tầm quan trọng tôn giáo."

Cảnh sát đã xác định được danh tính của 6 người đàn ông này, có tuổi từ 31 đến 64 và đến từ các địa phương khác nhau.

Họ bị cáo buộc là đang cố bán di tích nói trên với giá 50 triệu rupee.

(kathmandupost.com - July 9, 2020)

CAM BỐT: Trang trại tu sĩ Phật giáo sản xuất lương thực hữu cơ vì cuộc sống bền vững

Khi nhu cầu về lối sống bền vững ngày càng tăng rõ rệt, nhiều nhà sư Phật giáo ở Campuchia đã thiết kế lại các đền chùa của họ với không gian vườn để các tu sĩ thường trú có thể tự trồng lương thực.

Chùa Serei Sakor Daun Sdoeung, tọa lạc tại xã Senareach Udom Village Snay Proem Village ở quận Preah Sdach, đã dành ra một không gian xanh trong đó chư tăng bản tự trồng nhiều loại lúa, trái cây và rau quả.

Được khởi xướng bởi sư trưởng Ven. Im Teang khoảng 10 năm trước, các nhà sư đã trồng hơn 3,000 cây trên vùng đất xung quanh, cũng như tuân theo các thói quen thân thiện với

môi trường khác, chẳng hạn như việc tuyệt đối tránh sử dụng túi nhựa.

Quan tâm đến sự bền vững cho sức khỏe, nền kinh tế và môi trường, các nhà sư chỉ sử dụng phân bón tự nhiên trong nông nghiệp của họ.

Chùa Serei Sakor Daun Sdoeung giúp người dân địa phương trồng thực phẩm hữu cơ, chia sẻ cây lúa với họ khi mùa mưa bắt đầu. Chùa cũng cung cấp các kho gạo và rau quả của bản tự cho người nghèo.

(NewsNow - July 10, 2020)



Các nhà sư Chùa Serei Sakor Daun Sdoeung đã trồng hơn 3,000 cây và lúa, rau quả



Photos: phompenhpost.com

NHẬT BẢN: Chùa Nisshinkutsu ở Tokyo cung cấp cho công nhân Việt Nam bị ảnh hưởng đại dịch một nơi trú ẩn an toàn

Ngôi chùa Phật giáo ba tầng Nisshinkutsu đã trở thành nơi lưu trú cho những người lao động nhập cư trẻ tuổi người Việt Nam, một trong những nhóm bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi sự suy thoái kinh tế xảy ra do dịch coronavirus mới ở Nhật Bản.

Bình thường, công việc của các nữ tu ở chùa là cầu nguyện cho người quá cố. Nhưng với coronavirus đang thúc ép nền kinh tế, bây giờ họ dành thời gian để làm các gói chăm sóc cho người Việt Nam ở rải rác khắp đất nước. Nhiều công nhân Việt Nam đến Nhật Bản với tư cách là sinh viên hoặc thực tập sinh, khiến họ phụ thuộc vào chủ lao động và do đó dễ bị lạm dụng và bóc lột.

Bên trong chùa Nisshinkutsu, những người lao động trẻ Việt Nam cơ nhỡ này học tiếng Nhật, nấu các món ăn Việt Nam, tìm việc làm hoặc đặt chuyến bay về nhà.

(Tipitaka Network - July 12, 2020)



Các tình nguyện viên người Việt chuẩn bị những gói thực phẩm và khẩu trang cho đồng hương nghèo khó đang tạm cư tại chùa Nisshinkutsu (Tokyo)



Một công nhân nhập cư người Việt chuẩn bị bữa tối cho người Việt gặp khó khăn tại chùa Nisshinkutsu ở Tokyo
Photos: Reuters

TRUNG QUỐC: Ngôi chùa Phật giáo 700 tuổi đứng vững trước lũ sông Dương Tử

Khi nước lũ đạt mức kỷ lục trên khắp miền trung và miền nam Trung Quốc, video xuất hiện vào ngày 14-7 cho thấy một ngôi chùa 700 tuổi kiên cường đứng trước mọi thử mà sông Dương Tử có thể xô vào.

Nhà hoạt động nhân quyền Jennifer Zeng đã đăng một đoạn video cho thấy Chùa Quán Thế Âm ở thị trấn Ngạc Châu của tỉnh Hồ Bắc - nằm cách Vũ Hán khoảng 80 km về phía hạ lưu - hoàn toàn bị bao quanh bởi lũ dữ của con sông Dương Tử. Mực nước lũ đã tăng cao đến mức mọi vật kiến trúc thấy được đều bị nhấn chìm ngoại trừ ngôi chùa cổ này.

Chùa Quán Thế Âm - được xây dựng lần đầu tiên vào thời nhà Tống và xây dựng lại vào thời nhà Nguyên - nằm trên một đảo đá ở rìa sông và đã tồn tại qua nhiều thế kỷ lũ lụt, gần đây nhất là lũ vào năm 1998 và 2017.

Trận lũ lụt mới nhất đang thử thách ngôi chùa này, vì mức độ lũ đã bắt đầu vượt qua những gì đã thấy vào năm 1998, với dự báo mưa vẫn nhiều hơn trong mùa hè này.

(Taiwan News - July 15, 2020)



Chùa Quán Thế Âm khi sông ở mực nước thấp hơn
Photos: Taiwan News & indiatimes.com

ẤN ĐỘ: Các nhà sư Phật giáo yêu cầu để UNESCO khai quật Ram Janmabhoomi

Các nhà sư Phật giáo đã tổ chức một cuộc tuyệt thực ngồi ở Ayodhya vào ngày 14-7-2020, tuyên bố rằng cơ sở Ram Janmabhoomi là một địa điểm Phật giáo.

Trong cuộc biểu tình bên ngoài văn phòng của thẩm phán quận Ayodhya, chư tăng yêu cầu những hiện vật tìm thấy trong quá trình san lấp vùng đất của địa điểm Ram Janmabhoomi phải được công khai.

Một linh vật shivalinga, 7 trụ đá đen, 6 cột đá sa thạch đỏ, một chóp hoa và 4 tượng của các vị thần và nữ thần bị vỡ đã được tìm thấy vào tháng Năm trong quá trình san lấp mặt bằng một ngôi đền Ram.

Các nhà sư Phật giáo yêu cầu việc khai quật địa điểm này phải được thực hiện bởi UNESCO, cho rằng các hiện vật được thu hồi thuộc về văn hóa Phật giáo.

Họ yêu cầu công việc xây dựng đền Ram phải dừng lại ngay lập tức.

Các tín đồ của Phật giáo coi Ayodhya là thành phố cổ Saket, là trung tâm của Phật giáo thời cổ đại.

(PTI - July 15, 2020)

HÀN QUỐC: Bảo tàng Quốc gia mở cửa trở lại với các khu triển lãm mở rộng, bao gồm cả những bảo vật Phật giáo

Bảo tàng Quốc gia Hàn Quốc mở cửa trở lại theo lịch trình vào ngày 22-7-2020, với cuộc triển lãm bảo vật quốc gia lớn nhất từ trước đến nay. Một trong ba phần của triển lãm là dành cho các hiện vật liên quan đến Phật giáo. Chín ngôi chùa Phật giáo liên kết với Tông phái Jogye, Phật phái lớn nhất Hàn Quốc, đã đóng góp các tác phẩm cho cuộc triển lãm này.

Triển lãm có tiêu đề là "Các Bảo vật Quốc gia Mới của Hàn Quốc", sẽ diễn ra đến ngày 27-9.

Các hiện vật được trưng bày sẽ bao gồm các hiện vật được chỉ định là bảo vật từ năm 2017- 2019. Tổng cộng có 196 hiện vật được trưng bày, sẽ được trình bày qua các video clip và phát trực tuyến bắt đầu ngày 21-7.

Để tuân thủ các quy định của Bộ Y tế về giãn cách xã hội, bảo tàng sẽ giới hạn khách tham quan là 200 người mỗi hai giờ, chiếm khoảng 30% công suất. Tất cả khách tham quan phải đặt chỗ trực tuyến trước và đeo khẩu trang trước khi vào



phòng triển lãm. Phí vào xem sẽ là 5,000 Won (US \$ 4.20).
(Buddhistdoor Global – July 21, 2020)



Giới truyền thông thường lãm các hiện vật trước khi khai mạc triển lãm



*Hiện vật triển lãm: Tượng Quán Thế Âm bằng gỗ từ chùa Buram-sa ở Namyangju, tỉnh Gyeonggi
Photos: koreaherald.com*

PAKISTAN: Bốn người bị bắt vì đập phá pho tượng thời Phật giáo

Ngày 18-7-2020, cảnh sát đã bắt giữ 4 người với tội danh đập phá một pho tượng lớn thời Phật giáo cổ xưa tại quận Mardan (tỉnh Khyber Pakhtunkhwa - KP).

Đoạn video vụ đập vỡ pho tượng lan truyền trên mạng xã hội và sau đó chính quyền đã ra lệnh hành động. Qua video ghi hình tại công trình xây dựng một kênh nước tại khu vực Jamal Bagh ở Sarho Shah, có thể thấy một người đang đập vỡ pho tượng trong

khí những người khác chứng kiến sự việc này.

Cảnh sát Quận Mardan cho biết các mảnh vỡ của pho tượng đã được cất giữ. Và nhóm tội phạm đập phá pho tượng Phật giáo Gandhara cổ đại nói trên đã bị cảnh sát tỉnh KP bắt giữ vì vi phạm Đạo luật Cổ vật 2016.
(thenews.com.pk – July 19, 2020)

NHẬT BẢN: Các bích họa từ chùa Horyuji trước khi cháy vào năm 1949 được chiếu trực tuyến

Hình ảnh số hóa của 363 tấm ảnh thủy tinh nguyên bản cho thấy những bức bích họa thế kỷ thứ 7 từ chùa Horyuji trước khi chúng bị hư hại trong một vụ hỏa hoạn vào năm 1949 sẽ có sẵn trực tuyến từ ngày 22-7-2020.

Việc số hóa các tấm ảnh, có bề mặt được phủ bằng vật liệu nhạy cảm, đã được lên kế hoạch bởi chùa Horyuji ở Nara - một di sản thế giới - và Bảo tàng quốc gia Nara cùng các tổ chức khác.

Vào tháng 5, nhà tổ chức triển lãm đã quyết định sẽ trình chiếu trực tuyến các hình ảnh này để thông tin cho công chúng về các giá trị lịch sử và nghệ thuật của các bức bích họa.

Benrido Inc., một xưởng vẽ nghệ thuật lâu đời ở Kyoto, đã sử dụng các tấm kính để chụp 12 bức tranh kích thước thật của các bức bích họa của chánh điện Kondo vào năm 1935 (trước khi chúng bị thiêu rụi trong đám cháy năm 1949) bằng cách chia chúng thành nhiều phần. Các tấm ảnh này được chỉ định là tài sản văn hóa quan trọng vào năm 2015.

Các bức bích họa lớn và nhỏ bên trong chánh điện Kondo có từ cuối thế kỷ thứ 7 đến đầu thế kỷ thứ 8 đã được vẽ bằng những màu sắc phong phú và được xem là một trong những kho tàng tranh Phật giáo Đông Á cổ đại.

(The Asahi Shimbun – July 20, 2020)



*Ảnh thủy tinh nguyên bản của những bức bích họa thế kỷ thứ 7 từ chùa Horyuji
Photos: The Asahi Shimbun*

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

c)- Biệt Chương:

c/1- Mười Thứ Chương Thiện Pháp:

Bài Tụng:

"Không gia công hành trì, chẳng phải chỗ, không như lý. Không sanh, không khởi Chánh Tư Duy, tư lương chưa viên mãn. Thiếu chủng tánh, thiện hữu, Tâm tánh rất mệt mỏi chán ghét. Và quan hệ nơi chánh hạnh, thô bi và hung ác đồng cứ. Đến thô trọng, ba dư thừa, Bát Nhã chưa thành thực. Và bản tánh thô trọng, biếng nhác, tánh buông thả. Trước hữu, trước tư tài, và tâm tánh thấp hèn. Không tin, không thẳng giải, như nói mà suy nghĩ nghĩa lý. Kinh pháp, trọng danh lợi, nơi hữu tình không bi. Thiếu nghe và ít nghe, không tu quản lý diệu định. Thiện, Bồ đề, nhiếp thọ, có huệ, không loạn chướng, hồi hướng, không khiếp sợ, keo kiệt, tự tại gọi là thiện, v.v... Như thế Thiện, v.v... có mười thứ, mỗi thứ đều có ba chương."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích chương của mười thứ pháp thiện. Mười pháp thiện gồm có: 1- Thiện, 2- Bồ Đề, 3- Nhiếp thọ, 4- Có Huệ, 5- Không Loạn, 6- Không chướng, 7- Hồi hướng, 8- Không sợ, 9- Không keo kiệt, 10- Tự tại.

1. *Mười thứ pháp thiện* đây, mỗi thứ có ba chương, như trong **Thiện** có ba chương ngại là không chịu gia công hành trì, có chướng ngại là gia công hành trì không phải

chỗ, có chướng ngại là gia công hành trì không đúng như lý.

*- *Không Gia Công Hành Trì* đây, nghĩa là nguyên do tất cả pháp thiện phát sanh phải nhờ cậy nơi sự gia công hành trì, như chúng ta nghe giảng Phật Pháp, đây không phải là mỗi lần nghe giảng là mỗi lần hạt giống thiện căn phát sanh, mà muốn hạt giống thiện căn phát sanh thì phải từ trước đến nay nhiều lần gia công hành trì tu tập tích lũy, nếu không gia công hành trì thì tu tập trở nên lười biếng mà không thể thành tựu.

*- *Chẳng Phải Chỗ* đây, nghĩa là gia công hành trì không chánh đáng, như đối với những việc không tốt thì lại rất tinh tấn, đây chính là gia công hành trì chẳng phải chỗ.

*- *Không Như Lý* đây, nghĩa là chỉ cho phương pháp thực hiện gia công hành trì, chỗ pháp lý thì không rõ ràng và lại rất nhiều sai trái, cho nên cũng không thể

thành tựu.

2. Trong **Bồ Đề** có ba thứ chương: không sanh pháp thiện, không khởi Chánh Tư Duy, Tư lương chưa viên mãn. Ba thứ đây đều có thể chướng ngại thành tựu vô thượng Bồ Đề.

*- *Không Sanh Pháp Thiện*, nghĩa là không thể dùng gia công hành trì để sanh khởi pháp thiện.

*- *Không Khởi Chánh Tư Duy*, nghĩa là không thể sanh khởi tư duy về như không pháp không đúng như lý. Chỗ sanh khởi là chấp trước đích thật không đúng như lý, đây tức là do không có trí tuệ.

*- *Tư Lương Chưa Viên Mãn*, nghĩa là



HT Thắng Hoan

trên quả Phật, tư lương phước trí chưa viên mãn, cho nên không thể đắc quả vô thượng Bồ Đề.

3. Trong **Nhiếp Thọ** cũng có ba thứ chướng: *- Thiếu chủng tánh, *- Thiếu thiện hữu, *- Tâm tán mệt mỏi chán nản. Nghĩa của Nhiếp thọ là phát tâm Bồ Đề, dùng phát tâm để thâm nhiếp và quản lý tất cả pháp thiện, nếu như không phát tâm thì tất cả pháp thiện bị tiêu mất. Trong đây thiếu chủng tánh làm chướng ngại, nghĩa là có thứ người nơi chủng tánh Bồ Tát còn chưa đầy đủ cho nên không thể phát khởi Tâm Bồ Đề. Thiếu Thiện Hữu nghĩa là phạm vi thiện hữu rất rộng, như Thánh giả hai Thừa là Phật và Bồ Tát, cho đến các bậc tri thức có thể thuyết chánh Pháp đều gọi là thiện hữu; không có Thiện Hữu thì thiếu duyên tăng thượng. Tâm tán mệt mỏi chán nản nghĩa là biếng nhác không chuyên cần, không thể kiên nhẫn lao động chịu khổ tu hành độ chúng sanh. Cho nên có ba thứ chướng đây thì không thể phát tâm Bồ Đề.

4. **Có Huệ** bên trong cũng có ba chướng: *- Thiếu Chánh Hạnh, *- Chung ở với kẻ thấp hèn đê tiện, *- Chung ở với kẻ hung ác. Lý do chướng ngại thứ nhất là thiếu chánh hạnh tức là thiếu thật hành hợp lý, chỗ phát khởi thật hành đều là tà hạnh tham lam, v.v..., khiến cho Chánh Huệ không thể phát sanh. Lý do chướng ngại thứ hai là cho nhiều người thấp hèn xấu xa vô tri ở chung, thường sanh kiêu mạn. Lý do chướng ngại thứ ba là luôn luôn ở chung cùng làm việc không tốt, không hiểu sẽ bị họ nội kết ô nhiễm. Như ngôn ngữ nói rằng: "Cùng ở chung với người ác như vào quán bào ngư, lâu ngày không nghe mùi hôi của nó." Bồ Tát vì thường cầu sanh Tịnh Độ cùng ở chung các bậc thiện tri thức có thể làm trợ duyên cho chánh hạnh. Như thế ba thứ đây đều là chướng ngại cho Chánh Huệ.

5. Trong **Không loạn** cũng có ba chướng: *- Diên đảo thô trọng, *- Còn lại, *- Bất Nhã chưa thành thực. Lý do phiền não diên đảo thô thiển trầm trọng gọi là diên đảo thô trọng, đây là chỉ cho thấy diên đảo, như vô thường chấp cho là thường, không an lạc chấp cho là an lạc, vô ngã chấp cho là ngã, v.v... thường khiến cho tâm tán loạn không định. Ba còn lại đây, nghĩa là ba thứ còn lại như phiền não, nghiệp, báo là những thứ còn lại chưa đoạn trừ để được thanh tịnh, những thứ này rất ráo có thể làm chướng ngại khi tâm không tán loạn. Bất Nhã chưa thành thực đây, nghĩa là trí tuệ làm nhân có thể chứng đắc Niết Bàn Bồ Đề, nhưng chưa đầy đủ thành thực, cho nên khiến tâm không thể không loạn.

6. Trong **Không chướng** cũng có ba chướng. Không chướng đây nghĩa là không có

hai chướng Phiền Não và Sở Tri, hoặc là Phục Diệt, hoặc là Đoạn trừ, hoặc là Nhất Phần, hoặc là Toàn Phần thảy đều không chướng ngại và không chướng ngại tức là có thể chứng đắc vô thượng Bồ Đề. Trong đây có ba chướng như là:

*- Bàn Tánh thô trọng chướng, nghĩa là chỉ cho câu sanh phiền não chướng và sở tri chướng, đây là chúng sanh sanh ra đã có mà không phải do phân biệt sanh khởi.

*- Tánh biếng nhác, nghĩa là không thể tinh tấn đối với pháp thiện, mặc dù đối với thể lực của pháp ác cũng không thể tinh tấn.

*- Tánh buông thả, tánh biếng nhác ở trước đã giải thích chỉ là không chuyên cần, nhưng tánh buông thả ở đây là không cần trọng, tức là nghĩa phóng túng không bị trói buộc. Như có người bình thường rất siêng năng tinh tấn, nhưng hành vi sơ suất, đối với tế hạnh không cần trọng cũng là khuyết điểm, cho nên cần phải không cho thiện nhỏ mà không làm, không cho ác nhỏ mà lại làm, như thế mới thích hợp.

7. Trong **Hồi Hướng** cũng có ba chướng: Hồi Hướng đây, nghĩa là chỗ có công đức, chỗ tu pháp thiện phổ biến hồi hướng tất cả hữu tình và vô thượng Bồ Đề. Ba thứ chướng đây:

*a. Trước Hữu, nghĩa là tham trước nhân quả ba cõi, như đem chỗ tu thiện mong cầu quả báo nhơn thiên thì không thể hồi hướng vô thượng Bồ Đề.





*b. Trước Tư Tài, nghĩa là tham trước tiền của, không thể bố thí lợi ích cho chúng sanh để hồi hướng vô thượng Bồ Đề.

*c. Tâm tánh thấp hèn, nghĩa là tâm lượng nhỏ hẹp không thể đem chỗ tu pháp thiện hồi hướng vô thượng Bồ Đề và hồi hướng cho chúng sanh, chỉ tự lợi riêng tư, cho nên không thể khiến công đức được rộng lớn.

8. Trong **Không khiếm sợ** cũng có ba chướng: Không khiếm sợ đây, nghĩa là trí đức đã được thành tựu viên mãn, như người chưa từng tạo qua ác nghiệp, cho nên trên tâm lý không khiếm sợ bị đoạ vào ba đường ác, Phật Pháp gọi là không lo sợ, không giống như người thể tục gần nơi phóng túng, nghĩa là không kiêng dè nề nang. Trong đây có ba chướng:

*a. Không tin, chính là đối với Phật và Bồ Tát không tin có phước trí vô biên, không tin mình đây cũng có thể tu Bồ Tát Hạnh và chứng quả Phật, cho nên không thể không khiếm sợ.

*b. Không thẳng giải, nghĩa là đối với Phật Pháp không hiểu rõ, không có kiên quyết, không hành động, không thể biện biệt để phủ định nào chân nào ngụy, nhân vì không thể phát sanh kiến giải thiền định.

*c. Như nói mà nghĩ bàn, nghĩa là không thể thấu đạt được ý nghĩa chỗ Phật thuyết pháp mà chỉ chấp trên ý nghĩa văn tự mà cho Phật thuyết pháp nhất định là như thế, do đó đối với địa phương lời nói của Phật có rất nhiều tương phản, vì tương phản mà sanh ra khiếm sợ, rốt cuộc đối với Bồ Tát Hạnh không dám tu tập; thí dụ như đã tu thì phải bố thí cũng giống như cho vay lấy

lãi, rốt cuộc phải đền bù trả lại. Khiếm sợ là chướng ngại của sự giải thoát, đây chính là chấp trước sai lầm trên văn tự.

9. Trong **Không keo kiệt** cũng có ba chướng:

*a. Kính Pháp, nghĩa là đối với chánh pháp không sanh kính trọng cho nên không thể hiểu rõ chánh pháp để bố thí phổ thông.

*b. Trọng danh lợi, nghĩa là chạy theo sự quý trọng danh lợi cung kính của thế gian, cho nên không thể sử dụng tất cả lợi ích đi bố thí cho mọi người.

*c. Nơi hữu tình không có lòng bi, nghĩa là không thể cứu tế sự thống khổ của hữu tình, như thấy hữu tình thế gian có khổ không thể phát tâm cứu tế, đây cũng là chướng ngại của không keo kiệt.

10. Trong **Tự tại** cũng có ba chướng:

*a. Thiếu Nghe, nghĩa là đối với Phật Pháp chưa từng nghe qua cho nên không kính trọng Phật Pháp, cũng không thể tiếp nhận Phật Pháp, vì thế đối với Phật Pháp không được tự tại.

*b. Ít Nghe, nghĩa là chỉ nghe một chút ít Phật Pháp, hiểu được một tí cho là đủ, mặc dù có thể tự tu, nhưng không thể độ người, muốn độ người tất nhiên phải học rộng biết nhiều.

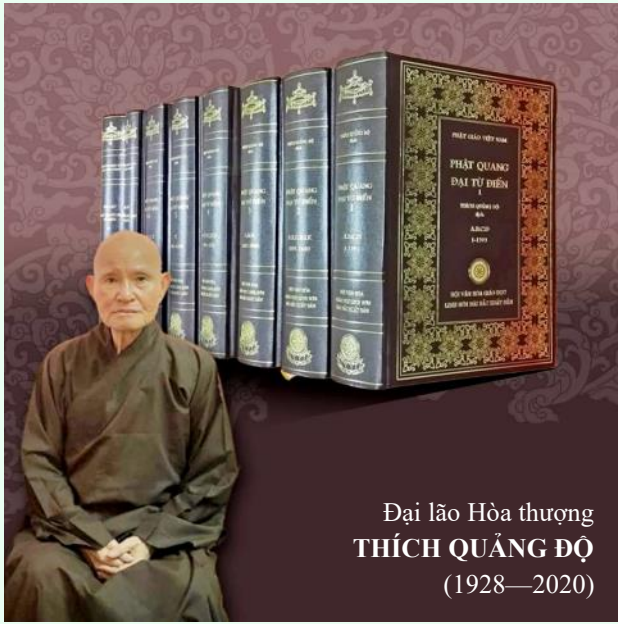
*c. Không tu quản lý điều định, nghĩa là không tu Định thì không thể phát huy thần thông thiền định, v.v... cho nên cũng là chướng ngại của kẻ được tự tại.

Như thế mười thứ thiện pháp, mỗi thứ đều có ba chướng đã được giải thích hoàn toàn, nơi trong Thích Luận lại đề cử mười năng tác (*mười khả năng tiến hành*) làm thí dụ, đây không trả lời rườm rà, có thể tự tham cứu.

Thứ lớp của mười pháp thiện như thế, nghĩa là trước hết gieo trồng thiện căn; thứ đến mong cầu chứng quả Bồ Đề thì cần phải thực hiện Tứ Hoảng Thệ Nguyên của hạnh phát tâm Bồ Đề, nhờ đó mới có trí tuệ thông đạt chân lý; có trí tuệ mới có thể đối trị tán loạn, gọi là không loạn, có trí tuệ mới có thể đối trị các chướng Câu Sanh, gọi là không chướng; đem chỗ tu thiện có thể hồi hướng vô thượng Bồ Đề; thành tựu chỗ tu phước trí nhờ đó nên không khiếm sợ; cần yếu ở chỗ là nhờ thâm nhiếp các pháp rộng độ chúng sanh, trong đó nhờ dùng pháp bố thí cho nên không có keo kiệt; như là chín thứ đã viên mãn, nơi tất cả pháp công đức mới được tự tại.

Như thế mười pháp thiện, mỗi pháp đều có ba chướng, cộng ba mươi chướng lại và thường loại trừ hết những chướng đây thì mười pháp thiện sẽ được viên mãn mà chứng đặng đạo quả Phật Thừa.

(còn tiếp)



Đại lão Hòa thượng
THÍCH QUẢNG ĐỘ
(1928—2020)

TAM DANH

(Tưởng niệm HT. Thích Quảng Độ,
Tướng Lê Minh Đảo, Ca sĩ Thái Thanh)

*Danh tăng quày gót về tây
Bao nhiêu kinh kệ tháng ngày dịch xong
Bây chừ vô tận thông dong
Thân về cát bụi thức trong đất trời
Kê vai gánh vác việc đời
Kể sách, thỉnh nguyện vì người khổ đau
Ngàn xưa cho chí ngàn sau
Sa-Bà này vẫn nguyên màu ban sơ*

*Tướng tài thất thế sa cơ
Hai mươi năm lẻ một giờ súng bùng
Rời ra cách cội xa nguồn
Lưu vong thân xác thân hồn xót xa*

*Ngọc khuê khánh chạm danh ca
Thanh âm trong trẻo người ta nhớ hoài
Nước nhà loang lổ sóng bồi
Xứ người rong ruổi lạc loài tháng năm*

thơ **ĐỒNG THIỆN**

Ất Lãng thành, 2020



Cựu Tướng **LÊ MINH ĐẢO**
Quân Lực VNCH
(1933—2020)



CÓ NHỮNG CÁI CHẾT



Điều ngự tử Tin Nghĩa

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Nói đến cái chết là nói đến sự vĩnh biệt cõi đời, vĩnh biệt tất cả những gì trên thế gian này đối với cá nhân đón nhận cái chết...

Có những cái chết âm thầm không một ai biết đến, có những cái chết oai hùng ở ngoài trận mạc hay trong cung cấm. Nó diễn ra thiên hình vạn trạng mà con người chúng ta trên cõi đời này không ai có thể tránh khỏi. Chết một mình, chết tập thể, chết tức tưởi, chết tự nhiên,... thôi thì vô số cách chết khác nhau. Theo nhà Phật có biệt nghiệp, nhưng cũng vẫn có cộng nghiệp. Tuy thế, trong cộng nghiệp lại cũng có biệt nghiệp.

Ví dụ cùng một chuyến du lịch bằng một chuyến xe, hay tàu, ... Khi ngộ nạn, có người chết tại chỗ, có người chết sau đó vài phút giây, hoặc đưa đến nhà thương rồi mới chết, ... Hoặc giả, trong chuyến du lịch ấy một đôi khi có hai ba người chết, nhưng, người thì chết bể đầu, máu me chảy lung tung; có người chết thấy không thương tích bên ngoài, nhưng nội tạng bị trầm trọng,... Đó gọi là trong cộng nghiệp còn có biệt nghiệp là vậy. Cái chết đứng hàng thứ tư trong tứ mà trong nhà Phật đã hướng dẫn về cái khổ đó là: Sanh, lão, bệnh và tử.

Khi nói về chết là không còn bàn luận đến nữa, dù như thế nào rồi cũng qua đi; nếu còn chẳng là những thanh âm của những bậc vĩ nhân đã đem hết mạng sống của mình để đổi lấy hạnh phúc cho muôn người, đem tấm thân để che chở cho nhân loại được sống còn thì hậu thế còn ghi khắc công ơn dưới nhiều hình thức khác nhau. Vì chết tức là hết, là chấm dứt cuộc sống với trần gian,... Đặc biệt trong Phật giáo, những vị tu hành đắc đạo khi xả báo thân (chết) một cách nhẹ nhàng; biết trước giờ chết và có thể lưu lại một cái gì đó (thường gọi là xá lợi),... mà chúng ta đã từng nghe, từng thấy qua nhiều hình thức khác nhau,... Các vị Lạt Ma muốn tái thế độ sanh, đến ngày xả báo thân cũng có những lời nguyện.

Luận về cái chết thật rất khó. Chết có nhiều loại khác nhau. Cụ Sào Nam Phan Bộ Châu đã ca tụng:

*"Chết mà vì nước, chết vì dân,
Chết đấng nam nhi trả nợ trần.
Chết bởi Đông Chu hồi thất quốc,
Chết vì Tây Hán lúc tam phân.
Chết như Hưng Đạo, hồn thành thánh,
Chết tựa Trưng Vương, phách hóa thần.
Chết cụ Tây Hồ danh chẳng chết,
Chết mà vì nước, chết vì dân."*

Nhà thơ Cù Huy Cận thì quan niệm về cái chết như sau:

*"Chân quần quít rồi đến ngày nghỉ bước;
Miếng trao lời rồi đến buổi làm thinh;
Thân có đôi chờ lúc ngủ một mình,
Không bận lúa cũng không mền ấm nóng;
Tại dưới đất để nghe chuông tiếng sống
Ở trên đời; - đầu ấy ngừng lên cao
Sẽ nằm im! Ôi đau đớn chừng nào:
Thân bay nhảy giam trong mô nhỏ tí,
Một dáng điệu suốt trăm nghìn thế kỷ!"*

*Ngày sẽ về, gió sẽ mát, hoa tươi,
Muôn trai tơ đi hái vạn môi cười,
Làn nắng ấm vào khuya trong lá sắc;
Nhưng mắt đóng trong đêm cam đắng đặc
Còn biết gì trời đất ở bên kia;
Bướm bay chi! tay nhậy đã chia lìa;
Tình gọi đó, nhưng lòng thôi bắt mộng."*

*Bỏ chung chạ để nằm khô một bóng;
Chẳng ai vào an ủi nằm bàn tay;
Khổ bao nhiêu cho một kẻ hăng ngày
Tìm thế giới để làm khuây lẻ chiếc!"*

(Nguồn: Huy Cận, Lửa thiêng, NXB Đời nay, 1940)

Tác giả Đinh Kim Chung kết thúc cái chết bằng hai câu thơ:

*... "Ô kia! Tình chết ô kia!
Chôn tình ai đắp mộ bia chôn tình!" ...*

Tác giả "Trái Tim Hóa Đá" của Phạm Thái Vinh thì mở đầu qua bài **"Ân Tình Chết Lặng"**:

*"Ân tình chết lặng giữa triền sông,
Gây thế sâu duyên nát cả lòng," ...*

Rồi thì, có một tác giả kết thúc về cái chết:

Kết thúc cuộc đời

Ta không gọi cái chết là kết thúc cuộc đời,

*Đó là sự chia tay với cuộc đời,
Giữa chúng ta sự vĩnh hằng chẳng có,
Mà chỉ là ly biệt tạm thời thôi.*

Vua Lê Thánh Tông khi đi tham quan, đi đến bờ sông Hoàng Giang, thuộc làng Vũ Điện, huyện Nam Xương (nay thuộc huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam), thấy miếu vợ chàng Trương trên bờ sông, nhà vua hỏi lại lịch của miếu thờ. Vua Lê Thánh Tông cảm kích tấm lòng trinh tiết của bà, nên đề thơ tặng để tán dương tấm lòng của bà như sau:

Miếu Vợ Chàng Trương

*Nghi ngút đầu ghềnh tỏa khói hương,
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.
Bóng đèn dầu nhả đèn nghe trẻ,
Cung nước chi cho lụy đến nàng.
Chứng quả đã đôi vầng nhật nguyệt,
Giải oan chẳng lọ mấy đàn tràng?
Qua đây mới rõ nguồn cơn ấy,
Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng.*

Nói về Chết thì sử liệu, Thi ca đều có ca tụng hoặc là thương tiếc, hoặc có những lời bình luận khác nhau tùy theo góc độ của cái chết và tùy theo sự nhận thức của mỗi người, ... không thể đồng nhất. Tuy nhiên, ở đây, tác giả cũng ghi lại một cái chết có vẻ hài hước, tiểu lâm, được đọc và còn nhớ lại để ghi vào đây đọc giả tưởng lãm cho vui.

Số là, có một chàng thanh niên độ tuổi 40, có gia đình bà con hân hoi. Sống vào thời quân chủ nên cũng chịu nhiều luật lệ khắt khe của triều đình

Cậu ta được chọn vào làm một chức nhỏ trong triều đình như chức "Chấp Kịch Lang" của Hàn Tín ngày xưa.

Làm việc chấp lao phục dịch được vài năm. Một hôm vì duyên nghiệp như thế nào, bị phạm huy án tru diệt. Luật triều đình, luật tru diệt có nhiều loại:

Xử trảm, tức chém đầu,

Lãng trì, tức bị nhúng vào nước dầu sôi

Voi chà, tức là tội nhân nằm xuống rồi cho voi chà xác, dậm đạp lên thân thể,

Ngựa kéo, tức là tội nhân nằm xuống tứ chi bị buộc dây bằng bống con ngựa, nghe hiệu lệnh thì cho ngựa chạy ra bốn hướng (xé xác).

Đó là những tội cực hình, còn những tội nhỏ chắc nhiều lắm, nhưng không thấy nhắc đến. Nhà vua trị nước đương thời cũng có chút lòng nhân. Nên khi vị chuyên trách luật hình sự của tội nhân trình tấu nhà vua, nhà

vua đọc bản án liền cho tội nhân vào quý trước điện để nghe lệnh.

Nhà vua phán:

"Nay người bị tội như thế, bệ hạ lấy lòng tử cho về quê quán thăm vợ con, làng nước, họ hàng, ... Sau một tháng trở lại triều đình để chịu tội và cho nhà người tự chọn cái chết..."

Tội nhơn đứng dậy tung hộ vạn tuế nhà vua và triều đình, rồi thối lui.

Trên đường về, ông ta suy nghĩ miên man và phá lên cười òa. Về nhà gặp vợ con, làng nước ông cũng cười và làm một bữa tiệc để giã biệt tất cả. Trong bữa tiệc, ông đứng dậy nói cùng vợ con làng xóm cũng phá lên cười, mọi người kể cả người thân cũng không biết chuyện gì mà từ khi trở về nhà lúc nào cũng cười.

Trước bữa tiệc, ông ta nói:

"Tôi sắp bị chết vì phạm tội với triều đình. Nhà vua gia hạn trong một tháng về quê thăm rồi trở lại nhận cái chết." Ông vừa nói vừa cười mà cả bàn tiệc người thân đều ngơ ngác, khóc lóc, ... Bà con ai nấy bùi ngùi, lo lắng và nói lên câu giã biệt; riêng ông ta thì tinh táo xem như không có chuyện gì.

Đến ngày tử giã lên đường, ông ta còn mang theo một chiếc quan tài.

Ngày tử giã vợ con cùng bằng hữu đi theo đưa tiễn.

Ngày đón nhận cái chết bắt đầu. Ông vào gặp vị chuyên trách hình sự để trình diện.

Tất cả đều đã soạn sẵn những cực hình cho tội nhân như đã nói trên.

Tội nhơn quý trước điện tiền, ba hồi trống vang lên và được chấm dứt sau tiếng trống.

Nhà vua phán:

"Nhà người đã sẵn sàng chưa?"

"Muôn tâu bệ hạ, hạ thần đã sẵn sàng."

"Thế thì tất cả các cái chết, nhà người nhận cái chết nào?"

"Dạ, muôn tâu thánh thượng, trong tất cả các cái chết hạ thần xin chọn cái 'Chết Già'..."

Nhà vua ngẩn ngơ, vì trong các tội hành hình làm gì có tội chết già! Nhưng ta đã phán một cách Dân chủ là: Trong tất cả các cái chết, nhà người chọn cái chết nào? Thật sự, chết già trong luật lại không ghi rõ, bởi vậy ông đã chọn và ta cũng áp dụng tinh thần dân chủ để ông được sống còn."

Câu chuyện chỉ có thế. Chúng tôi chỉ kể ra để quý đọc giả tùy duyên lượng định của những câu chuyện như trên câu chuyện.

Mạnh thu Canh tý, July, 10 2020



TIẾNG ĐÀN GIEO

*Một tiếng đàn gieo tự bấy nay
Vẫn rơi nhịp xuống thế gian này.
Non sâu đá dựng tình sương khói
Sông vắng chiều nghiêng mộng nước mây.*

*Ý thoáng, chưa phai mùa dĩ vãng
Đêm tàn, còn thức mộng tương lai.
Tà dương bóng ngả hồn cô tịch,
Thế sự miên man chuyện tháng ngày...*

*Chuyện tháng ngày qua, ý những đâu
Bao phen đời lăm nôi cơ câu!
Áo cơm đắp đổi tình nhân thế,
Danh lợi tan tành mộng vó câu.*

*Sương rụng mới hay vàng nguyệt lạnh
Đàn buồn đâu biết phím cung sầu!
Dẫu trăm năm nữa, ngàn năm nữa,
Đạo-Nghĩa nào phai nghĩa nhiệm màu.*

thơ

MẶC PHƯƠNG TỬ

Ý NGHĨA SỰ THỰC HÀNH TRÍ HUỆ BÁT NHÃ

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Sau đây chúng ta tìm hiểu đường lối và công hiệu của việc thực hành trí huệ Bát-nhã. Trí huệ Bát-nhã soi thấy tánh Không nhằm chủ yếu vào những hiệu quả nào? Người ta đạt đến cái thấy tánh Không bằng cách nào?

Kinh Đại Bát-nhã nói mục đích của kinh là đạt đến thực tại bốn nguyên và tối hậu là tánh Không. Tánh Không này còn được gọi bằng nhiều tên khác như *"thật tướng của tất cả các pháp, chân như, pháp giới, pháp tánh, pháp trụ, pháp định, thật tế, tánh chẳng hư dối, tánh chẳng biến khác, tánh bình đẳng, hư không giới, bất tư nghì giới."* Nhưng kinh



nói nhiều nhất về tánh Không và trí huệ Bát-nhã nhìn thấy và tương ứng với tánh Không.

1. Phá tướng để hiển tánh

Sanh tử là do tướng và tướng. Giải thoát khỏi sanh tử là thoát khỏi hay phá trừ các tướng và tướng. Người ta thấy thực tại tánh Không khi cởi bỏ được những tướng và tướng che đậy trạng thái thật của chính mình và của tất cả mọi sự. Sự che đậy này là vô minh. Trạng thái thật của mình và của mọi sự là không có tự tánh hay là tánh Không.

Thế nên kinh nói: Sắc thọ tướng hành thức là Không, vô tự tánh, vô sở hữu, bất khả đắc. Điều đó áp dụng cho tất cả các pháp, kể cả những pháp để thực hành và những pháp là mục đích của sự thực hành.

Chúng ta trích một đoạn để thấy điều này:

"Sắc bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Thọ tướng hành thức bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy..."

"Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức giới bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Dục giới, sắc giới, vô sắc giới bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Bốn thánh đế bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Vô minh bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Hành, thức, danh sắc, cho đến sanh, lão, tử bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy."

"Bốn thiên, bốn vô lượng, bốn vô sắc định bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Bốn niệm xứ bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Bồ thí, trì giới cho đến bát-nhã ba-la-mật bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy. Như Lai bất khả đắc vì rốt ráo tịnh vậy."

"Các pháp chẳng xuất chẳng sanh, chẳng mất chẳng diệt, vô nhiễm vô tịnh, vô đắc vô vi. Như vậy gọi là nghĩa rốt ráo tịnh."

"Đại Bồ-tát khi học như vậy, là đối với

tất cả pháp đều vô sở học. Vì sao thế? Các pháp vốn là vô sở hữu. Nếu đối với pháp vô sở hữu như vậy, chẳng có thể thấu hiểu thì gọi là vô minh" (Phẩm Bát-nhã hành tướng, hội thứ 1).

Chúng ta thấy, trong đoạn kinh này, Không không có nghĩa là phủ định tất cả. Những cái bị phủ định ở đây là các tướng và tướng bám che "thật tướng của tất cả các pháp". Kinh vẫn đồng thời khẳng định thực tại tối hậu là tánh Không thanh tịnh, không bị che phủ bởi vô minh, không có sanh tử, không sanh không diệt, "vì rốt ráo tịnh vậy."

Khi nói về tánh Không, kinh lập đi lập lại đầy đủ không bỏ sót pháp nào. Chẳng hạn nói, "các Bồ-tát chẳng nên trụ từ sắc thọ tưởng hành thức, cho đến mười hai xứ, mười tám giới, đất nước lửa gió, bốn thánh đế, mười hai nhân duyên sanh, bốn thiên, sáu ba-la-mật, bốn niệm xứ, mười lục, mười tám pháp bất cộng cho đến nhất thiết trí tướng," thậm chí cho đến chẳng nên trụ chân như, pháp giới, pháp tánh, thật tế...

Tiếp đó kinh nói thêm: "Nếu Bồ-tát tu hành bát-nhã ba-la-mật-đa mà không có phương tiện thiện xảo, thì bị chấp ngã và ngã sở ràng buộc quấy nhiễu, nên tâm bèn trụ sắc, trụ thọ tưởng hành thức... cho đến trụ tất cả tam muội."

Rồi tiếp theo, "Sắc chẳng nên nhiếp thọ, thọ tưởng hành thức chẳng nên nhiếp thọ." Lại nói "Tất cả các pháp chẳng nên nhiếp thọ, từng nhóm pháp một". Và kết luận đoạn này, "Vì sao thế? Vì tất cả pháp tự tướng đều Không, năng thủ sở thủ đều bất khả đắc vậy" (Phẩm Vô trụ, hội thứ 1).

Với sự lập đi lập lại từng pháp một, không bỏ sót pháp nào, kinh triệt hạ, quét sạch tất cả tướng và tướng tạo ra chấp trước mà một con người như chúng ta có thể có.

Những phá nát, cắt đứt (Năng đoạn Kim cương), triệt hạ tất cả tướng và tướng của vô minh che phủ, làm bày lộ thực tại tánh Không, vô tướng, vô niệm, vô trụ, vô sở, vô sở hữu, bất khả đắc...

2. Trí huệ tánh Không phối hợp với các hạnh

Bổ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, các hạnh ba-la-mật này đều được phối hợp với bát-nhã, tức là trí huệ tánh Không. Cho đến "tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh," hạnh tổng quát và cao nhất của Bồ-tát cũng được phối hợp với trí huệ tánh Không.

"Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật, tức chẳng phải là trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm". "Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Các ông chớ nói Như Lai có tướng như vậy: 'Ta phải độ chúng sanh.' Tu-bồ-đề, chớ tưởng như vậy. Vì sao thế? Bởi thật không có chúng



sanh nào để Như Lai độ cả" (Kinh Kim Cương).

Như chính đầu đề kinh, kinh Đại Bát-nhã, kinh Đại Trí huệ, hệ thống các kinh Bát-nhã lấy Trí huệ tánh Không làm Nền tảng, Con đường, và Quả. Trí huệ tánh Không là Nền tảng cho mọi hạnh của Con đường Bồ-tát. Cuộc đời Bồ-tát diễn tiến trên Nền tảng trí huệ tánh Không.

Bát-nhã gắn liền với sinh hoạt hàng ngày. Đi đứng nằm ngồi, nói nín, quét sân, làm ruộng, thả hương, tụng kinh, ngồi thiền... đều gắn liền với trí huệ Bát-nhã. Thiền tông là sự thể hiện trí huệ Bát-nhã trong đời sống hàng ngày. Bởi thế nên Thiền tông vẫn phát triển mạnh mẽ trong đời sống hàng ngày.

Trí huệ Bát-nhã có thể thể hiện trong mọi sinh hoạt hàng ngày. Có một nơi nào mà không có sắc thọ tưởng hành thức, có một nơi nào mà không có sắc thanh hương vị xúc pháp...? Như vậy, có một nơi nào mà không có sắc thọ tưởng hành thức Không, có một nơi nào mà không có sắc thanh hương vị xúc pháp Không.

Thực hành trí huệ Bát-nhã là tương ứng với tánh Không trong bất kỳ thời gian nào không gian nào. Cho đến lúc toàn bộ đời sống là sự hiện bày của tánh Không.

3. Đi đến vô trụ, vô tướng, vô niệm, không hý luận

Vô sở trụ, vô tướng, vô niệm, không hý luận là những từ thường được lập đi lập lại trong kinh.

"Đức Phật dạy: Đại Bồ-tát nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế mà tâm chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng hãi, chẳng

chìm, chẳng đắm, cũng chẳng lui bỏ việc cầu giác ngộ vô thượng, với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vui mừng muốn nghe, thọ trì đọc tụng, thông hiểu rất ráo, buộc niệm suy nghĩ, tinh tấn tu hành, tâm không nhàm mỏi. Đại Bồ-tát này luôn luôn tùy thuận tiếp nối, hướng đến nhập vào Nhất thiết trí trí. Nên thật hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế” (Phẩm Điều phục tất cả tham, hội thứ 2).

“Vui mừng muốn nghe, thọ trì đọc tụng, thông hiểu, buộc niệm suy nghĩ, tinh tấn tu hành, tâm không nhàm mỏi,” nghĩa là Văn, Tư, Tu tánh Không. Hơn nữa sự Văn, Tư, Tu này là liên tục trong từng niệm niệm: “luôn luôn tùy thuận tiếp nối, hướng đến nhập vào.” Với sự càn quét đi, càn quét lại các tướng và tướng, tánh Không sẽ không còn bị che ngăn, dần dần hiện bày, vì tánh Không thì luôn luôn hiện tiền từ vô thủy đến vô chung.

Trong đời sống hàng ngày, với sự tùy thuận, tương ứng thường xuyên trí huệ Bát-nhã người ta đi vào tánh Không vô tướng, vô trụ, vô niệm, không hý luận.

Khi không còn chấp trước, phân biệt với các tướng, tâm người ta đạt đến vô tướng, hay là tánh Không. Vô tướng không có nghĩa là không có tướng nào cả, một màn hình hay một tấm gương trống không, mà vô tướng nghĩa là màn hình hay tấm gương vẫn có các tướng, nhưng các tướng ấy có bản chất là tánh Không, vô tự tánh, nghĩa là các tướng ấy vốn là giải thoát.

Khi không còn trụ vào các tướng, tâm người ta được tự do, trở thành vô trụ như tánh Không.

Khi không còn các niệm phân biệt của thức hư vọng (biến kế sở chấp) tâm người ta trở thành vô tâm, vô niệm như tánh Không. Vô niệm không có nghĩa là không có tư tưởng. Mà vô niệm vì bản tánh của tâm vốn là thanh tịnh, vốn là tánh Không, không thể bị ô nhiễm bởi những tư tưởng:

“Tâm này vì sao bản tánh của nó là thanh tịnh? – Bản tánh tâm này chẳng tương ứng với tham sân si và mọi thứ tâm niệm, mà cũng chẳng phải chẳng tương ứng. Xá-lợi tử, Tâm này bản tánh thanh tịnh như thế” (Phẩm Khuyến học, hội thứ 2).

Đạt đến tánh Không vốn thanh tịnh của tâm, khi những tư tưởng sanh khởi từ một tâm thanh tịnh không ô nhiễm như thế, thì chính những tư tưởng cũng thanh tịnh không ô nhiễm. Khi ấy những tư tưởng cũng chính là tánh Không, cũng chính là giải thoát.

Với một tâm vô tướng, vô trụ, vô niệm như thế, người ta tương ứng và an trụ trong tánh Không. Đó là sự giải thoát. Tâm hoàn toàn bình an, tự do và giải thoát, không còn vướng buộc vào một ý niệm vi tế nào.

Nó không còn nghĩ ngược nghĩ xuôi, trôi nổi theo những ý niệm vi tế, những quan điểm thế này thế nọ. Đây là một tâm “vô hý luận.”

Hý luận là những bàn luận chơi, những lý luận suông một cách vô ích về những điều không có thật. Chẳng hạn lý luận về lông rùa sừng thỏ là sanh hay diệt, dơ hay sạch, tăng hay giảm, một hay nhiều... là hý luận. Suy nghĩ bàn luận về bốn câu: có, không, vừa có vừa không, không có không không, là hý luận. Người xưa nói: lia bốn câu, dứt tuyệt một trăm cái phủ định (ly tứ cú, tuyệt bách phi), đây là một tâm vô niệm hay tâm vô hý luận.

Ở trong chân lý tuyệt đối (chân đế) thì sắc thọ tưởng hành thức cho đến tất cả các pháp đều là hý luận. Do đó, sanh tử chỉ là hý luận.

Một tâm không hý luận là một tâm dứt bật với mọi ý niệm sanh tử, một tâm hoàn toàn Niết-bàn.

4. Tánh Không cứu thoát tất cả

Phẩm Ma ha tát, hội thứ 1, nói:

“Khi ấy Xá-lợi tử hỏi Tu-bồ-đề rằng: Nếu tâm Nhất thiết trí trí là chân vô lậu, chẳng đọa ba cõi như vậy, thì tất cả tâm chúng sanh, Thanh văn, Độc giác cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi. Vì sao thế? Vì tất cả các tâm ấy cũng là bản tánh Không. Bởi vì sao? Vì pháp bản tánh Không là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi.

Tu-bồ-đề đáp: Như vậy, như vậy. Thật đúng như lời ngài nói.

Xá-lợi tử nói: Sắc cũng phải là chân vô lậu, chẳng đọa ba cõi; thọ tưởng hành thức cũng phải là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi. Vì sao thế? Vì sắc thọ tưởng hành thức bản tánh đều Không vậy. Bởi vì sao? Vì pháp bản tánh Không là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi.

Tu-bồ-đề đáp: Như vậy, Như vậy. Thật đúng như lời ngài nói.”

Bản tánh của tâm Nhất thiết trí trí, tức là tâm Phật, là tánh Không. Bản tánh của tâm của tất cả chúng sanh và các bậc thánh Thanh văn, Độc giác cũng là tánh Không. Do đó, tâm của chư Phật, chư Thanh văn, chư Độc giác và của tất cả chúng sanh đều bình đẳng đồng nhất một bản tánh là tánh Không, vốn là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi. Nói một cách cụ thể, nếu đi vào và chứng ngộ bản tánh Không của tâm mình thì tâm ấy là tâm Nhất thiết trí trí, tâm Phật.

Tánh Không là sự bình đẳng của tất cả chúng sanh và chư Phật.

Sự bình đẳng ấy không chỉ trong bản tánh, mà còn trong không gian và thời gian khác biệt: ngay lúc này đây hay bất cứ lúc nào khác, tâm chúng sanh của chúng ta vẫn cùng một bản tánh Không với tâm chư Phật. Đây là sự bình đẳng tuyệt đối, xóa hẳn mọi

nhân duyên điều kiện. Nói cách khác, tánh Không đồng nhất ấy bất chấp mọi nhân duyên điều kiện, bất chấp không gian và thời gian, nghĩa là nó luôn luôn hiện tiền và thường trụ.

Sắc thọ tưởng hành thức, đất nước lửa gió cho đến vô minh, tất cả các pháp cũng đều là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi, vì bản tánh đều Không. Sanh tử là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi thì sanh tử ấy xưa nay vốn là Niết-bàn vậy.

Đây là điều Đại thừa thường nói, sanh tử tức Niết-bàn.

"Khi ấy Xá-lợi tử hỏi Tu-bồ-đề rằng: Nếu tất cả các pháp tâm sắc của tất cả chúng sanh, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai vì bản tánh đều Không như vậy, là chân vô lậu chẳng đọa ba cõi như vậy, thì bậc thánh và chúng sanh, nhất thiết trí và chẳng phải nhất thiết trí, đều phải là bình đẳng, không sai khác?"

Tu-bồ-đề đáp: Như vậy, như vậy. Thật đúng như lời ngài nói.

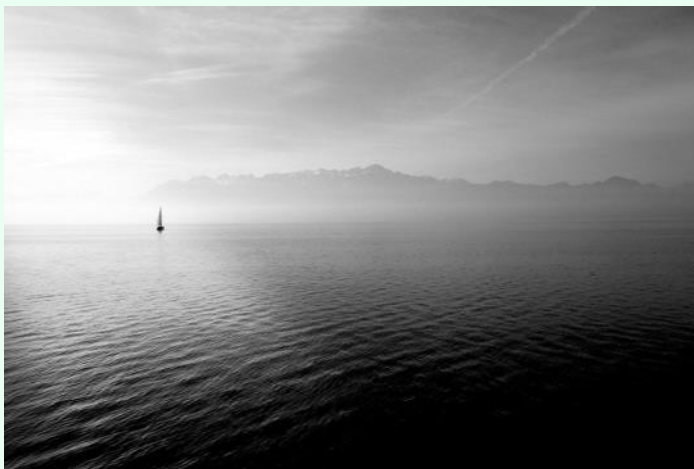
Xá-lợi tử nói: Nếu các phàm thánh nhất định không sai khác như vậy, thì vì sao Như Lai thuyết phạm thánh có đủ thứ sai khác?"

Tu-bồ-đề đáp: Đây cũng là Như Lai tùy theo lời nói thế tục thì thiết mới có các thứ sai khác này, chớ chẳng phải do thật nghĩa" (Phẩm Ma ha tát, hội thứ 1).

Sự sai khác sở dĩ có, đó là do hý luận của thế tục. Trong tánh Không, phàm thánh không cách hở, đồng một bản tánh Không. Nói theo kinh Viên Giác thì "chúng sanh bốn lai thành Phật."

Như thế chúng ta thấy tánh Không cứu thoát tất cả tâm sắc, tất cả sanh tử. Đây là sự giải thoát trọn vẹn.

Như thế chúng ta thấy tánh Không đưa đến sự rốt ráo của Đại thừa: "Sanh tử tức Niết-bàn", "Chúng sanh bốn lai thành Phật".



HIỆN ẢNH

*Trời ửng sáng
nụ cười treo đỉnh vắng
Sương còn ôm
đâu ngọn nắng long lanh
Xuân vừa qua
Gió hè reo một dải
Phả bụi mờ
theo mãi gót vòng quanh.
Nửa đời mây
quên mình con nước lạnh
Dưới vàng trăng
bàng bạc mảnh rêu phong
Và vội vã
dong bờ tung bọt trắng
Đùa trăm năm
sóng vỗ cát tang bồng.
Ngày sắp qua
mây mù xa thăm thẳm
Góc thông già
lặng lặng giữa cô liêu
Nắng dân nhạt
rải hoàng hôn vàng óng
Đường tịch nhiên
lan một bóng dưới chiều.*

thơ

THÍCH NỮ TỊNH QUANG

VÔ CẢM XÃ HỘI VÀ THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ

Chúc Phú

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Nhìn dáng mặt khắc khổ và ánh mắt khẩn cầu xin lại bằng lái xe của chàng thanh niên bị kẻ gian móc túi trên xe buýt [i], mà báo chí đã liên tục thông tin trong những ngày gần đây, trong tôi chợt dâng lên một cảm xúc uất nghẹn và thương cảm đến nao lòng. Lăn ngược lại những thông tin cũ từ các báo trong nước, chuyện hiệp sĩ Minh Tiến ham bắt cướp nên bị mất trộm xe; chuyện những đứa trẻ đánh nhau và người lớn chỉ đứng nhìn, chuyện những người hôi của từ những tai nạn giao thông thương tâm... đã cho thấy một sự đứng đưng, không động lòng, mà ngôn ngữ ngày nay gọi là thái độ vô cảm xã hội, đã và đang hiện diện trong dòng sống sinh động của xã hội hôm nay. Trong khuôn khổ của một người học Phật, chúng tôi muốn sẽ chia thêm về thái độ cũng như cách hành xử cần có của người Phật tử nói chung, trước những hiện tượng này.

Sống là sống với

Cần phải thấy rằng, sống là sống với, không thể ở đâu bạn có thể sống một mình. Với cái nhìn liên hệ duyên sinh, sự hiện hữu của mỗi con người, của mỗi sự vật, hiện tượng... có quan hệ và liên hệ thâm thiết đến nhau. Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh [ii]. Chân lý liên hệ duyên sinh này đã được văn học Phật giáo hiện đại khái quát hóa theo kiểu văn chương như: một con bướm đập cánh ở rừng rậm Amazon thì ở Philippine có gió mùa. Bằng cái nhìn tương tức và liên hệ đó, trong một không gian xã hội thu nhỏ, có thể thấy rõ sự khổ đau hay bất hạnh của ai đó, có sự liên đới trách nhiệm đến thái độ sống cũng như hành vi của mỗi người, trong đó có bản thân ta. Do vậy, đừng bàng quan giương mắt làm ngơ trước cái xấu, cái ác đang diễn ra trong xã hội, vì tưởng rằng chuyện đó không liên quan đến bản thân mình. Cần phải hiểu rằng, cũng do tư duy của mình, do thái độ sống của mình, do cách hành xử ích kỷ của mình... mà cái xấu, cái ác đó có cơ sở để nảy sinh.

Không chỉ trên phương diện liên hệ duyên sanh, trong mỗi liên hệ, tác động giữa nghiệp chung (công nghiệp) của nhiều người và nghiệp riêng (biệt nghiệp) của từng người, đã góp phần tạo ra những nỗi bất hạnh hoặc cái xấu, cái ác. Vì lẽ, do nhân như vậy, duyên như vậy nên ta đã gặp nhau trên cõi đời này, trong cuộc sống này, tại không gian này, với bối cảnh xã hội như vậy. Không thể đơn phương trách đời, trách người, trách nhà chức trách theo dạng thức Chí Phèo thời nay. Ở đây, cần phải thấy rằng, tập tính sinh hoạt, không gian và bối cảnh xã hội có sự liên hệ sâu xa đến phước báo cũng như dẫn nghiệp, hành động của mỗi con người. Ngành khoa học nghiên cứu về tâm lý tội phạm cho thấy, có sự ảnh hưởng và liên hệ sâu xa về dấu ấn tuổi thơ, không gian gia đình, bối cảnh giáo dục, môi trường sống... có tác động rất lớn đến hành vi phạm tội của một cá nhân. Thấy rõ mối liên hệ và bối cảnh sống cụ thể, để chúng ta nỗ lực để hoàn thiện mình, góp phần hoàn thiện xã hội và đặc biệt trước mắt, là luôn giữ tâm rung cảm, trước những khổ đau cụ thể của mỗi con người.

Sự rung cảm trước khổ đau

Lòng thương được xem là thuộc tính cơ bản của con người. Ở đâu có con người, nơi ấy có tình thương. Làm người đúng nghĩa, yêu cầu bắt buộc là phải có tình yêu thương đồng loại. Không có tình yêu thương đồng loại và không rung cảm trước nỗi khổ đau của tha nhân, thì chưa phải là một con người đúng chuẩn và đúng nghĩa.

Đạo Phật là tôn giáo tiêu biểu cho tình thương. Là một người Phật tử, lẽ tất nhiên tình thương dành cho con người bao giờ cũng lớn hơn người bình thường. Vì lẽ, tình thương của một người Phật tử đúng nghĩa không chỉ dừng lại ở tình thương đồng loại, mà còn mở rộng thương cả vạn loại sinh linh. Trước những bất hạnh, khổ đau của tha nhân, cũng như khi đối diện với cái xấu, cái

ác đã và đang len lỏi xuất hiện trong hiện thực sống này, người con Phật cần phải giữ tâm rung cảm như là chuyện của chính bản thân mình. *Mắt thương nhìn cuộc đời* là hạnh nguyện của mười phương chư Phật mà tiêu biểu là hạnh nguyện của Bồ tát Quán Thế Âm. Hạnh nguyện đó, đã là người phật tử thì phải nỗ lực noi theo và thực hiện.

Trước mắt, phải giữ tâm rung cảm, không xơ cứng, chai lỳ trước nỗi khổ đau của đồng loại, tha nhân. Dầu biết rằng, chỉ giữ được tâm rung cảm như thế thôi cũng đã là một điều rất khó, trong dòng chảy phức tạp của đời sống này. Bởi lẽ, một khi năng lực bảo hộ và quản lý của nhà chức trách vẫn tồn tại những giới hạn, một khi tham dục lên ngôi và thói quen thụ hưởng tăng dần, một khi cái xấu, cái ác luôn đan xen và xuất hiện hằng ngày, một khi sự mưu mô, lừa lọc hiện diện khắp nẻo và niềm tin giữa con người và con người đang tụt hạng ngay cả trong những mối liên hệ, quan hệ với người thân... thì thái độ vô cảm sẽ lạnh lẽo, âm thầm xuất hiện và tạo nên những hệ lụy kéo theo cuộc sống này.

Ở đây, theo quan điểm xuyên suốt của Phật giáo, không rung cảm trước nỗi khổ đau của đồng loại, tha nhân thì chưa phải là người phật tử đúng nghĩa. Vì lẽ, không rung cảm trước đau khổ của con người, đó chính là tội ác. Do đó, với cái nhìn tích cực và chủ động, người phật tử phải xem việc giữ con tim rung cảm trước nỗi khổ đau và bất hạnh của con người là một hạnh tu. Một khi hạnh tu này thuần thực, khi nhân duyên chín muồi và hoàn cảnh sống đủ điều kiện, người phật tử dễ dàng biến lý tưởng sống cao đẹp của hạnh tu trở thành hành động hiện thực, góp phần giải quyết từng nỗi khổ đau cụ thể trong đời.

Phụng sự và dẫn thân, hạnh tu ở mọi thời đại

Với Phật giáo, phụng sự tha nhân được xem là hạnh tu của mọi thời đại. Ngay bản thân Đức Phật là cả một bài học sáng ngời về hạnh phụng sự, dẫn thân. Đọc lại trang sử Phật hào hùng qua các thời đại, có thể thấy rõ hạnh nguyện cứu người, giúp đời của các thế hệ tiền nhân trong Phật giáo luôn được hậu thế ngưỡng vọng và tôn xưng.

Trong tư duy tục đế, lẽ tất nhiên, chúng ta còn rất lâu mới thành Phật và con đường cao tột đó, ta chưa thể bước vào chặng cuối của hành trình. Mặc dù vậy, đã là con Phật, ít nhiều chúng ta cũng hội tụ những tố chất như Phật, và một trong những tố chất đó, chính là tinh thần tự nguyện phụng sự và nỗ lực, dẫn thân. Ở đây, điều cần phải minh định trước tiên là sự phụng sự và dẫn thân trên cơ sở hoàn cảnh

sống và nghiệp lực của riêng mỗi con người.

Tùy theo điều kiện của mình mà ta có thể lựa chọn một sự phụng sự, dẫn thân thích hợp. Thái độ đó cần phải hành xử như việc cứu người đuối nước. Phải ý thức rằng năng lực của mình ra sao và sức nặng của kẻ kia thế nào để cả hai không bị chìm xuống nước. Nói rõ hơn, phụng sự tha nhân phải có sự quán sát của trí tuệ. Bởi lẽ, với hoàn cảnh sống của một người phật tử bình thường, có những rủi ro và hạn chế nhất định, trong sự dẫn thân và phụng sự tha nhân.

Tư duy rõ ràng về điều này để có thể lựa chọn cho mình một phương cách sống dẫn thân và phụng sự phù hợp. Đừng ngại việc nhỏ hay việc to. Nhặt một cây đinh có khả năng phá hỏng ruột xe trên quốc lộ, gọi một cú điện thoại khi thấy ai đó cần cấp cứu trên đường, ra tay chở che và hỗ trợ trong những tình huống phù hợp ở đời thường... là những việc cần làm, thể hiện cho hạnh tu thiết thực của một người cư sĩ trong thời đại hôm nay.

Hơn đâu hết, đã là một cư sĩ trong đời, phải sống làm sao để sự hiện hữu của mình ngoài ý nghĩa với người thân, vợ con, còn phải có ý nghĩa với những hoàn cảnh thương tâm khác.

Với một đất nước có trên 45 triệu người theo đạo Phật như đất nước Việt nam [iii], nếu như mỗi người cư sĩ phật tử đều ý thức và rung cảm trước khổ đau của đồng loại, tha nhân và nỗ lực dẫn thân, phụng sự, thì đó là một tín hiệu đáng mừng cho đạo đức xã hội hôm nay. Trong khuôn khổ những nỗ lực trước mắt, người cư sĩ phải sống làm sao đừng bao giờ để xảy ra tình trạng, ngày đến chùa tụng kinh đều đặn, nhưng khi gặp chuyện bất hạnh của người thì ngoảnh mặt, quay lưng. Kinh Phật, ta có thể bắt gặp ở thực tế đời thường và bản kinh đó có ý nghĩa không những cho bạn, cho tôi và cho tất cả những ai đang cầu mong với khổ.

(Nguồn: Thư Viện Hoa Sen)



[i] Xem clip trên youtube tại đây: <http://www.youtube.com/watch?v=JDO8MhAifig>

[ii] Kinh Tiểu Bộ, kinh Phật tự thuyết, chương 1, phẩm Bồ đề.

[iii] Theo, Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Báo cáo của Ban thường trực Hội đồng tự sự trung ương giáo hội Phật giáo Việt nam, mục Hướng dẫn Phật tử, năm 2007.

CỰC LẠC HOA KHAI

Chúng tôi vừa nhận được tin thân mẫu của nhà văn Vĩnh Hảo là:

Bà quả phụ Nguyễn Phước Bửu Đáo

Nhũ danh Nguyễn Thị Nuôi,

Pháp danh TÂM TẤN, bút hiệu TRINH TIÊN

đã mãn phần vào lúc 13:45 pm ngày 13.7.2020 tại Nha Trang, Việt Nam,

thượng thọ 100 tuổi.



Nữ sĩ Tâm Tấn là một nhà thơ Phật giáo, từng cộng tác với nguyệt san Liên Hoa Huệ từ thập niên 1950, đặc san Bát Nhã giữa thập niên 1960; xuất bản thi phẩm “*Hương Đạo Hạnh*” năm 1974, thi phẩm “*Cuối Đời Lọc Những Tinh Suong*” năm 2004. Ngoài việc sáng tác thơ văn trên sách báo Phật giáo, nữ sĩ còn có sự giao tiếp rất sâu rộng và gần gũi với các bậc cao Tăng và danh Ni Việt Nam khắp miền Trung và miền Nam Việt Nam. Nữ sĩ có thơ văn đăng trên các báo *Trong Khuê Phòng, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Đàn Bà, Tam Bảo, Giác Ngộ, Tự Do, Tiếng Dội...* với các bút hiệu Tô Liên, Trinh Nữ, Lan Xuân, Diễm Bút, Tàn Ngọc. Nữ sĩ lập gia đình với nhà văn Bửu Đáo – Ái Mỹ và sinh hạ những cây bút tiếng tăm ngoài đời, trong đạo như: Nhà thơ Thanh Nhung (Tôn Nữ Nha

Trang), nhà thơ Phù Du, nhà văn Vĩnh Hảo, nhà văn Vĩnh Hữu, nhà văn Tôn Nữ Thanh Yên.

Sự gắn bó của Nữ sĩ Tâm Tấn đối với văn học và Phật giáo suốt gần một thế kỷ qua khiến cho sự ra đi của bà để lại niềm kính tiếc của nhiều Tăng Ni và phật-tử Việt Nam, trong cũng như ngoài nước.

Xin thấp nén tâm hương, nguyện cầu hương linh Nữ sĩ Tâm Tấn tiêu diêu miền lạc cảnh, đồng thời kính chia buồn cùng nhà văn Vĩnh Hảo, Chủ bút Nguyệt san Chánh Pháp, và toàn thể tang quyến.

Đồng kính phân ưu:

- HT. Thích Thắng Hoan, HT. Thích Tín Nghĩa, HT. Thích Nguyên Trí
 - Ban Chủ Trương & Ban Biên Tập Nguyệt san Chánh Pháp
 - Hội Thân Hữu Già Lam
 - Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ
 - Phan Tấn Hải, Nguyễn Thanh Huy, Huỳnh Kim Quang, Nguyễn Tiến Quỳnh Giao, Nguyễn T. Hằng, Đoàn Ngọc Đa, Hoàng Mai Đạt, Đào Văn Bình, Trần Việt Long, Phan Duy Chiêm, Trần Trung Đạo, Hoàng Văn Chương, Hoàng Văn Minh, Nguyễn Phú Hùng, Nguyễn Huy Sỹ, Trần Quý Hùng, Tô Xuân Thế, Nguyễn Quốc Hưng, Bùi Ngọc Đường, Huỳnh Phước, Huỳnh Tân Lê, Trần Triết.

Cụ già tu mướn

TN. NHƯ THỦY

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Thiền sư Bạch Ẩn Huệ ở Nhật Bản có một tục gia đệ tử. Ông đệ tử này thường đến than phiền rằng cha già của y, dù tuổi đã cao, vẫn cứ mãi làm việc kiếm tiền chứ không chịu tu hành gì ráo. Mỗi lần y nhắc nhở thì ông cụ quả quyết khẳng định:

- Nếu chuyên tu hành mà té tiền té bạc thì hãy nói với ta, bằng không thì đừng hòng!

Hôm nọ nghe xong nỗi băn khoăn của người đệ tử, thiền sư bảo:

- Chiều nay con hãy về bảo với cha con rằng: Hòa thượng Bạch Ẩn bận bịu công việc quá đỗi nên không thể tu hành như ý muốn được. Ngài nhờ con tìm một người tu mướn. Cứ 10 chuỗi niệm Phật là một quan tiền. Cần chọn người trung hậu làm ăn sòng phẳng để ký giao kèo trao đổi. Người làm mướn có thể lãnh tiền mỗi ngày hoặc hàng tuần cũng được.

Ông đệ tử y lời, trở về thưa với cha mình. Nhận thấy rằng đây quả là một công chuyện làm ăn té tiền té bạc hẳn hoi, ông lão sốt sắng nhận lời. Thêm vào đó, ngoài 10 xâu chuỗi niệm Phật ăn tiền ông còn hoan hỷ biểu không cho Hòa thượng hai xâu nữa.

Giao kèo đã ký kết, ông cụ cứ đến chùa lãnh tiền hàng ngày. Về sau để khỏi mất thì giờ, cụ để đồn hằng tuần mới lãnh.

Bằng đi một thời gian không thấy ông cụ đến lãnh tiền. Người con theo lời dạy của Hòa thượng, cứ để cha già làm theo ý muốn. Ngoài ba bữa ăn ông cụ ngồi ngay ngắn trước điện Phật và làm mướn. Cho đến một hôm, thấy cha mình cơ hồ đã ngưng lần chuỗi, mắt khép nhẹ, hơi thở điều hòa, nhẹ nhàng. Người con liền đến báo tin cho Hòa thượng hay.

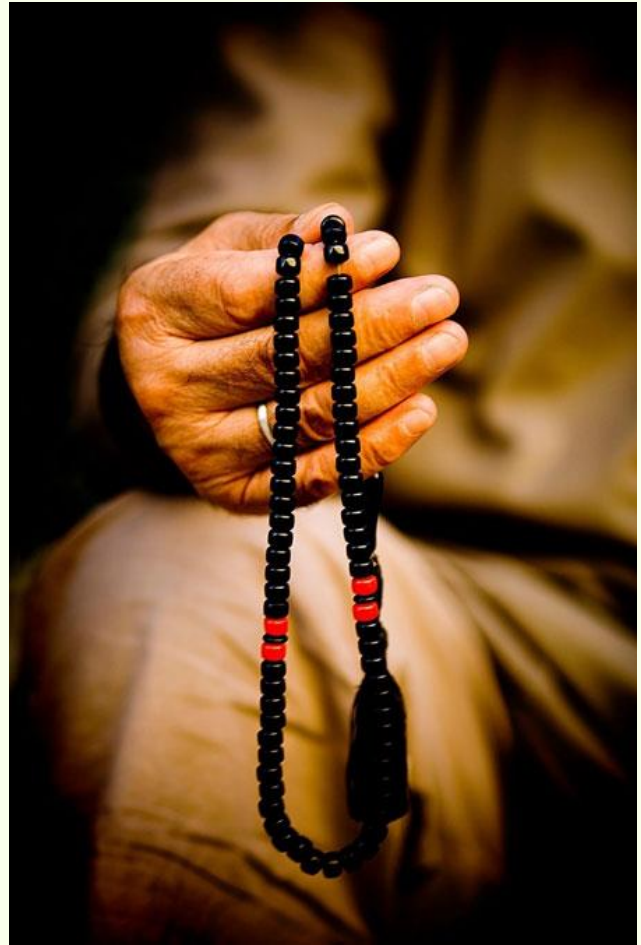
Thiền sư Bạch Ẩn đến tận nơi quan sát. Thấy cụ già dáng ngồi có hơi nghiêng, do tuổi tác chất chổng, nhưng mặt mũi hồng hào. Gương mặt ông phảng phất một niềm bình thản khinh an.

Hòa thượng nói khẽ với người con, nhẹ như một hơi gió thoảng:

- Cha con đã nhập định.

Thiền sư đã dạy thiền cho ông cụ bằng cách này.

*(trích tác phẩm Hư Hư Lục
của Ni sư Thích Nữ Như Thủy)*



ĐỨC PHẬT A-DI-ĐÀ

TRONG KINH BẢN DUYÊN

VÀ CÁC KINH ĐIỂN KHÁC

HT. Thích Như Điển

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Đi tìm nguồn cội của những việc cần tìm hiểu quả là điều rất hữu ích và cần thiết cho những người học Phật như chúng ta ngày nay. Tuy trong hiện tại chúng ta có quá nhiều phương tiện để tìm hiểu, đọc tụng cũng như học hỏi, nhưng cũng không phải muốn tìm gì là có ngay lời giải đáp đúng như ý ta mong đợi, mà vẫn cần phải qua những trải nghiệm của bản thân cũng như sự tu học hành trì, nghiên cứu lâu ngày, chúng ta mới thấm thấu được lời Phật dạy. Vì lẽ lời dạy của Đức Phật nằm rải rác khắp nơi trong ba tạng của Nam Truyền và ba tạng của Bắc Truyền, có cả hàng triệu triệu chữ và nhiều nhà phiên dịch, chú giải khác nhau, nên không phải ai cũng có cơ duyên để trì tụng, nghiên cứu hết ba tạng Kinh điển này. Riêng bản thân tôi không dám làm việc gì quá khả năng, chỉ cố gắng gom góp lại những chỗ đã đọc qua, nhằm cống hiến cho quý vị một sự hiểu biết căn bản về Đức Phật A-di-đà, để chúng ta không còn nghi ngờ gì nữa khi trì tụng các *Kinh A-di-đà, Kinh Vô Lượng Thọ* hay *Kinh Quán Vô Lượng Thọ*. Đó là điều căn bản, bởi lẽ cũng có một số quý vị không tin có một Đức Phật như thế và một cảnh giới như thế. Sau đây là những lời giải bày.

Tôi vốn xuất thân từ truyền thống Thiền Lâm Tế, phái Chúc Thánh, xuất phát ở Hội

An, Quảng Nam, nhưng khi vào chùa từ năm 1964 đến nay (2020), cũng đã trên 55 năm rồi, tôi thấy các chùa thuộc Thiền Phái Chúc Thánh ít ngôi Thiền mà tụng *Kinh A-di-đà, Địa Tạng, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Đại Bát Niết-bàn* v.v..., khác với chủ trương Thiền như Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền ở Trung Hoa, vị Sơ Tổ của Thiền Lâm Tế có mặt từ thế kỷ 9 (866/867) vào đời Tống. Từ đó đến nay đã hơn 1.000 năm lịch sử, việc truyền thừa ấy không còn nguyên thủy nữa, mà đã pha trộn quá nhiều. Lý do thì không phải là không có, nhưng ở đây tôi không muốn phản biện lại điều này, vì lâu nay đã có nhiều người giải thích rồi. Chỉ có điều, những người tu Thiền mà đổi qua tu Tịnh Độ như vậy, căn cứ vào đâu để giải thích rằng trong kinh điển Nam Truyền đã có đề cập đến? Đây là câu hỏi mà nhiều người muốn tìm cho rõ ngọn ngành của vấn đề.

Câu hỏi này, một số quý vị Giáo Sư Phật tử tại Học Viện Phật giáo Linh Sơn ở Paris cũng đã hỏi tôi cách đây mấy năm về trước. Lúc ấy, cũng may là tôi đã đọc xong tất cả những phần *Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm* cũng như *Tăng Nhất A Hàm* và đã bắt đầu đọc đến Bộ Bản Duyên (Bản Sanh) thì mới đọc được việc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhắc đến danh hiệu của Đức Phật A-di-đà. Và nếu đọc hết quyển





thứ 17 của Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, trong hơn 13.000 trang Kinh ấy, chúng ta chỉ thấy duy nhất hai lần Đức Phật Thích Ca đề cập đến việc này. Lần thứ nhất là trong bộ Bản Duyên thứ nhất, quyển thứ 10, trang 474, phần sau của Kinh thứ 55, tiêu đề Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Thí Dụ. Nếu Quý vị muốn tìm nguyên bản chữ Hán thì vào *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh* (Taisho Shinshu Daizōkyō) Tập 3, kinh số 154, trang 107, tờ c, từ dòng 1 đến dòng 14, nội dung bản Việt dịch như sau:

"Ngài Thủ Đạt tuổi cao đáng kính, giáo hóa được năm ngàn người. Ngài Duy Tiên tuổi trẻ, trí tuệ sâu rộng, đi tới nhiều nước, giáo hóa được sáu vạn người. Lần lượt trên con đường đi du hóa, hai vị này gặp nhau, các đệ tử của Ngài Thủ Đạt thấy Ngài Duy Tiên trí tuệ dũng mãnh thầy đều muốn đến để tỏ lòng sùng bái. Ngài Thủ Đạt gọi các đệ tử lại bảo:

- Ông Duy Tiên tuổi còn nhỏ, trí tuệ cạn cạn, ít ỏi. Ngài Duy Tiên nghe được lời nói đó, bèn nghĩ: "Người tu hạnh Bồ Tát, phải nên cúng dường nhau, du hóa đến các nước gặp nhau, coi như gặp được Phật. Nay ta thật không muốn ủng hộ Ngài Thủ Đạt, nhưng vẫn luôn nghĩ về tình đồng đạo. (1) Ngài Duy Tiên ngay trong đêm đó lặng lẽ bỏ sang nước khác. Vì sao thế? Là vì muốn cho các đệ tử kia vẫn tiếp tục cúng dường Ngài Thủ Đạt.

Ngài Thủ Đạt do đã bài báng Ngài Duy Tiên, nên phải bị đọa vào loài Ma Ha Nê Lê (2) đến sáu mươi kiếp, khi đã thoát được ra làm người thì phải chịu sáu mươi kiếp làm người không có lưỡi. Tại sao thế? Là vì Ngài đã không tự chế ngự được ba nghiệp thân, khẩu, ý, làm mất đi pháp hạnh của Bồ Tát. Về sau, tội lỗi hết, nhờ công đức đã vun trồng từ trước và nỗ lực tự tu tập nên được thành Phật hiệu là Thích Ca Văn. Đức Phật bảo các đệ tử:

- Ông Thủ Đạt kia chính là bản thân Ta, Ngài Duy Tiên hiện nay là Đức Phật A-di-đà. Tất cả các vị ngồi ở đây đều nói:

- Lỗi lầm kia nhỏ, mà tội phải gánh chịu thì quá lớn!

Đức Phật bảo mọi người trong pháp hội:

- Thân, khẩu, ý, ba nghiệp ấy không thể không quyết chế ngự, giữ gìn. Những ai trọn tin điều này và phụng hành thì đắc đạo. Nếu có phạm lỗi xấu ác tự biết ăn năn sửa đổi thì lỗi đó trở nên nhẹ bớt đi!"

(Trích từ trang 474 đến 475 trong bản Việt dịch).

Đến quyển thứ 16, thuộc Bộ Bản Duyên thứ 7, trang 386 đến trang 389 thuộc Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, phần kinh văn số 206 cũng có thêm một câu chuyện liên quan đến cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà, mà *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh* (Taisho Shinshu Daizōkyō), Tập 4, kinh số 206, trang 521, từ dòng 9 thuộc Bộ Bản Duyên Bộ hạ, tập thứ 4, trang 510 thuộc về phần Cựu Tạng Thí Dụ Kinh, chuyện thứ 60 như sau:

"Ngày xưa có một người tuổi trẻ nghèo khổ, đi đến nước khác được một quả cam (3), nó vừa thơm vừa đẹp, ở đời ít có. Anh ta mến tiếc, không dám nếm thử. Nghĩ đến cha mẹ, muốn đem quả cam về dâng cúng, nên liền đi trở về thành Tỳ Da Ly (Tỳ Xá Ly).

Khi ấy Đức Phật vào thành cùng với chư Bồ Tát và các đệ tử lớn, đến nhà trưởng giả thọ trai. Thấy Đức Phật đi qua, người tuổi trẻ chưa về nhà, tay cầm quả cam trong ý muốn dâng cúng nhưng chưa thực hiện kịp. Vì từ nhỏ tới lớn chưa từng nghe nói về Phật, thấy dấu chân Đức Phật vừa đi qua in trên đất giống như hình bánh xe đang quay, rõ ràng các đường chỉ nhỏ cũng không thiếu sót. Lấy làm lạ, anh ta liền ngồi lên dấu chân nhìn xem không chán. Anh ta cảm nhận như gặp được điều may mắn, quên cả buồn vui. Anh suy nghĩ: "Dấu chân trên đất còn như thế, huống gì thân của vị ấy ở đời ít có. Ta ở đây đợi Ngài trở về, nên đem luôn phần của cha mẹ, chờ vị ấy trở lại sẽ đem quả cam dâng cúng."

Khi Đức Phật chưa trở về, anh ta ngồi bên dấu chân, buồn suy nghĩ rơi nước mắt. Người đi đường thấy vậy hỏi:

- Vì sao anh cầm quả cam ngồi đây mà buồn bã vậy?

Anh ta đáp:

- Tôi ngồi đây với dấu chân của Bạc Tôn Quý, mong mới Ngài sẽ trở lại, muốn đem quả cam này tự dâng cúng, đợi thấy Tôn nhan mà chưa được như nguyện. Tự xét thân phận hèn mọn, ít ai quan tâm, nên cảm thấy buồn.

Người đi đường thấy lạ, đến hỏi thăm, xem coi rất đồng, đều bàn tán với nhau cho anh ta là kẻ cuồng si. Vì sao biết được vị ấy có trở lại hay không mà ngồi chờ đợi?

Khi Đức Phật đã đến nhà vị trưởng giả an

tọa, chúng Tăng rửa chân, theo thứ lớp ngồi vào xong, vị trưởng giả và tất cả thân quyến đem các món ăn dâng cúng đầy đủ. Khi thọ trai xong, Đức Phật chú nguyện cho trưởng giả và cả người nghèo ở xa đang chiêm ngưỡng dấu chân, cầm quả cam đợi dâng cúng Phật.

Khi Đức Phật và chúng Tăng đã thọ trai xong, vị trưởng giả suy nghĩ: "Đức Thế Tôn chú nguyện pháp thí không bình đẳng. Chỉ chú trọng người ở xa, việc cúng dường ở đây không xứng đáng sao?"

Đức Phật dạy Tôn Giả Anan:

- Việc cúng dường của trưởng giả phước như thế nào?

Đức Phật dạy tiếp:

- Việc cúng dường của trưởng giả rất rộng rãi, nhưng vị ấy còn mong mỏi, nên dụng tâm còn so sánh quanh co, nhưng kết cuộc cũng được tốt đẹp, an lạc. Trái lại, bên ngoài ở xa có một thiếu niên tay cầm quả cam, một lòng không nghĩ gì khác, ngồi bên dấu chân hiền từ chờ đợi, suy nghĩ muốn dâng quả cam cúng dường, vận dụng lòng thành phát tâm rộng lớn. Do vậy, nên Ta ngồi ở đây, vì người ở xa mà chú nguyện.

Vị trưởng giả suy nghĩ: "Người kia muốn cúng quả cam không khác đồ ăn của ta. Đức Phật tán thán công đức của người kia là cao tốt. Ta tuy giàu có, đồ cúng đầy đủ, nhưng ý chấp vào việc cúng ít nhiều nên Đức Phật dạy phước không bằng người kia, ta muốn theo hầu Đức Phật đến thăm người ấy."

Khi ấy Đức Phật rời khỏi chỗ ngồi, đi đến nơi người ngồi chiêm ngưỡng dấu chân. Các Bồ Tát, đệ tử, trưởng giả, cư sĩ... Tất cả hợp lại theo thứ bậc thấp tùng theo Đức Phật. Người kia từ xa thấy Đức Phật đi đến, thân tướng tốt đẹp, hào quang sáng hơn cả mặt trăng, mặt trời, liền bước tới nghênh đón Đức Phật, rồi cúi đầu đánh lễ. Nhân đó anh ta quỳ xuống, đem quả cam dâng cúng Đức Phật và liền khi đó phát tâm Vô Thượng bình đẳng độ thoát chúng sanh.

Đức Phật phóng ánh sáng chiếu khắp không cùng tận. Ba ngàn thế giới đều chấn động lớn. Mười phương chư Phật và chư vị Bồ Tát kịp thời đều hiện ra như hình hiện ở trong gương, xa gần đều thấy rõ. Đức Phật vì vị ấy thọ nhận quả cam rồi chuyển quả ấy cúng dường mười phương chư Phật, chỉ một quả cam ấy mà biến ra để cúng dường khắp không cùng tận.

Mười phương chư Phật và chư vị Bồ Tát

thân mang ca sa, duỗi cánh tay vàng sáng chói, phóng ra ngàn muôn ức tia sáng, trong mỗi tia sáng kia tự nhiên đều có hoa sen châu báu nổi tiếp giăng quanh tòa sư tử. Trên Bảo tòa có chư Phật và chư vị Bồ Tát đều cầm bát báu nhận quả cam, cùng dùng quả cam ấy chuyển biến cúng dường... Đức Thích Ca cũng lại như vậy, ở thế giới này chiếu sáng mười phương, khắp trong hư không, chư Thiên, Quỷ Thần đều đầy đủ, tám hướng trên dưới cũng không có khoảng trống, đều hoan hỷ đến tán dương, hỗ trợ, các Bồ Tát trong ba cõi đều được nhờ ân.

Khi ấy người cúng quả cam được pháp Vô Sinh Nhân. Đức Phật thọ ký cho vị ấy sau này sẽ được làm Phật, hiệu là Quả Tôn Vương Vô Thượng Chánh Giác. Quốc độ kia sẽ giống như cảnh giới Cực Lạc của Phật A-di-đà.

Khi vị ấy được nghe Đức Phật thọ ký cõi nước riêng, tự nhiên thân tâm thanh tịnh, liền được quả vị Nhất Sanh Bồ Xứ. Trưởng Giả, Cư Sĩ, cả đến ngàn người, nương nhờ phước ấy mà phát đạo tâm và được vào địa vị Bất Thoái Chuyển.

Công đức của người nghèo kia được lợi ích rộng lớn đến như vậy."

(Trích từ trang 386 đến 389 trong bản Việt dịch.)

Trên đây là hai đoạn kinh được trích ra từ bộ Bản Sanh thứ 10 và thứ 16 của Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, xuất bản tại Đài Bắc, Đài Loan khi cổ Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh còn sanh tiền.

Ngoài ra trong *Trường Bộ Kinh* (Dīgha Nikāya) do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch ra Việt ngữ vào năm 1991 -Phật Lịch 2535; phần thứ 17. Kinh Đại Thiện Kiến Vương (Mahāsudassana Sutta) cũng đã có đề cập rất rõ về một cảnh giới của Vua Đại Thiện Kiến, rất giống với cảnh giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà. Vị Vua này chính là tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Kế tiếp là trong *Kinh Trung A Hàm* (4), ở phẩm thứ 6 thuộc Phẩm Vương Tương Ứng, kinh thứ 68 thuộc Kinh Đại Thiện Kiến Vương. So sánh hai Kinh này ở Nikaya và Kinh Trung A Hàm không khác nhau mấy về nội dung của một cõi trang nghiêm như Tây Phương Tịnh Độ của Đức Phật A-di-đà, mà Vua Đại Thiện Kiến trong quá khứ là tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Thiền Sư Thích Nhất Hạnh trong quyển: *Thiết lập Tịnh Độ - Kinh A-di-đà Thiền Giải*, chú giải dưới cái nhìn của Thiền học.



HT. Thích Như Điển

Trong quyển này, phần Thiết Lập Tịnh Độ (trang 7), Thiền Sư Nhất Hạnh đã đề cập đến một cảnh giới Cực Lạc như trong Kinh Đại Thiện Kiến Vương về cõi Tịnh Độ (Cực Lạc) của Đức Phật A-di-đà. Thật ra cõi Cực Lạc (Sukkhavatti) chỉ có một, do Đức Phật A-di-đà làm giáo chủ, nhưng có vô số cõi Tịnh Độ của chư Phật trong mười phương vô biên quốc độ.

Hòa Thượng Thích Thánh Nghiêm, người Đà Loan, tốt nghiệp Tiến Sĩ Phật Học tại Đại Học Riso Nhật Bản, sau về sáng lập Pháp Cổ Sơn tại Đài Bắc và Ngài chủ trương có bốn loại Tịnh Độ. Đó là Nhân Gian Tịnh Độ, Thiên Quốc Tịnh Độ, Phật Quốc Tịnh Độ và Tự Tánh Di Đà Tịnh Độ. Do vậy dưới mắt các Thiền Sư thì Tịnh Độ không nhất thiết phải ở cõi Tây Phương, mà ở đây và bây giờ, nơi quốc độ này cũng có thể là Nhân Gian Tịnh Độ như trong phẩm Kinh Đại Thiện Kiến Vương vậy. Người ta cũng có thể nói đến Đông Phương Tịnh Độ của Đức Phật Dược Sư hay ở những cõi khác nữa. Bởi vì thế giới vô cùng, không gian vô tận, nên cõi nước và cõi Phật cũng không có ngần mé vậy.

Bây giờ nếu có ai muốn truy tìm dấu vết kinh văn thì cũng không khó như ngày xưa. Chúng ta nên biết rằng: Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh và Tiểu Bộ Kinh bên Nam Truyền (Việt dịch từ tiếng Pali) tương ứng với các Kinh Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tạp A Hàm, Tăng Nhất A hàm và Bộ Bản Sanh bên Bắc Truyền (Hán dịch từ tiếng Sanskrit). Các dịch giả dịch thẳng từ tiếng Pali sang tiếng Việt chỉ có 13 tập và tất cả độ dày của 13 quyển này cũng trên dưới 10.000 trang. Riêng phần Bắc Truyền từ chữ Hán được dịch sang tiếng Việt có đến 17 quyển; mỗi quyển cũng trên dưới 1.000 trang và tổng cộng 17 quyển này cũng khoảng từ 12 ngàn đến 13 ngàn trang. Vì sao vậy? Vì bên văn bản chữ Hán rất đa dạng và có nhiều bản dịch từ tiếng Phạn sang có số chữ nhiều hơn, có nhiều kinh giống nhau nhưng được cho vào cùng thể loại, khiến cho những bộ kinh căn bản của Bắc Truyền nhiều hơn số chữ của các kinh bên Nam Truyền là vậy.

Bây giờ nếu quý vị nào còn nghi ngờ gì nữa thì quý vị cũng có thể giờ ra những trang kinh đã được giới thiệu để đọc, tìm hiểu và thấm thấu lời Phật dạy về những cảnh giới khác, không phải như cảnh giới của chúng ta đang ở và cũng có nhiều vị Phật, chứ không phải chỉ có một Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Đức Phật lịch sử ở cõi Ta Bà này. Phần tôi, không vì tranh luận với bất cứ ai về Đức Phật A-di-đà hay cảnh giới Tây Phương Cực Lạc, mà chỉ muốn càng làm sáng tỏ vấn đề thì độ nghi ngờ càng ít đi, để khi chúng ta hành trì được phước báu nhiều hơn là tự mình suy

ngẫm theo sự hiểu biết nông cạn của mỗi người mà tự kết luận rằng: Một thế giới như thế không có, hay một Đức Phật như thế không có. Đây là điều không nên lặp lại đối với những người muốn nghiên cứu kinh điển của cả hai truyền thống Nam Truyền cũng như Bắc Truyền một cách nghiêm chỉnh để được lợi mình và lợi người.

Thích Như Điển

(Viết xong vào lúc 16:00 ngày 28 tháng 3 năm 2020 tại Thư Phòng của Tổ Đình Viên Giác, Hannover Đức Quốc trong mùa dịch cúm Corona đang hoành hành khắp cả thế giới)

- 1) Phần Việt dịch được chúng tôi trích nguyên văn từ bản dịch Linh Sơn Pháp Bảo như đã nêu. Tuy nhiên, xét câu văn này ý nghĩa không xứng hợp hoàn toàn với văn cảnh nên chúng tôi đã tra cứu từ nguyên bản (trang 107, tờ c, dòng 7), thấy chép là: “今我無護，而起同法之意。 - Kim ngã vô hộ, nhi khởi đồng pháp chi ý.” Theo đây lẽ ra phải hiểu là: “Nay ta không giúp đỡ được thì cũng phải nghĩ đến tình đồng đạo.” Nếu hiểu là “nay ta thật không muốn ủng hộ” e rằng không đúng văn kinh.
- 2) Tương tự như trên, chúng tôi đã tra cứu từ nguyên bản (trang 107, tờ c, dòng 9-10), thấy chép là “墮摩呵泥梨 - đọa ma-ha nê-lê”. Chúng tôi chưa thấy kinh luận nào nói đến loài Ma Ha Nê Lê. Câu này phải hiểu là “đọa vào đại địa ngục”, vì ma-ha nê-lê là phiên âm chữ “mahāniraya”, nghĩa là đại địa ngục.
- 3) Nguyên bản kinh văn chữ Hán (trang 521, tờ b, dòng 9) là “得一甘果 - đắc nhất cam quả”. “Cam quả” không phải là quả cam, mà chỉ một loại quả rất đặc biệt có vị ngon ngọt. Dòng kinh tiếp theo (dòng 10) mô tả: 香美且大世所希有 - hương mỹ thả đại, thể sở hy hữu (vừa thơm, vừa đẹp lại rất lớn, hiếm có trong đời), vì vậy chắc chắn không phải là quả cam. Loại quả lạ quý hiếm đến nỗi anh nhà nghèo này có được nhưng không biết tên gọi của nó.
- 4) Kinh Trung A Hàm (Đại Chánh Tạng, Tập 1, kinh số 26), bản Hán dịch của ngài Cù-đàm Tăng-già-đề-bà, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ Việt dịch và hiệu chú, xem từ trang 515, tờ b, dòng 3 đến trang 518, tờ b, dòng 29.

GẶP THẦY

*Hương ngàn thoảng ngát cả trời đông
Vạn kiếp duyên vẫn đã thỏa mong
Mở lối sông thiền yên tánh lặng
Khơi dòng biển giác rạng tâm không
Kinh thâm diễn giải soi mờ tắc
Pháp diệu đem đường thấu rõ thông
Cảm được ân này, vun trí Nhã
Bên đời sống đạo có chân tông.*

*Vạn sắc xuân tràn ánh rạng đông
Qui nguồn tỉnh giác rõ cùng mong
An vui chẳng vướng tâm thường lặng
Thấu đạo năng trì pháp vốn không
Sống đạo đây, vui uơm nghiệp tác
Xây tình vững, để hiểu đời thông
Ngàn thu sự lý Thầy căn dặn
Lập hạnh vun niềm biết chánh tông.*

thơ MINH ĐẠO



CHỌN LỌC MÔI TRƯỜNG SỐNG

(Phần 7, trong tác phẩm "Hạnh phúc là điều có thật")

Nguyễn Minh Tiến

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Chúng ta không tồn tại một cách độc lập, cá biệt, mà bao giờ cũng tồn tại trong một môi trường nhất định. Tôi muốn nói đến tất cả những gì bao quanh ta, các điều kiện vật chất lẫn tinh thần mà chúng ta thường xuyên tiếp xúc. Những thứ ấy tác động tích cực hoặc tiêu cực đến chúng ta, phần lớn là tùy thuộc vào phương thức mà ta nhận hiểu, chọn lọc và tiếp xúc với chúng.

Để có được một tâm hồn yên tĩnh, người ta thường tìm đến một nơi yên tĩnh. Điều đó cũng đúng thôi, và trong một số trường hợp cũng mang lại hiệu quả. Tôi nói một số trường hợp, là vì có những trường hợp khác khi mà việc tìm đến một nơi yên tĩnh cũng không giúp ích gì cho ta. Cơn sóng gió không nằm ở bên ngoài mà nằm ngay trong chính nội tâm. Chúng ta cần phải biết ngăn ngừa từ những nguyên nhân làm cho nó sinh khởi lên, hơn là tìm cách trốn tránh không đối mặt.

Trong xã hội văn minh công nghiệp ngày nay, nhiều khi việc chọn một nơi yên tĩnh để sống là vượt quá khả năng của nhiều người. Chúng ta cần công việc làm. Chúng ta cần tiện nghi đời sống. Con cái chúng ta cần học hành... Và chúng ta buộc phải sống ở bất cứ nơi nào mà ta có thể xoay sở để kiếm ra được trong một thành phố dân cư đông đúc, chen chúc lẫn nhau. Trong những trường hợp ấy, ta cần có những phương thức chọn lọc để bảo vệ chính mình trong một môi trường có nhiều độc hại cả về vật chất lẫn tinh thần.

Khi chúng ta tiếp xúc với môi trường sống, các giác quan của ta mở ra như những cánh cửa sổ mở ra của một căn phòng. Căn phòng cần có cửa sổ, để qua đó ta có thể đón được ánh sáng, những cơn gió mát, nắng ấm ban mai, hoặc hương thơm hoa cỏ trong vườn... Nhưng có những lúc ngoài trời giông gió, mưa bão, ta cần phải kịp thời

đóng các cửa sổ lại. Nếu không, mọi thứ trong phòng sẽ bị gió lùa vào thổi tung lên, hoặc nước mưa lạnh sẽ tạt vào phòng...

Các giác quan của ta cũng vậy, cũng có những lúc cần được đóng lại, để bảo vệ tâm hồn ta khỏi những cơn gió độc từ bên ngoài.

Tôi đã tiếp xúc với nhiều người và thấy là họ không biết đóng các cửa sổ lại khi cần thiết. Đôi khi, vài ba người trò chuyện với nhau trong tiếng nhạc âm ỉ, và thay vì tắt máy đi, họ lại cố nói to hơn để có thể nghe rõ nhau. Tôi không sao hiểu nổi họ thường thức được gì nơi âm nhạc trong những trường hợp như thế.

Rất nhiều khi chúng ta thấy cô đơn, buồn bã, và thay vì tìm hiểu nguyên nhân vấn đề, chúng ta lại tìm đến một nơi ồn ào náo nhiệt nào đó để "giải buồn". Những khi ấy, thường thì sau đó ta lại càng cảm thấy cô đơn, buồn bã hơn.

Khi có một nhóm người gặp nhau và trò chuyện, họ nói bất cứ chuyện gì thuận tiện. Những câu chuyện ồn ào không nhằm đến mục đích nào cụ thể, hoặc phê phán, chỉ trích người này người nọ... Những câu chuyện vô bổ không chỉ là hoang phí thời gian, chúng còn làm cho đầu óc chúng ta không được ngơi nghỉ. Nhưng chúng ta rất ít khi quan tâm đến việc chọn lọc những câu chuyện mà mình nói hoặc nghe, cho dù chúng có thể chiếm những khoảng thời gian khá lớn trong ngày của ta.

Đôi khi chúng ta mở ti-vi lên và chẳng xem gì cả, nhưng chúng ta không chịu tắt đi. Chúng ta sợ trong nhà sẽ vắng vẻ, buồn bã nếu không có một âm thanh nào đó. Các chương trình ti-vi được phát sóng cho hàng triệu người xem, không phải riêng mình ta. Khi thấy thích hợp, chúng ta xem. Khi không thích hợp, hãy tắt máy đi. Không phải tất cả phim ảnh được trình chiếu đều thích hợp với chúng ta hoặc gia đình ta, chúng ta hoàn toàn có quyền chọn lọc và cần phải biết chọn lọc.

Nếu chúng ta nhớ lại rằng thời gian là vốn

quý như thế nào, chúng ta sẽ không phí những giây phút vô vị trước màn ảnh ti-vi khi thật sự không có hứng thú để xem những gì trên đó.

Chúng ta có những khả năng lựa chọn khác giúp ích nhiều hơn cho tâm hồn. Đọc một vài chương sách về chủ đề mình cần học hỏi, nghe một khúc nhạc mình thật sự yêu thích... hoặc đơn giản hơn chỉ cần ngồi yên và tập thở.

Cuộc sống thường ngày của chúng ta sôi động quá, đầy những âm thanh náo nhiệt ồn ào và những hoạt động diễn ra xôn xao, căng thẳng. Quay cuồng trong môi trường như thế quá lâu, ta dễ cảm thấy sợ sệt, trống vắng khi ngồi yên để tập thở.

Thật ra, chỉ cần ngồi yên và chú tâm vào hơi thở, ta có thể dừng lắng lại những sôi động trong tâm tưởng, và nhận thức rõ được sự tồn tại đầy ý nghĩa của mình trong hiện tại.

Khi chúng ta tỉnh táo nhận thức được sự tồn tại của mình trong từng giây phút hiện tại, ta dễ dàng nhận ra được những gì có lợi và những gì độc hại trong môi trường chung quanh. Ta tiếp xúc một cách chọn lọc với những gì tươi mát, sinh động và tránh xa những gì độc hại, vô bổ. Nói cách khác, ta biết cách đóng các cửa sổ giác quan của mình lại vào những khi cần thiết.

Trong chừng mực giới hạn của môi trường mình đang sống, ta cũng có thể chọn lọc những gì tốt nhất. Một ngày chủ nhật dành cho cả gia đình sẽ có ý nghĩa hơn khi ta đưa các con đến một công viên thoáng mát hay về một vùng quê có không khí trong lành. Ta đã có quá đủ những náo nhiệt của một đời sống công nghiệp hiện đại, ta cần bổ sung một chút gì đó yên lắng hơn, gần gũi với thiên nhiên hơn. Và trẻ con càng

đặc biệt cần đến điều đó hơn cả chính bản thân ta.

Trong sinh hoạt gia đình chúng ta cũng cần có những giây phút dừng nghỉ trong ngày. Điều này là quan trọng, vì nó sẽ giúp cho mọi thành viên trong gia đình trở nên gần gũi nhau hơn và có những cơ hội thuận tiện để chia sẻ tâm tư tình cảm với nhau. Không nên tập cho trẻ con có thói quen nghe nhạc âm ỉ suốt ngày. Chỉ mở nhạc lúc nào có thể dành thời gian để thưởng thức âm nhạc thật sự. Cả gia đình cần ý thức được sự cần thiết của những giây phút yên tĩnh và biết tôn trọng sự yên tĩnh của nhau.

Thỉnh thoảng có những dịp chúng ta mời khách đến nhà để chiêu đãi. Điều đó là cần thiết trong giao tiếp xã hội. Nhưng có rất nhiều khi chúng ta làm việc này vì thói quen hơn là sự cần thiết. Chúng ta nên biết rằng, nếu vượt quá giới hạn của sự cần thiết thì những dịp như thế sẽ làm tổn hại đến sinh hoạt gia đình. Và thường thì ta rất khó lòng kiểm soát được những phiền toái nào đó có thể xảy ra trong và sau một bữa tiệc.

Việc nói chuyện điện thoại cũng là một trong những điều kiện tiếp xúc với môi trường mà đôi khi chúng ta không quan tâm đến. Chúng ta có thói quen hồi hả lao đến nhắc ống nghe như thể sợ rằng sẽ không kịp đón nhận một tin quan trọng nào đó. Làm như vậy, chúng ta tự tạo ra cho mình một sự căng thẳng không cần thiết. Và nếu ta đang dùng cơm hoặc trò chuyện với mọi người khác trong gia đình, sự căng thẳng ấy sẽ lan sang tất cả những thành viên khác.

Nếu nghỉ lại một chút, ta sẽ thấy rõ sự vô lý của mình. Nếu người gọi đến có chuyện gì cần trao đổi với ta, họ sẽ đủ kiên nhẫn để chờ đợi năm ba hồi chuông, không có gì là quá đáng. Hãy bình tĩnh khi nghe



chuông điện thoại, chậm rãi nhắc ống nghe. Với tâm trạng đó, chắc hẳn ta sẽ sáng suốt hơn khi trao đổi một chuyện gì đó qua điện thoại.

Và nếu đủ điều kiện, ta nên lắp một máy điện thoại có chức năng tự trả lời. Trong trường hợp đó, ta có thể chọn nghe hoặc không nghe vào từng thời điểm. Không gì bức dọc hơn cho những người khác trong gia đình khi đang bữa cơm ta phải bỏ đi nghe điện thoại, và nếu cuộc điện đàm kéo dài chừng năm mười phút, sự bức dọc sẽ càng tăng thêm. Chúng ta có thể chọn giải pháp không nhận điện thoại vào lúc đó. Nếu là việc quan trọng, sau giờ ăn ta sẽ gọi lại cho người kia. Nếu chỉ là một chuyện tán gẫu bình thường, ta có thể bỏ qua. Chỉ một thay đổi nhỏ này, cuộc sống trong gia đình ta sẽ yên tĩnh hơn và mọi người được gần gũi nhau hơn.

Chúng ta cũng nên hạn chế việc gọi cho người khác khi không có gì quan trọng. Bên kia đầu dây, ta thường không thể biết được người ấy đang làm gì và có thuận tiện để tiếp chuyện cùng ta hay không. Ngoài ra, những cuộc nói chuyện như thế thường chỉ xảy ra khi ta không biết làm gì khác. Điều này càng làm cho môi trường sống của ta thêm căng thẳng, vì ta đã đánh mất đi chút thời gian có thể dành để sống yên tĩnh hơn. Ta có thể dành thời gian ấy cho những hoạt động hữu ích, hoặc thậm chí không làm gì cả mà chỉ ngồi yên và chú tâm vào hơi thở. Hiểu được điều này, trước khi nhắc máy gọi cho ai, bạn nên nghĩ lại xem có thật sự cần thiết hay không rồi hãy gọi. Tôi tin là bạn sẽ thấy hóa đơn thanh toán tiền điện thoại trong tháng tới giảm đi đáng kể.

Môi trường chung quanh tác động trực tiếp đến tâm hồn ta qua những phương thức mà ta tiếp xúc và giao tiếp. Chúng ta không thể chọn lựa nơi ở tùy theo ý thích, vì điều đó thường khi đòi hỏi một khả năng tài chánh rất cao. Nhưng chúng ta có thể thay đổi cách sinh hoạt trong môi trường, cách nhận thức về sự việc chung quanh, và cũng có thể tiếp nhận hoặc từ chối một số những yếu tố từ môi trường. Ý thức được điều này, chúng ta có thể tự mình sáng suốt quyết định nên làm gì và làm như thế nào. Cuộc sống này là của chúng ta và thời gian đang trôi qua nhanh chóng. Nếu biết làm cho cuộc sống có ý nghĩa hơn, chúng ta sẽ có được nhiều hơn những niềm vui và hạnh phúc.



Waka (94)

(SAIGYŌ HŌSHI 西行法師)

*Chúng ta đã cùng nhau
ngắm nhìn vàng trăng sáng
trong những tháng mùa thu
nếu như người quá vãng
mình ta buồn lắm ru.*

morotomo ni
nagame nagamete
aki no tuki
Fitori ni naramu
koto zo kanasiki

Together
Have we gazed and gazed again
Upon the Autumn moon;
To do it alone
Will be sad indeed.

PHÁP HOAN

dịch từ bản dịch tiếng Anh, nguyên tác thơ của
Saigyō Hōshi (Tây Hành Pháp Sư, 西行法師,
1118-1190).

Artwork: Moon and Torii by Koho Shoda



TÌM VÀNG DƯỚI NƯỚC

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GĐPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Phàm ở đời, người ta cho rằng tiền tài, địa vị đem lại công danh, sự nghiệp có thể đem lại hạnh phúc cho con người. Cho nên người ta hì hục để kiếm tiền, để tạo uy tín, hầu đạt địa vị cao trong xã hội, tài sản chồng chất, và không có cái gì họ từ nan, nên đã tạo biết bao nghiệp chướng lành.

Đời người hạn cuộc trong năm, bảy chục năm, hay trăm năm trở lại. Khi nhắm mắt lìa đời thì chỉ có hình hài này đơn lẻ đi vào lòng đất lạnh. Nào có còn đem theo một thứ gì để tiếp tục xài dùng ở một thế giới mới, một quốc độ mới được đâu.

Kinh Bách Dụ gọi những nỗ lực của người đời để xây dựng hạnh phúc không khác kẻ tìm vàng dưới nước trong câu chuyện sau đây:

Thuở xưa có một người đi trên bờ ao, nhìn xuống nước, anh thấy dưới đáy ao có thỏi vàng lấp lánh, mừng rỡ quá anh vội lội xuống nước để nhặt nhưng lại không mò tìm thấy được. Nhưng lên bờ, dợt nước trong anh lại thấy thỏi vàng như cũ. Nhiều lần lặn xuống rồi trèo lên, mệt phờ ngồi nghỉ. Lâu sau người cha đi tìm con, qua đây thấy anh mệt lả bèn hỏi. Anh đem tự sự kể lại rồi dẫn cha lại bờ ao chỉ cho cha xem. Người cha xem xong biết chắc thỏi vàng dưới nước là cái bóng, còn thỏi vàng thật sự là ở trên cành cây cạnh bờ ao. Ông bảo con:

- Hãy trèo lên cây tìm vàng thử sao?

Người con không hiểu hỏi cha rằng:

- Rõ ràng vàng ở dưới nước sao cha bảo con tìm ở trên cây?

Người cha nói:

- Trong nước chỉ có cái bóng của thỏi vàng. Còn vàng thật định ở trên cây. Chắc một chú chim nào đó, tưởng thỏi vàng là một thứ trái cây nên tha để trên cành cây mổ ăn, nhưng ăn không được nên bỏ lại.

Người con nường theo bóng mình dưới nước, vừa leo lên cây, vừa tiến gần đến thỏi vàng và kết quả anh đã tìm ra thỏi vàng.

- Vàng dưới nước chỉ là bóng dáng của

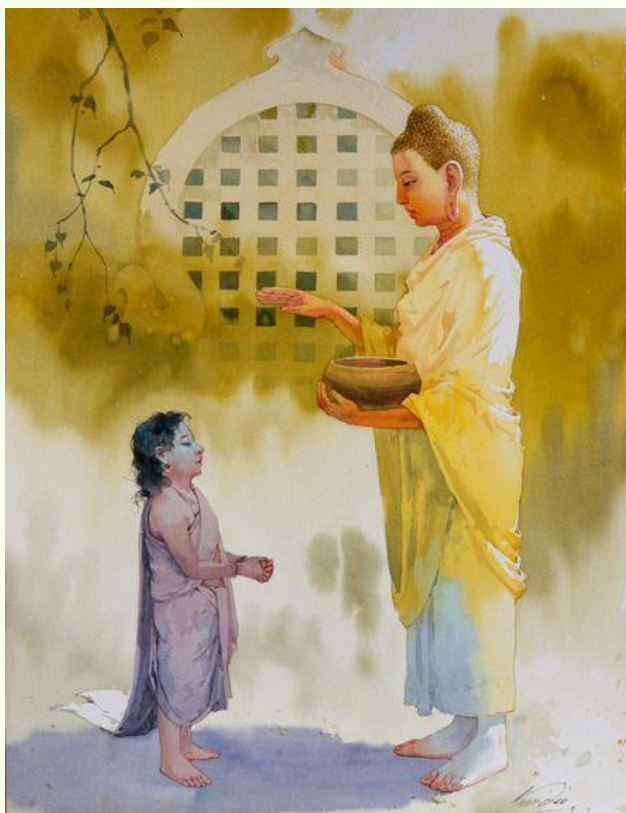
thỏi vàng thật.

- Hạnh phúc chỉ có ở trên cây công đức. Đó là thứ cây thành tựu báo những công việc thiện lành.

- Lợi xuống ao là xuôi theo dòng đời, theo ngũ dục, theo tham lam, sân hận, si mê. Nó khuấy động phiền não dục vọng, bóng dáng của hạnh phúc còn không thấy được đừng nói chi đến một thứ hạnh phúc an lạc thật sự.

Hãy suy gẫm mà chọn cho mình một hướng đi về nguồn. Đức Phật là đấng cha lành đã dạy cho ta con đường trở về tự tánh tâm mật vi diệu ấy vậy.

(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ*—Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)

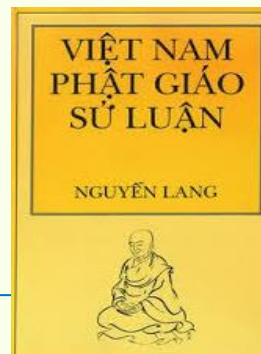


CÔNG CUỘC CHẤM NGÃ Ở BẮC KỲ

(Chương XXIX, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU



(tiếp theo)

ƯU THIÊN BÙI KỶ

Bên cạnh Trần Trọng Kim ta thấy có Bùi Kỳ. Nhà học giả này cũng đứng về phía phục hưng Phật giáo mà làm việc. Ông đã đăng nhiều thiên khảo cứu của ông trên Đuốc Tuệ. Đặc sắc nhất là bài "Nghĩa Chữ Không Trong Đạo Phật." Trong bài này, ông đề cập tới nghĩa ngã không và pháp không trong đạo Phật để đi tới quan niệm giả ngã và giả pháp, và cuối cùng kết luận rằng đạo lý Không có mục đích cỡi bỏ những mối chấp trước của con người chứ không phải là để nói rằng tất cả là không. Theo ông, chỉ khi nào phá được chấp ngã và pháp chấp mới tìm được lối thoát đích thực cho kiếp người, nếu không thì dù có hành động mấy đi nữa thì cũng còn là nằm trong vòng kiểm tỏa của danh lợi. Ông viết:

"Đời vốn chuộng học thuật, mà học thuật lại hóa ra diễn đàn của trò quý quyết, lợi khí của mỗi phân tranh có phải đó là cái lưu tệ ghê gớm của ngã chấp và pháp chấp không? Xưa nay đã có biết bao nhiêu nhà hiền triết từng tổn hao bao nhiêu gan óc, từng phí phạm bao nhiêu mồ hôi nước mắt vì đời người mà hết lòng vun đắp, ra công dạy dỗ... song đầu giáo dục hoàn bị thế nào thì cũng chỉ là những phương pháp tạm thời, như gió chiều nào che chiều ấy, chứ vẫn chưa có cách nào giải quyết rõ ràng được những lý do của đời người mà tìm phương cứu cho được lâu dia. Ai là người đã có lòng sốt sắng, con mắt cao xa, mà lại chẳng muốn



CƯ SĨ ƯU THIÊN BÙI KỶ
(1888-1960)

lo tính cho đời? Song cứu đời ở trong ngã chấp và pháp chấp khác nào như gọi người ở trong hòm kín mà nắp hòm vẫn đóng, thì người vẫn không có lối ra. Phật tổ biết rõ bệnh căn của đời là ở hai chỗ ấy, cho nên mới đem thuyết nhị không để phá tan hai cái chấp, tức là mở nắp hòm cho người có lối thoát ra vậy" (81).

Những học giả trong ban Nghiên Cứu Phật Học đã làm việc với hội Bắc Kỳ Phật Giáo rất bền bỉ cho tới khi tình thế bắt đầu hết ổn định. Một số cũng đã từng công bố thành quả của sự nghiên cứu của họ, như ông Nguyễn Văn Ngọc với tập Thuyết Nghiệp Báo của ông, do nhà in Đuốc Tuệ xuất bản sau này.

TẶNG SĨ VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI

Cũng như ở Nam và ở Trung, nữ giới đã góp nhiều trong phong trào chấn hưng đạo Phật miền Bắc. Những bài diễn thuyết của các ni sư như Huệ Tâm (Hà Đông) và các nữ cư sĩ như bà Đình Chí Nghiêm (Ninh Bình) đã có ảnh hưởng lớn trong quần chúng. Nhu cầu mở trường Phật học cho ni giới được phản ảnh trong bài viết của ni cô Tâm Nguyệt (82).

Về phương diện xã hội, tiếng nói của giới Phật tử miền Bắc cũng rất rõ ràng. Ngoài những công tác nuôi dạy trẻ mồ côi, cứu trợ nạn nhân đói, Phật tử có thể làm được gì? Nguyễn Văn Cảnh đề nghị tất cả các vị tăng sĩ trụ trì các tu viện sử dụng một hành lang ở chùa mình để làm ký nhi viện, và động viên

một số nữ Phật tử tình nguyện đến dạy dỗ, chăm sóc và chữa bệnh đau mắt cho trẻ em. Những đứa nào suốt ngày đã la cà nơi xó chợ sân đình đều nên đem về ký nhi viện "hành lang" ấy (83). Thiền sư Thích Thanh Đặc nhận thấy tăng sĩ không nên sống trên sự cung dưỡng của tín đồ mà phải chọn một "sinh nghiệp của xã hội" để tự nuôi sống mình và hành đạo (84). Những nghề tăng sĩ có thể làm, theo ông, là dạy học, làm thuốc, làm nhà in, nhà xuất bản, nhà dệt, nhà khâu, in kinh, cắt chữ v.v... Thiền sư Thanh Đặc có thể nói là vị tăng sĩ đầu tiên xướng kế hoạch kinh tế tự lực cho tăng sĩ bằng những sinh nghiệp mới (85). Lời kêu gọi của Thanh Đặc bắt đầu từ năm 1950 mới thực sự có ảnh hưởng.

Về phương diện thiếu nhi, hội Bắc Kỳ Phật Giáo đã tổ chức nhiều ban Đồng Ấu, thể thức cũng giống như các ban Đồng Ấu ở Trung Kỳ. Nhiều tỉnh hội đã thành lập ban Đồng Ấu, và nghi thức lễ Phật của các em đã được sáng tác toàn bằng Việt ngữ. Cư sĩ Công Chân là người có công nhất trong sự dạy dỗ và huấn luyện tuổi trẻ. Các ban Đồng Niên và Đồng Nữ ở các chi hội Khoái Châu và Hải Phòng là những ban hoạt động nhất.

Đuốc Tuệ đình bản vào năm 1945. số chót là số 257-258, ra ngày 15.8.1945. điều đáng ghi nhớ là từ số trước, danh xưng Bắc Kỳ Phật Giáo Hội đã được thay thế bằng danh xưng Việt Nam Phật Giáo Hội.

Từ năm 1934 đến 1945, hội Bắc Kỳ Phật Giáo đã lập được nhiều thành tích. Sự có mặt đông đảo của giới trí thức đã tạo nhiều sinh sắc cho hội. Lúc ban đầu, sự cộng tác của các sơn môn hãy còn lỏng lẻo vì có một ít điểm dị đồng giữa các tổ đình và ông hội trưởng Nguyễn Năng Quốc, nhưng sau đó thì hai bên lại bắt đầu cộng tác chặt chẽ. Các vị tăng hữu tâm và hữu học của các tổ đình đã không ngần ngại tham dự vào việc hội. Các thiền sư Tâm Bằng, Tâm Lĩnh, Tâm Bắc, Thọ Cầu, Tâm Bảo, Thanh Hoán, Thanh Hậu, Tâm Tấn, Trí Hải, Tố Liên, Tuệ Chiếu v.v... đều là những người đã hoạt động đắc lực cho Phật sự ở trung ương cũng như ở các chi hội.

SƠN MÔN LINH QUANG VÀ TẠP CHÍ TIẾNG CHUÔNG SỚM

Sự bất đồng tình giữa các sơn môn và hội Bắc Kỳ Phật Giáo xảy ra rất sớm, trước khi *Đuốc Tuệ* mới ra đời. Hội Bắc Kỳ Phật Giáo thành lập vào tháng Mười một năm 1934, nhưng mãi đến tháng Chạp năm 1935 tạp chí *Đuốc Tuệ* mới ra đời. Trong khi đó thì các sơn môn Linh Quang và Hồng Phúc đã đặt cơ sở cho một tạp chí Phật học *Tiếng Chuông Sớm* từ cuối năm 1934. Ngày 31.1.1935 thì có nghị định cho phép xuất bản *Tiếng Chuông Sớm*. Chủ nhiệm sáng lập ra



Tiền đường chùa Bà Đá—Linh Quang tự, Hà Nội

tạp chí này là thiền sư Đỗ Văn Hỷ, Tăng cương chùa Linh Quang (Bà Đá), và quản lý là thiền sư Thanh Tường, trú trì chùa Trầm ở Hà Đông và chùa Vũ Thạch ở Hà Nội. Một nhân vật thứ ba nữa làm nòng cốt cho công việc này là thiền sư Đặng Văn Lợi, tăng trưởng chùa Trầm Quốc (86). Chủ bút của tờ báo là thiền sư Bảo Giám, trú trì chùa Đông Lâm ở Bắc Ninh, và phó chủ bút là thiền sư Nguyễn Quang Độ trú trì chùa Bảo Phúc ở Hà Đông. Số đầu của *Tiếng Chuông Sớm* ra ngày 15.6.1935.

Trong bài "Tình Hình Phật Giáo Trong Nước" đăng ở số này, ký giả H.S. nhắc đến công trình chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ và Trung Kỳ và sự thành lập hội Bắc Kỳ Phật Giáo tại chùa Quán Sứ. "*Hiện nay nhờ thế lực của các quan đại thần và của các bậc thượng lưu, hội đã lan ra hầu khắp Bắc Kỳ, đâu đâu cũng có chi bộ, lại được tổ Vĩnh Nghiêm, một vị trưởng lão trong Tùng Lâm Bắc Kỳ chủ trương mọi việc ở Hội Chính. Tiếng Chuông Sớm này do Cổ Sơn Môn Hồng Phúc và Bà Đá cũng xin góp phần phục vụ...*"

Chùa Bà Đá là một cổ tự được xây dựng trễ nhất là vào đầu thế kỷ thứ mười tám. Tục truyền rằng chùa được xây dựng từ đời Hậu Lê vào niên hiệu Hồng Đức (1470-1497) sau khi dân làng đào thấy một tượng Phật Bà Quan Âm bằng đá. Có lẽ vì vậy mà chùa được gọi là chùa Bà Đá. Nguyên danh của chùa là Tự Pháp Linh Quang Tự, tọa lạc ở làng Tự Tháp, huyện Thọ Xương (sau này là Hàng Trống). Năm Bình Ngô (1786), khi Nguyễn Huệ đem quân từ Phú Xuân ra Bắc Hà để dứt họ Trịnh, thì chùa bị binh lửa thiêu rụi. Dân làng Tự Tháp thấy tượng Phật bằng đá vẫn còn nguyên vẹn liền hợp nhau dựng chùa. Năm 1793, thiền sư Khoan Giai từ Hồng Phúc đến trú trì chùa này. Đến năm 1821 khi ông tịch thì thiền sư Giác Vượng thay thế ông, và trùng tu lại thành một ngôi

chùa lớn. Thiền sư Phổ Sĩ kế vị Giác Vương và biến chùa Linh Quang thành một tông lâm lớn có hàng trăm tăng sĩ tu học. Sau thiền sư Phổ Sĩ là thiền sư Nguyễn Văn Hợp. Các thiền sư Đỗ Văn Hỷ và Nguyễn Văn Khánh đều thuộc thế hệ kế tiếp. Chùa lại bị cháy mất một phần trong thời gian gần đây và thiền sư Đỗ Văn Hỷ đã có công trùng tu lại những nơi ấy. Ông được chính phủ Nam Triều ban hiệu làm Tăng Cương hòa thượng của chùa (87).

Để ủng hộ cho *Tiếng Chuông Sớm*, thiền sư Thanh Tường đã mời một số các vị tăng sĩ có uy tín vào làm cố vấn cho tạp chí: Thiền sư Thanh Phán (chùa Triệu Khánh, Hà Đông), thiền sư Nguyễn Duy Trinh (chùa Hưng Khánh, Hà Đông), thiền sư Ngô Công Bộn (chùa Hàm Long, Hà Nội), thiền sư Nguyễn Văn Thi (chùa Hương Tuyết, Hà Đông), thiền sư Thạch Điều (chùa Đế Thích, Hà Nội) và thiền sư Thanh Trọng (chùa Mễ Sơn, Hà Đông). Ông lại còn mời các ông Mai Đăng Đệ, Trịnh Đình Rự, Nguyễn Khắc Hiếu và Nguyễn Tiễn Lãng vào ban biên tập. Nguyễn Tiễn Lãng thì phụ trách phần tiếng Pháp và Nguyễn Khắc Hiếu (Tản Đà) thì phụ trách phần chữ Hán.

Số ra mắt *Tiếng Chuông Sớm* gây ảnh hưởng khá lớn trong Phật học giới, nhưng ông Nguyễn Năng Quốc hội trưởng Bắc Kỳ Phật Giáo không được hoan hỷ, bởi vì ông nghĩ rằng một Phật sự như thế phải nằm trong phạm vi hoạt động của hội. Ngày 25.6.1935 ông gửi một lá thư cho *Tiếng Chuông Sớm* trách rằng chùa Bà Đá đã không chịu hợp tác với hội Bắc Kỳ Phật Giáo, lại cho ra "báo riêng." Một hành động như thế, theo ông, là một hành động "đổi lập," trái với tinh thần lục hòa. Ban Quản Trị hội Bắc Kỳ Phật Giáo trong một buổi họp ngày 23.6.1935, nghĩa là trước đó hai hôm, đã quyết định "không đồng ý cổ động cho *Tiếng Chuông Sớm*, việc làm của hội Bắc Kỳ Phật Giáo không được phù hợp với truyền thống Phật giáo ở nhiều điểm:

1- Ban Trị Sự của hội chỉ toàn là cư sĩ. Thiền gia Pháp Chủ Thanh Hanh tuy ngồi đó nhưng chỉ có hư vị.

2- Hội lập trường Phật học theo "lối mới" để đào tạo một thế hệ "sư mới," như vậy là phủ nhận truyền thống học tập trong mùa kết hạ của thiền môn.

Tiếng Chuông Sớm ra điều kiện: nếu hội Bắc Kỳ Phật Giáo sửa chữa lại Điều Lệ, bầu lên một Ban Trị Sự gồm toàn các thành phần tăng sĩ, với thiền sư Thanh Hanh làm hội trưởng, đem trụ sở về chùa Hòa Giai hay là chùa Bà Đá, thì *Tiếng Chuông Sớm* sẽ xin tự hiến mình làm cơ quan ngôn luận của hội (88).

Sự bất đồng ý kiến kéo dài từ giữa năm 1935 cho đến cuối năm 1935. Trong thời gian đó, các tổ đình Bà Đá, Hồng Phúc và Hòa Giai

phối hợp với các chùa chi nhánh tại Hà Nội và các tỉnh để tổ chức Bắc Kỳ Phật Giáo Cổ Sơn Môn, đường lối là phát triển Phật giáo trong tinh thần duy trì truyền thống sinh hoạt cổ điển của thiền môn.

Tuy vậy, sơn môn Vĩnh Nghiêm đã không để cho sự chia rẽ trở nên trầm trọng. Sau những cuộc thăm viếng liên tiếp giữa các tổ đình Vĩnh Nghiêm và Linh Quang do thiền sư Thanh Hanh chủ trương, sự bất đồng ý kiến kia dần dần nhường chỗ cho sự cộng tác. Đầu tháng Chạp năm 1935, *Đuốc Tuệ* ra mắt Phật học giới. *Tiếng Chuông Sớm* số 14 ra ngày 26.12.1935 mở lời chào mừng *Đuốc Tuệ* và đăng những bài có tinh thần hòa giải và cõi mở.

Tiếng Chuông Sớm lại mời thêm một số nhà văn vào ban biên tập, như Nguyễn Mạnh Bổng và Nguyễn Trung Như, nhưng đến cuối tháng Năm 1936 thì báo đình bản vì lý do tài chính. Số chót của *Tiếng Chuông Sớm* là số 24, ra ngày 21.5.1936. Vào thời gian này, những dị biệt giữa Bắc Kỳ Phật Giáo Cổ Sơn Môn và hội Bắc Kỳ Phật Giáo không còn nữa, cho nên sự suy tôn thiền sư Thanh Tường lên ngôi thiền gia pháp chủ được thực hiện một cách dễ dàng. Thiền sư Thanh Tường vốn là vị tôn túc cao niên nhất trong pháp phái Lâm Tế lúc bấy giờ và được tất cả các tổ đình Linh Quang và Hồng Phúc quy ngưỡng.

THIỀN SƯ THANH TƯỜNG

Thiền sư Thanh Tường tên đời là Đinh Xuân Lạc, sinh năm 1958. Ông được 78 tuổi vào năm 1936 tức là năm ông được suy tôn làm Thiền Gia Pháp Chủ. Ông thường được gọi là Tổ Võ vì ông trú trì chùa Võ Thạch ở đường Gia Long Hà Nội. Ông cũng là trú trì chùa Huỳnh Cung ở phủ Thường Tín và động Tiên Lữ chùa Tử Trầm Hà Đông. Ông đã tiếp thiền sư Thiện Chiếu trong chuyến ra Bắc của ông này và đã hứa giúp đỡ cho Thiện Chiếu trong việc tiếp xúc với các nhân vật lãnh đạo Phật giáo của miền Bắc. Các thiền sư Tâm Ứng, Tâm Lai và Tâm Bảo, những người có công nhiều trong việc xúc tiến thành lập Bắc Kỳ Phật Giáo đều có theo học với ông.

Từ khi thiền sư Thanh Tường lên làm Thiền Gia Pháp chủ, sự hợp tác giữa các sơn môn và hội Bắc Kỳ Phật Giáo trở thành chặt chẽ. Các thiền sư Thanh Ất (chùa Trung Hậu, Phúc Yên), Trung Thứ (chùa Bằng Sở, Hà Đông), Doãn Hải (chùa Tế Cát, Hà Nam), Quang Nghiễm (chùa Phú Ninh, Nam Định) và Thanh Triệu (chùa Đồng Bắc, Ninh Bình) đều là những bậc tôn túc hỗ trợ mạnh mẽ cho Phật sự. Trong số các thiền sư hữu tâm hữu học cộng tác với hội ta thấy có các vị Tâm Bằng, Tâm Lĩnh, Tâm Bác, Thanh Hoán, Thông Thịnh, Tâm Tấn, Thanh Hậu, Tố Liên, Trí Hải, Giải Ngạn và Tuệ Chiếu.

Thuộc về Sơn môn Linh Quang có khoảng 200 vị tăng sĩ hành đạo trong các chùa, từ thành thị đến thôn quê, và cứ mỗi mùa hạ, đều trở về an cư và học tập. Thiền sư Thanh Tường đích thân đứng ra giảng dạy cùng với thiền sư Đỗ Văn Hỷ và những vị tôn túc khác có khả năng. Chùa Linh Quang đã từng tổ chức khắc bản in kinh. Bộ Đại Bảo Tích cũng đã được chùa khắc bản.

Tổ đình Vĩnh Nghiêm là nơi quy tụ đông đảo nhất mỗi mùa kết hạ, có năm, số tăng sĩ về kết hạ lên tới 220 vị.

Tổ đình Hồng Phúc là một tổ đình xưa nhất của Phái Tào Động, năm nào cũng có tổ chức kết hạ, an cư theo truyền thống. Tổ đình này do thiền sư Pháp Minh chủ trì.



Tổ đình Vĩnh Nghiêm

TRUYỀN THỪA TÀO ĐỘNG THEO BIA CHÙA HỒNG PHÚC

Thiền sư Pháp Minh tên đời là Dương Tâm Viên, hiệu là Thiền Lâm. Năm 1932, ông đã dựng một tấm bia ở chùa Hồng Phúc liệt kê hành trạng các vị tổ sư trú trì ngôi tổ đình này của phái Tào Động. Ông là đệ tử của thiền sư Nhân Từ, tổ đời thứ 47 của tông Tào Động. Sách *Kế Đăng Lục* của thiền sư Như Sơn (89) chỉ ghi được hai vị tổ Tào Động đầu tiên ở chùa Hồng Phúc: đó là các thiền sư Thủy Nguyệt và Chân Dung. Bia của thiền sư Pháp Minh ghi đủ pháp danh của những vị kế thế trú trì chùa Hồng Phúc, xin ghi ra đây để bổ túc cho Chương XXIII của Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Tập II, phần nói về Tào Động Ở Đàng ngoài (trang 127):

Tổ thứ nhất: thiền sư Thủy Nguyệt, đời thứ 36 Tào Động.

Tổ thứ nhì: thiền sư Chân Dung, đời thứ 37 Tào Động. Đây là đoạn văn viết về thiền sư Chân Dung trong bia: *"Tổ thứ hai là Chân Dung, nổi lửa pháp đăng được một thời thì vào niên hiệu Vĩnh Trị (90) triều Lê bỗng có lệnh vua phế bỏ tăng lữ. Đệ nhị tổ của ta kiên trì tâm nguyện làm Phật, bảo rằng: "Đạo Phật không theo đường thế gian mà có thịnh có suy, mà phép Vua phải cùng phép Phật đùm bọc lấy nhau. Việc này chẳng qua*

là tâm của vua chưa giác ngộ, chưa có người vén màn mây che lấp mặt trời cho nên giáo lý của Phật mới khó tỏ tường; bây giờ có ai quét sạch sương mù che lấp bầu trời cho được?" Bèn từ giả pháp tọa sư tử, thân hành đến thành Thăng Long, lấy bút mực chốn đản trì. Ngài đem pháp học mà xiển dương Phật pháp, dùng bối diệp mà cởi mở tâm Vua, dựng lại tông phong, thêm sáng tuệ nhật. Được lệnh ở lại chốn thần kinh, rộng mở đạo tràng mà thuyết pháp. Chốn phạm vũ lại được trùng tu để làm địa vức tham thiền. Giúp nước hộ đạo, được vua sắc phong, làm hưng thịnh những gì đã suy, nối tiếp lại những gì đã dứt."

Tổ thứ ba: thiền sư Tịnh Giác; đời thứ 38 Tào Động. Ông được vua Lê (91) ban hiệu là Tăng Thống Tịnh Giác Hòa Thượng. Pháp danh ông là Từ Sơn, tự là Hành Nhất.

Có nhiều lý do khiến cho ta nghĩ rằng Tịnh Giác chính là thiền sư Như Sơn tác giả sách *Kế Đăng Lục*. Trước hết, *Kế Đăng Lục* chỉ ghi tiểu sử hai vị tổ Tào Động người Việt: hai người này là Thủy Nguyệt và Chân Dung. Thiền sư Chân Dung tịch năm 1709, ai là người thừa kế, nếu không phải là ông? Lý do thứ hai: sách *Kế Đăng Lục* có ghi tên một vị sa di, đệ tử của ông, tên là Tịnh Chú, người đã giúp ông về việc thẩm duyệt tác phẩm. Theo bia của thiền sư Pháp Minh thì Tính Chúc lại là tổ thứ tư của chùa Hồng Phúc. Như vậy bốn sư của Tính Chúc là ông. Tại sao không phải là tổ thứ ba? Nhưng pháp danh của tổ thứ ba là Từ Sơn, chứ không phải là Như Sơn. Tại sao? Tác phẩm *Kế Đăng Lục* do Như Sơn viết năm 1734 lại có lời ca tụng vua có lòng hộ đạo và những dòng chữ ở đầu sách "Hồng Phúc Tự Sa Môn Như Sơn trước thuật"; những chi tiết này cho ta thấy Như Sơn tức là Từ Sơn, trú trì chùa Hồng Phúc từ năm 1709, và đã truyền đăng cho đệ tử ông là Tính Chúc, tổ thứ tư.

Tổ thứ tư: thiền sư Tính Chúc, đời thứ 39 Tào Động. Ông được sắc phong là Ban Lai Hòa Thượng. Pháp tự ông là Thiện Thuận, hiệu là Đạo Chu. Sau lại được tặng phong là Phổ Hóa Độ Sinh Đại Bồ Tát. Ông đã giúp thiền sư Như Sơn thẩm duyệt tác phẩm *Kế Đăng Lục*.

Tổ thứ năm: thiền sư Hải Điện, đời thứ 40 Tào Động. Ông được sắc phong là Viên Thông Tăng Thống Lại Nguyên Hòa Thượng. Pháp hiệu của ông là Mật Đa. Đời thứ 40 còn có các vị sau đây:

* Thiền sư Hải Hoảng, pháp tự là Tịnh Đức, hiệu là Nhu Nhã.

* Thiền sư Khoan Nhân, pháp tự là Phổ Tế, hiệu là Thanh Từ.

Tổ thứ sáu: thiền sư Đạo Nguyên, đời thứ 41 Tào Động, Ông pháp danh là Khoan Dực,



Chùa Trấn Quốc, Tây Hồ, Hà Nội

pháp tự là Phổ Chiếu được sắc phong là Tăng Thống Đạo Nguyên Hòa Thượng. Pháp hiệu của ông là Thanh Lăng. Ông là thầy của thiền sư Thanh Đàm (xem *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Tập II, trang 327).

Đời thứ 41 còn có các vị sau đây:

* Thiền sư Khoan Giáo, pháp tự là Nhu Hòa, pháp hiệu là Thiện Căn.

* Thiền sư Khoan Thông, pháp tự là Chính Trí, pháp hiệu là Thanh Quang.

* Thiền sư Giác Bản, pháp tự là Minh Nam, pháp hiệu là Thanh Nguyên. Ông là bạn với thiền sư Thanh Đàm và có làm bài kệ tán dương sách *Pháp Hoa Đề Cương* (93) của bạn.

Tổ thứ bảy: thiền sư Thanh Đàm, đời thứ 42 Tào Động. Ông pháp danh là Giác Đạo, pháp tự là Minh Chính, pháp hiệu là Hoằng Quang. Ông được triều đình ban giới đao và độ điệp (94). Ông là tác giả sách *Pháp Hoa Đề Cương* và *Bát Nhã Trực Giải* (xem *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Tập II, trang 327).

Tổ thứ tám: thiền sư Giác Lâm, đời thứ 43 Tào Động. Ông pháp tự là Minh Liễu, pháp hiệu là Lục Hòa.

Tổ thứ chín: thiền sư Đạo Sinh, đời thứ 44 Tào Động. Ông pháp tự là Minh Đạt, pháp hiệu là Thanh Như.

Tổ thứ mười: thiền sư Quang Lự, đời thứ 45 Tào Động. Ông pháp tự là Đường Đường, pháp hiệu là Như Như, cũng gọi là Hồng Phúc Sa Môn.

Tổ thứ mười một: thiền sư Chính Bình, đời thứ 46 Tào Động. Ông pháp tự là Bình Bình, pháp hiệu là Vô Tướng. Lại có hiệu là Hòa Thái Sa Môn.

Tổ thứ mười hai: thiền sư Tâm Nghĩa, đời thứ 47 Tào Động. Ông pháp tự là Nhân Tử.

Theo thiền sư Pháp Minh, tác giả bài bia "Danh Thủy Bất Hủ" ở chùa Hồng Phúc thì chùa này đổ nát rất nhiều dưới thời vua Tự Đức và chính là các vị tổ sư thứ chín (Đạo Sinh) và thứ mười (Quang Lự) đã trùng tu lại và làm cho chùa trở thành một "danh lam

thắng cảnh ở thành Thăng Long."

Năm 1938, chùa Thiên Tích ở Hà Nội cho xuất bản một tờ nguyệt san lấy tên là *Quan Âm Tạp Chí*. Chủ bút của tờ này là sa môn Võ Chiêm Khôi, trú trì chùa Thiên Tích. Số đầu ra mắt ngày 24.10.1938. *Quan Âm Tạp Chí* ra được đến tháng Hai năm 1943 thì đình bản, số chót là số 34. Tạp chí này không có gì đặc sắc và ảnh hưởng không được là bao trong Phật giới.

(81) Bùi Kỳ: Nghĩa Chữ "Không" trong đạo Phật. Đăng lại trong Nguyệt san Phật giáo Việt Nam, từ số 16 đến số 21, 1958.

(82) *Đuốc Tuệ* số 60 (1.5.1937)

(83) *Đuốc Tuệ* số 11 (25.2.1936)

(84) *Đuốc Tuệ* số 108 (15.5.1939)

(85) Trong thiền viện truyền thống, tăng sĩ thường tự túc bằng cách canh tác, bắt đầu từ nguyên tắc "bất tác bất thực" của thiền sư Bách Trượng.

(86) Chùa Trấn Quốc đầu tiên được dựng ở đời Lý Nam Đế (544-548) gọi là chùa Khai Quốc, tọa lạc tại bãi An Hoa giáp sông Hồng Hà. Năm 1615 bãi sông bị lở, chùa được dời tới làng Yên Phụ cạnh Hồ Tây, dựng trên nền cũ cung Thúy Hoa đời Lý (cũng là nền cũ điện Hàm Nguyên đời Trần). Theo bia "Trần Quốc Tự Bi Ký" của thiền sư Đạo Khang dựng năm 1639 thì trong năm đó chùa đã được trùng tu rất tráng lệ. "Quy mô lớn, sức lực nhiều, so với người trước, công đức gấp trăm lần", đó là lời trong bia. Trong cuộc tấn công của vua Nguyễn Huệ ra Bắc, chùa bị binh lửa tàn phá. Thiền sư Khoan Nhân huy động trùng tu lại chùa vào năm 1813. Đến năm 1815 thì hoàn thành. Thiền sư Khoan Nhân, theo bia "Tái Tạo Trấn Bắc Tự Bi" là người huyện Thụy Anh, phủ Thái Ninh, trấn Sơn Nam nay là tỉnh Thái Bình.

Năm 1844 vua Thiệu Trị đổi tên chùa là chùa Trấn Bắc nhưng dân chúng vẫn tiếp tục gọi là chùa Trấn Quốc, chỉ có chữ Quốc trên bia bị đục bỏ để chữa thành chữ Bắc mà thôi.

(87) *Tiếng Chuông Sớm* số 2 (1.7.1935)

(88) *Tiếng Chuông Sớm* số 2 (15.7.1935)

(89) Xem *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Tập II, trang 140.

(90) 1676-1680.

(91) Có thể là Lê Thuần Tông (1732-1735)

(93) Xem *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Tập II, trang 342.

(94) Năm 1830 vua Minh Mạng cấp giới đao và độ điệp cho 53 vị cao tăng trong nước sau khi bộ Lễ đã xét hạch học lực và đức hạnh của họ. Thiền sư Phúc Điền, chùa Liên Tông ở Bạch Mai, người san khắc *Đại Nam Thiên Uyển Truyền Đăng Tập Lục* cũng được ban giới đao và độ điệp vào năm này.

ĐỌC THÊM VÀI Ý VỀ BÁT NHÃ TÂM KINH

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Bài viết này để nói thêm một số ý trong Bát Nhã Tâm Kinh, cũng có thể xem như nối tiếp bài "Suy Nghĩ Từ Bát Nhã Tâm Kinh" (1), nhưng cũng có thể đọc như độc lập, vì phần lớn sẽ dựa vào đối chiếu với một số Kinh Tạng Pali. Bài viết cũng không có ý tranh luận với bất kỳ quan điểm nào khác, chỉ thuần túy muốn đưa ra một số cách nhìn thiết yếu cho việc tu học và thiền tập. Bài Bát Nhã Tâm Kinh từ nhiều thế kỷ được đưa vào Kinh Nhật Tụng Bắc Tông chủ yếu là để cho mọi thành phần, kể cả bậc đại trí thức và người kém chữ, biết lối thể nhập vào Bản Tâm (nói theo Thiên) hay vào Tánh Không (nói theo Trung Quán Luận). Nghĩa là, để vắn, để tư và để tu. Không để tranh biện kiểu thế trí. Bài này cũng sẽ nhìn theo cách truyền thống của Phật Giáo Việt Nam.

KHÔNG PHẢI KHÔNG, KHÔNG PHẢI CÓ

Trước khi đọc chú giải của một số cổ đức, nơi đây xin tóm lược lược bài phân tích kỹ trước. Tất cả các pháp đều duyên khởi, nên gọi là không. Na Tiên Tỳ Kheo nói rằng không có cái gì là Na Tiên, vì sắc thọ tưởng hành thức của Na Tiên đều rỗng rang không tự tánh (chỉ nương gá nhau theo luật duyên khởi); và không có cái gì là cỗ xe, vì gọng xe, trục xe, mui xe... không phải là xe, chỉ tạm gọi là xe (tức, nói theo Kinh Kim Cương: tất cả các pháp đều như mộng, huyễn, bào, ảnh).

Tới đây, chúng ta phải nhắc rằng lý luận (dựa vào ngôn ngữ và suy luận) sẽ không cho thấy thực tướng. Dẫn thí dụ trên, sẽ thấy rằng khi cỗ xe tới, cỗ xe là cái được thấy trước mắt chúng ta, âm thanh cỗ xe chạy là cái được nghe bên tai chúng ta, vân vân... khi

xe chạy qua xong, cái được thấy là cái vắng-ảnh, cái được nghe là cái vắng-tiếng, nhưng cái vắng đó vẫn là đối tượng của mắt và tai. Tất cả, dù có hay không, dù có ảnh hay không ảnh, dù có tiếng hay không tiếng, đều được bao trùm trong Gương Tâm Rỗng Rang Vắng Lặng Chiếu Sáng, nghĩa là một sân khấu nơi hữu và vô đóng vai trình diễn kịch nghệ. Chúng ta gọi ảnh là khi có và khi không, gọi tiếng là khi có và khi không, nhưng không gọi Gương Tâm bằng bất kỳ chữ gì được, vì Gương Tâm là bất động, là không tăng và không giảm, là không sạch và không dơ. Tạm gọi là Tánh Không.



VƯỢT NGOÀI LÝ LUẬN, XA LÌA 62 TÀ KIẾN

Đức Phật trong Kinh DN 1 (Kinh Phạm Võng) nói rằng không dùng lý luận mà dò ra được: "*Các sư, có những pháp khác, sâu thẳm, khó thấy, khó hiểu, bình an và tối thắng, VƯỢT QUA CẢNH GIỚI CỦA LÝ LUẬN, vi tế, chỉ được nhận ra bởi bậc trí tuệ...*" (2)

Có nghĩa là, chúng ta không dùng ngôn ngữ lý luận mà dò được. Kinh này Đức Phật chỉ ra 62 tà kiến để bác bỏ. Và khi nói có, nói

không, dù là thường hay đoạn trong quá khứ, hiện tại, vị lai đều trật. Do vậy, nếu có ai tự hào là thông minh, giỏi nhiều ngôn ngữ, giỏi biện luận cũng không thể thấy được. Cách thấy an toàn nhất là: giữ tâm vô sở trụ, không vương vào bất kỳ pháp nào. Vua Trần Nhân Tông còn gọi là "chớ dựng lập có hay không" (hữu, vô câu bất lập). Đức Phật dạy pháp đơn giản nhưng siêu xuất trong Kinh Bahiya là "cái được thấy chỉ là cái được thấy, cái được nghe chỉ là cái được nghe..." như thế, sẽ không vướng vào lưới 62 tà kiến.

KHÔNG HỀ CÓ MẮT TẠI MŨI LƯỠI THÂN Ý

Trong Bát Nhã Tâm Kinh có câu:

"Không hề có Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý; Không hề có cái được thấy, không hề có cái được nghe, không hề có cái được ngửi..."

Câu này trong Tạng Pali nằm trong Kinh Tương Ưng SN 4,19, trích dịch:

"... nhưng, Ác Ma, nơi không có mắt, nơi không có cái được nhìn thấy, nơi không có nhãn xúc và nơi không có chỗ tựa của [nhãn] thức - sẽ không có chỗ cho người nơi đó, hỡi Ác Ma (tương tự với tai, mũi, lưỡi, thân...)... Tâm là cái của người, hỡi Ác Ma, cái đối tượng được tâm nhận ra là cái của người...; nhưng, hỡi Ác Ma, nơi không có tâm, nơi không có đối

tượng của tâm, nơi không có xúc chạm của tâm và nơi không có chỗ tựa cho thức của tâm - sẽ không có chỗ cho người nơi đó, hỡi Ác Ma." (3)

Ngắn gọn, Đức Phật nói rằng trong cảnh giới của người giải thoát, dù là đang đi đứng nằm ngồi, dù là đang thuyết pháp, đang nói cười... vẫn không hề có mắt tai mũi lưỡi thân ý... Nơi này, Đức Phật đã dạy Bát Nhã Tâm Kinh hay tuyệt vời như thế.

Như thế, nơi tắt cả mắt tai mũi lưỡi thân ý đều là cửa giải thoát, đều là tức khắc xa lìa Ác Ma. Và đó là ý nghĩa của 84 ngàn pháp môn, tức là 84 ngàn cửa giải thoát. Nhìn đâu cũng thấy giải thoát, nghe đâu cũng thấy giải thoát... Nếu cứ dựa thuần ngôn ngữ lý luận sẽ không bao giờ tới được cửa vào của Tâm Kinh, vì Tâm Kinh này phá vỡ tất cả 62 tà kiến. Than ôi, Bát Nhã Tâm Kinh tuyệt vời như thế, không lo tu đi, sao cứ dựa vào ngôn ngữ lý luận hạn hẹp mà vặn chữ. Lý luận chỉ có thể nhận ra Có và Không, chớ hề nhận ra cảnh giới của xa lìa mọi lý luận, cảnh giới của xa lìa mọi ngôn thuyết.

BÁT NHÃ TÂM KINH LÀ TÂM THƯỜNG ĐỊNH

Tại sao các tổ sư Trung Hoa và Việt Nam gọi rằng Bát Nhã Tâm Kinh là cảnh giới của đại định, của thường định, của không hề dính tí bụi nào?

Có một số vị nói rằng khi vào Sơ Thiền, Nhị Thiền... sẽ phải ngồi, sẽ không nghe gì dù là 500 cỗ xe chạy trước mặt? Vậy, ý nghĩa đại định của Tâm Kinh ở đâu?

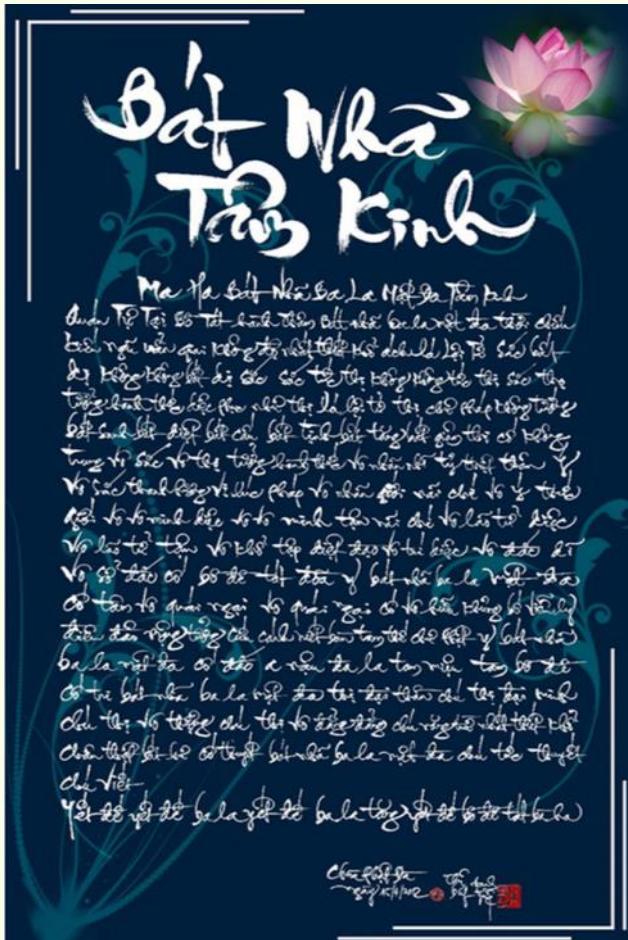
Đức Phật nói trong Kinh AN 3.63 rằng đi đứng nằm ngồi đều có thể ở trong đại định, trong 4 tầng Thiền của chư Thiên, trong định Tứ Vô Lượng Tâm của Phạm Thiên, và trong Trí Tuệ Giải Thoát của bậc Thánh. Tóm gọn kinh này thành ba đoạn như sau.

Đức Phật vào tầng Thiền thứ nhất, vào tầng Thiền thứ hai, vào tầng Thiền thứ ba, vào tầng Thiền thứ tư... *"trong trạng thái như vậy, nếu ta đi kinh hành (tuần tự; đứng, nằm, ngồi), thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành (đứng, nằm, ngồi) của Ta thuộc chư Thiên..."*

Rồi Đức Phật nhập định tuần tự, Từ, Bi, Hỷ, Xả... *"trong trạng thái như vậy, nếu ta đi kinh hành (đứng, nằm, ngồi), thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành (đứng, nằm, ngồi) của Ta thuộc Phạm Thiên..."*

Rồi Đức Phật tuần tự biết rõ, đoạn tâm Tham, đoạn tâm Sân, đoạn tâm Si... *"trong trạng thái như vậy, nếu ta đi kinh hành (đứng, nằm, ngồi), thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành (đứng, nằm, ngồi) của Ta thuộc bậc Thánh..."*

Xin mời xem bản Anh dịch của Bhikkhu Bodhi và bản Việt dịch của Hòa Thượng



Bát Nhã Tâm Kinh, thủ bút của Hạnh Tuệ, Chùa Phật Đà

Thích Minh Châu ở link (4).

Câu hỏi nơi đây: Do duyên nào mà tâm không định? Khi đã thấy vắng, bắt mắt tại mũi lưỡi thân ý thì lấy chỗ nào cho tâm động?

Do vậy, Bát Nhã Tâm Kinh là đi đứng nằm ngồi đều ở trong đại định, và thực sự là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, là hay trừ được hết thảy khổ, là chơn thật không hề hư dối. Tuyệt vời là như thế.

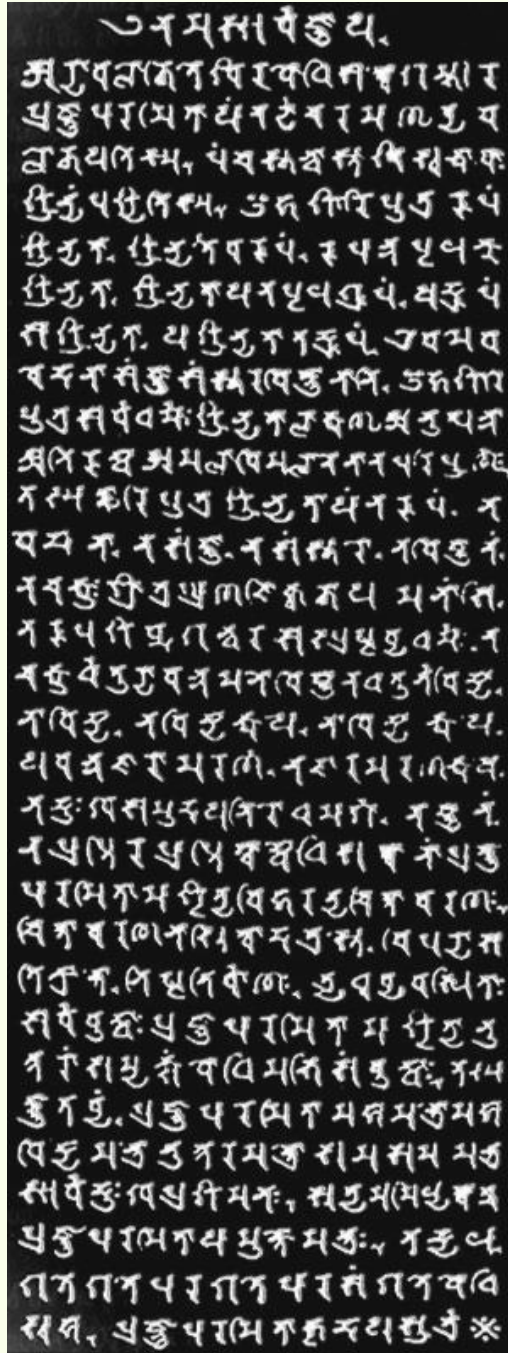
TRƯỚC MẮT, BÊN TAI BÀN NHIÊN THANH TỊNH

Tới đây, một lẽ thường được nêu ra, rằng chúng ta thường được nghe rằng cõi này là cõi khổ, nhìn đâu cũng thấy bất như ý, nghe gì cũng thấy bất toàn, mà hề khởi tâm thuận nghịch là tức khắc vướng liền. Tức là, Tứ Diệu Đế là bốn sự thật tuyệt vời được Đức Phật tuyên thuyết để giúp chúng ta tu hành, để vượt bể khổ. Chư Tổ còn gọi đó là Sanh Diệt Tứ Đế.

Do vậy, thắc mắc là, tại sao Bát Nhã Tâm Kinh có câu "Vô Khổ Tập Diệt Đạo"...

Nghĩa là, tại sao Bát Nhã Tâm Kinh dám viết là "không hề có cái gì gọi là Khổ Đế, không hề có cái gì gọi là Tập Đế, không hề có cái gì gọi là Diệt Đế, không hề có cái gì gọi là Đạo Đế"... bởi vì, không lẽ không vướng vào sắc thanh hương vị xúc pháp?

Có vị Thầy khi giảng Bát Nhã Tâm Kinh đã nói với học trò rằng cái gì trôi buộc người, thử nhìn nó xem... học đó tức khắc thấy được chỗ không bị trôi buộc. Tuyệt vời là như thế. Cho nên, Thiền Tông lấy Bát Nhã Tâm Kinh làm kinh nhật tụng vì đây thực sự là pháp qua bờ bên kia. Tức khắc. Đốn ngộ. Đốn nhập. Vượt qua vô số kiếp. Chư Tổ gọi pháp này là Vô Sanh Tứ Đế, hay là Vô Tác Tứ Đế, vì khi đã ngộ nhập Gương Tâm Rỗng Rạng Lặng Chiếu xong là không thấy có pháp nào để tu nữa.



Trong Tương Ứng Bộ, Kinh SN 35.191 - Kotthita Sutta có ghi lời của ngài Sariputta giải thích cho ngài Maha Kotthita rằng, trích dịch:

"... mắt không phải là gông xiềng của cái được thấy; cũng vậy, cái được thấy không phải là gông xiềng của mắt. Bất cứ tham ái và mê đắm nào khởi lên dựa vào hai cái đó (mắt và cái được thấy): nơi đó chính là gông xiềng. Tại không phải là gông xiềng của cái được nghe... (tương tự, mũi lưỡi thân ý)... Nếu mắt là gông xiềng của cái được thấy, hay nếu cái được thấy là gông xiềng của mắt, thì đời sống thánh hạnh để kết thúc sầu khổ phiền não không thể nào có được..." (5)

TỪ TƯỜNG TỚI VÔ TƯỜNG

Tới đây, chúng ta chú ý câu: *Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức.*

Hiểu là: Do vậy trong cái Không này vốn không hề có cái được thấy, không hề có cái được cảm thọ, không hề có cái gì gọi là tưởng, là hành, là thức.

Nơi đây, chúng ta chú ý về "tưởng" – tiếng Anh là "perception," định nghĩa theo Bhikkhu Bodhi là:

"Đặc tính của tưởng là nhận biết các phẩm chất của một vật (hay một pháp, một đối tượng). Chức năng của nó là nhận ra đặc tướng như

điều kiện để nhận biết lần nữa rằng "đây cùng là vật đó," hay là chức năng của nó là nhận biết những gì trước đó đã nhận biết. Nó hiển lộ như sự diễn giải về một vật... bằng các đặc tướng trước đó được nhận biết." (6)

Ngắn gọn: tưởng là nhận biết các đặc tướng để khi thấy lại ABC sẽ biết đó chính là ABC mà không phải XYZ.

Tới đây, sẽ thấy trong Kinh AN 9.16, Đức Phật dạy phải tu 9 pháp tưởng tất sẽ giải thoát, tất sẽ vào Niết Bàn (ghi chú: tưởng về xả ly món ăn, nên hiểu là 4 loại thực phẩm --

đoàn thực thô hoặc tế, xúc thực, tư niệm thực và thức thực).

Bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Châu như sau, trích toàn văn:

"—Này các Tỷ-kheo, có chín tưởng này được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là chín?

Tưởng bất tịnh, tưởng chết, tưởng ghê tởm đối với các món ăn, tưởng không ưa thích đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trên vô thường, tưởng vô ngã trên khổ, tưởng đoạn tận, tưởng ly tham.

Này các Tỷ-kheo, chín tưởng này được tu tập, được làm sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh." (7)

Theo Kinh vừa dẫn, tu bất kỳ pháp nào trong 9 pháp tưởng trên cũng có thể giải thoát, dù là tưởng về vô thường, hay tưởng về vô ngã, hay tưởng về bất tịnh...

Tuy nhiên, tuyệt vời là Bát Nhã Tâm Kinh, nhìn thấy tận gốc của Tánh Không, của Giảng Tâm Rỗng Rạng Lặng Chiếu, nơi đó tất cả các tưởng đều tan vào biển của Niết Bàn Diệu Tâm. Bởi vì nơi đó, không hề có cái gì gọi là sắc thọ tưởng hành thức nữa.

Chúng ta nơi đây sẽ dẫn ra Kinh Nhật Tụng Sơ Thời Snp 4.9 trong nhóm Kinh Tập của Kinh Tiểu Bộ, trích dịch như sau:

Đối với người đã xa lìa tưởng, sẽ không còn gì trói buộc,

đối với người đã đạt trí tuệ giải thoát, sẽ không còn mê lầm gì,

nhưng những người nắm giữ lấy tưởng và kiến,

họ lang thang trên thế giới này, cứ xung đột mãi.

Bản Anh dịch của Khantipalo là:

For one detached from perception, there exist no ties,

for one by wisdom freed, no delusions are there,

but those who have grasped perceptions and views,

they wander the world stirring up strife.

(<https://suttacentral.net/en/snp4.9>)

Nếu nghi ngờ bản dịch vừa dẫn, chúng ta có thể đối chiếu nhiều bản Anh dịch ở đây (<http://www.realbuddhaquotes.com/people-with-opinions-just-go-around-bothering-each-other/>) là thấy rõ, trước khi Đức Phật dạy các pháp Thiền Nam Tông, là dạy pháp Thiền của Bồ Đề Đạt Ma.

Trong trường hợp này, Bát Nhã Tâm Kinh là bản kinh có thể được xem là Đức Phật dạy trước rất nhiều bản Kinh khác của Tạng Pali.

GHI CHÚ:

(1) Suy Nghĩ Từ Bát Nhã Tâm Kinh. <https://thuvienhoasen.org/a28857/suy-nghi-tu-bat-nha-tam-kinh>

(2) "There are, bhikkhus, other dhammas, deep, difficult to see, difficult to understand, peaceful and sublime, beyond the sphere of reasoning, subtle, comprehensible only to the wise..." <https://suttacentral.net/en/dn1>

(3) Kinh SN 4.19, Đức Phật nói: "...but, Evil One, where there is no eye, no forms, no eye-contact and its base of consciousness—there is no place for you there, Evil One.... The mind is yours, Evil One, mental phenomena are yours, mind-contact and its base of consciousness are yours; but, Evil One, where there is no mind, no mental phenomena, no mind-contact and its base of consciousness—there is no place for you there, Evil One." <https://suttacentral.net/en/sn4.19>

(4) Kinh AN 3.63. Tiếng Anh: <https://suttacentral.net/en/an3.63> và tiếng Việt: <https://suttacentral.net/vn/an3.63>

(5) Kinh SN 35.191: "...the eye is not the fetter of forms, nor are forms the fetter of the eye. Whatever desire & passion arises in dependence on the two of them: That is the fetter there. The ear is not the fetter of sounds... If the eye were the fetter of forms, or if forms were the fetter of the eye, then this holy life for the right ending of stress & suffering would not be proclaimed." - <https://www.accesstosight.org/tipitaka/sn/sn35/sn35.191.than.html>

(6) Bhikkhu Bodhi giải thích về tưởng: The characteristic of perception is the perceiving of the qualities of the object. Its function is to make a sign as a condition for perceiving again that "this is the same," or its function is recognizing what has been previously perceived. It becomes manifest as the interpreting of the object...by way of the features that had been apprehended.

(<https://en.wikipedia.org/wiki/Sa%E1%B9%83%C3%B1%C4%81>)

(7) HT Thích Minh Châu. Kinh AN 9.16: <https://suttacentral.net/vn/an9.16>



Harriet Beecher Stowe và “Túp Lều Chú Tom” đang cháy

HUỲNH KIM QUANG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tháng 6 năm 2020 đánh dấu 209 năm chào đời của nữ văn sĩ người Mỹ Harriet Beecher Stowe (sinh ngày 14 tháng 6 năm 1811), và 169 năm ra đời của cuốn tiểu thuyết đi vào lịch sử “Uncle Tom’s Cabin” [Túp Lều Của Chú Tom] (được đăng báo vào tháng 6 năm 1851). Cuốn tiểu thuyết này lần đầu tiên mô tả về nỗi khốn khổ và sự chống đối của người Mỹ gốc Phi Châu và làm bùng nổ phong trào chống chế độ nô lệ tại Miền Nam nước Mỹ, mà ngay cả Tổng Thống Abraham Lincoln cũng phải khen rằng, *“Bà là một phụ nữ bé nhỏ nhưng lại là người viết cuốn sách tạo ra cuộc chiến tranh thật lớn này,”* theo www.en.wikipedia.org

Không phải chỉ cách nay trên 200 năm nước Mỹ mới chìm đắm trong hận thù và kỳ thị chủng tộc, mới hôm 25 tháng 5 năm 2020, một người Mỹ da đen, George Floyd, đã bị các cảnh sát da trắng đè cổ tới chết tại thành phố Minneapolis, kéo theo đó là nhiều cuộc biểu tình khắp nước Mỹ xảy ra nhiều ngày chống lại sự bạo hành của cảnh sát mà trong đó vẫn còn phản ảnh mầm mống của kỳ thị chủng tộc.

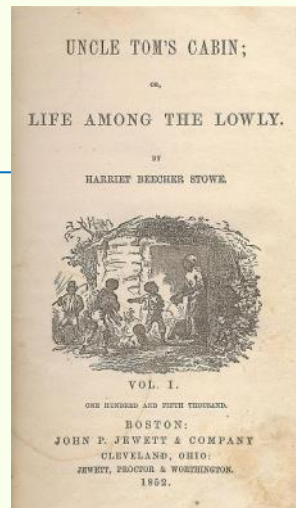
*(được phép tác giả lược bớt một đoạn
—Chánh Pháp)*

Muốn biết sự kỳ thị chủng tộc đã ăn sâu gốc rễ như thế nào trong xã hội Mỹ cách nay gần 200 năm thì có thể đọc cuốn tiểu thuyết “Uncle Tom’s Cabin” của nữ văn sĩ Harriet Beecher Stowe.

Cuộc đời của nữ văn sĩ Harriet Beecher Stowe (1811-1896)

Harriet Elisabeth Beecher Stowe sinh ra tại thành phố Litchfield thuộc Connecticut vào ngày 14 tháng 6 năm 1811. Bà là người con thứ 6 trong gia đình 11 anh chị em. Cha bà là nhà truyền giáo đạo Tin Lành Calvin Lyman

Bìa cuốn “Uncle Tom’s Cabin.” (nguồn: www.commons.wikimedia.org) →



Beecher. Mẹ của bà, Roxana, là vợ cả, một phụ nữ sùng đạo đã qua đời khi bà mới lên 5. Ông ngoại của bà Roxana là Tướng Andrew Ward trong Chiến Tranh Cách Mạng. Chị của Harriet, Catharine Beecher cũng là nhà văn. Những người anh của bà là các nhà truyền giáo gồm, Henry Ward Beecher, nhà truyền giáo và đòi bãi bỏ chế độ nô lệ nổi tiếng, và Charles Beecher và Edward Beecher.

Harriet vào học trong Nữ Chủng Viện Hartford do người chị Catharine điều hành. Ở đó Harriet đã nhận được một vinh dự rất lớn và hiếm có, một nền giáo dục học viện truyền thống, tập trung vào các môn Nhạc Cổ Điển, ngôn ngữ, và toán học. Bạn học của bà tại trường này là Sarah P. Willis, sau đó đã trở thành nhà văn với bút hiệu Fanny Fern.

Năm 1832, lúc 21 tuổi, Harriet dời tới thành phố Cincinnati thuộc Ohio, đi theo người cha, là viện trưởng của Chủng Viện Thần Học Lane. Ở đó bà cũng tham gia Câu Lạc Bộ Semi-Colon Club, là câu lạc bộ thẩm mỹ và xã hội. Thương mại và kinh doanh chuyên chở hàng hóa của Cincinnati trên Sông Ohio lúc đó đang bùng nổ, thu hút nhiều di dân từ nhiều vùng khác của nước Mỹ đến, gồm nhiều người nô lệ chạy trốn, những người đi săn tìm nô lệ có tiền thưởng, và di dân Ái Nhĩ Lan làm việc trên các kênh rạch và đường rầy xe lửa. Năm 1829, người



Nữ văn sĩ Harriet Beecher Stowe.
(nguồn: www.commons.wikimedia.org)

Ái Nhĩ Lan tấn công những người da đen, phá hủy nhiều khu vực của thành phố, cô đẩy các đối thủ này ra để lấy việc làm. Bà Beecher gặp một số người Mỹ gốc Phi Châu là những người bị tổn thương trong các vụ tấn công đó, và kinh nghiệm của họ đã đóng góp cho bà sau đó để viết về nô lệ. Các cuộc bạo loạn diễn ra từ năm 1836 tới 1841, cũng được thúc đẩy bởi những người bán xứ chống người đòi bãi bỏ chế độ nô lệ.

Harriet cũng bị ảnh hưởng bởi những cuộc Tranh Luận tại Lane về Nô Lệ. Một sự kiện lớn nhất từ trước tới lúc đó diễn ra tại Lane là hàng loạt cuộc tranh luận được tổ chức trong 18 ngày trong tháng 2 năm 1834, giữa thực dân và những người bảo vệ người đòi bãi bỏ chế độ nô lệ. Theodore Weld và những người đòi bãi bỏ nô lệ khác đã chiến thắng quyết định. Harriet có mặt tại hầu hết các cuộc tranh luận.

Ở câu lạc bộ văn học tại Lane, Harriet đã gặp Mục Sư Tin Lành Calvin Ellis Stowe, một người góa vợ là giáo sư về Văn Học Thánh Kinh tại chủng viện. Hai người đã kết hôn tại Chủng Viện vào ngày 6 tháng 1 năm 1836. Ông là nhà phê bình hăng hái về nô lệ, và gia đình Stowes đã ủng hộ phong trào

Underground Railroad, làm nơi tạm cư cho nhiều người nô lệ chạy trốn ở trong nhà của họ. Hầu hết người nô lệ tiếp tục ở miền bắc được bảo đảm tự do tại Canada. Gia đình Stowes có 7 người con cả thảy, gồm một cặp chị em song sinh.

Sau cái chết của người chồng, Calvin Stowe, năm 1886, sức khỏe của Harriet Stowe nhanh chóng suy sụp. Năm 1888, báo Washington Post tường thuật rằng do kết quả của bệnh mất trí nhớ ở tuổi 77 Stowe đã bắt đầu viết lại "Uncle Tom's Cabin." Bà tường thuật rằng bà đã viết tác phẩm gốc, và trong vài giờ mỗi ngày, bà chăm chỉ dùng bút và giấy, ghi những đoạn của cuốn sách gần như chính xác từng chữ. Điều này được thực hiện một cách vô thức từ ký ức, tác giả tưởng tượng rằng bà sáng tác vấn đề khi bà tiến hành. Đối với tâm trí bị bệnh của bà, câu chuyện hoàn toàn mới, và bà thường xuyên kiệt sức với việc làm mà bà coi là mới được tạo ra.

Nhà văn Mark Twain, người hàng xóm của Stowe tại Hartford, nhớ lại những năm cuối đời của bà trong đoạn hồi ký của ông như sau.

"Tâm trí bà đã suy nhược, và bà là một nhân vật thống thiết. Bà thơ thần suốt ngày trong sự chăm sóc của một người phụ nữ Ái Nhĩ Lan khỏe mạnh. Trong số những người dân thuộc địa của khu phố chúng tôi, những cánh cửa luôn mở trong thời tiết để chịu. Bà Stowe bước vào nhà họ theo ý muốn tự do của mình, và vì bà luôn luôn đi nhẹ nhàng và nói chung là hưng phấn tự nhiên, bà có thể đối phó với những điều ngạc nhiên, và bà thích làm điều đó. Bà sẽ lên ra đằng sau một người chìm đắm trong giấc mơ và trầm ngâm và la lên để khiến người đó giật mình tỉnh ra. Và bà ấy đã có tâm trạng khác. Đôi khi chúng tôi sẽ nghe thấy âm nhạc nhẹ nhàng trong phòng vẽ và sẽ thấy bà ấy ở đó bên cây đàn piano hát những bài hát cổ xưa và u buồn với hiệu ứng vô cùng cảm động."

Các nhà nghiên cứu hiện nay cho rằng vào cuối đời Harriet Stowe đã mắc phải chứng bệnh Alzheimer's.

Nữ văn sĩ Harriet Beecher Stowe qua đời vào ngày 1 tháng 7 năm 1896, tại thành phố Hartford thuộc tiểu bang Connecticut, 17 ngày sau sinh nhật 85 của bà. Bà đã được an táng tại nghĩa trang lịch sử Phillips Academy tại thành phố Andover thuộc tiểu bang Massachusetts, bên cạnh người chồng và người con Henry Ellis của họ.

'Uncle Tom's Cabin' Với Cuộc Nội Chiến Ở Mỹ

Vào năm 1850, Quốc Hội Hoa Kỳ đã thông qua Luật Nô Lệ Chạy Trốn, cấm hỗ trợ cho những người chạy trốn và tăng cường trừng phạt ngay cả trong các tiểu bang tự do. Lúc

đó, Stowe đã dời gia đình bà tới thành phố Brunswick thuộc Maine, nơi chồng bà đang dạy tại Trường Bowdoin College. Nhà của họ gần trường hiện được bảo vệ như là Ngôi Nhà Lịch Sử Quốc Gia.

Stowe cho rằng việc nhìn thấy một người nô lệ đang hấp hối trong buổi lễ hiệp thông tại Nhà Thờ Giáo Xứ Đầu Tiên của Brunswick, đã truyền cảm hứng cho bà viết câu chuyện về ông ấy. Tuy nhiên, còn một điều khác khiến bà đồng cảm với những người nô lệ là sự mất mát người con trai 18 tháng tuổi của bà, cậu Samuel Charles Stowe. Bà sau đó đã phát biểu rằng, *"Qua kinh nghiệm mất mát người thân thiết đối với tôi, tôi có thể đồng cảm với tất cả những người nô lệ nghèo, không có thể lực tại những cuộc đấu giá bất công. Các bạn sẽ luôn luôn là Samuel Charles Stowe trong trái tim tôi."*

Vào ngày 9 tháng 3 năm 1850, Stowe đã viết cho Gamaliel Bailey, chủ bút của tuần báo chống nô lệ The National Era, rằng bà đã có kế hoạch viết một câu chuyện về vấn đề nô lệ: *"Tôi cảm thấy bây giờ đã đến lúc dù một phụ nữ hay một đứa trẻ có thể nói đến một chữ cho tự do và nhân bản thì nhất định nên nói... Tôi hy vọng mọi người phụ nữ có thể viết thì sẽ không im lặng."*

Ngay sau tháng 6 năm 1851, khi bà 40 tuổi, phần đầu tiên của tác phẩm "Uncle Tom's Cabin" của bà đã được đăng trong tờ báo The National Era. Ban đầu bà sử dụng tựa đề phụ "The Man That Was A Thing," nhưng ngay sau đó nó đã được đổi thành "Life Among the Lowly." Các phần của cuốn tiểu thuyết đã được đăng hàng tuần từ ngày 5 tháng 6 năm 1851 đến ngày 1 tháng 4 năm 1852. Stowe đã được trả \$400 cho việc đăng báo cuốn tiểu thuyết này.

"Uncle Tom's Cabin" đã được xuất bản thành sách từ ngày 20 tháng 3 năm 1852, bởi John P. Jewett với số lượng in đợt đầu 5,000 bản. Mỗi 2 tập của bộ sách gồm 3 hình minh họa và một trang bắt đầu cuốn sách ghi tên sách, tên tác giả và nhà xuất bản, và thông tin về việc xuất bản, được thiết kế bởi Hammatt Billings. Chưa đầy một năm, cuốn sách đã được bán chạy bất ngờ với 300,000 bản. Vào tháng 12, sách đã bắt đầu bán yếu lại, Jewett đã đưa ra ấn bản rẻ tiền với giá 37 xu rưỡi cho mỗi cuốn để khuyến khích người mua. Sách cũng đã được bán rất chạy tại Anh Quốc, nhưng bà Stowe đã không được gì cả vì không có thỏa thuận bản quyền vào thời đại đó.

Theo Daniel R. Lincoln, mục đích của cuốn sách là để giáo dục người miền Bắc về những điều kinh khủng hiện thực của những việc đã xảy ra tại miền Nam. Mục đích khác của cuốn sách là cố gắng làm cho người miền Nam cảm thấy đồng cảm hơn với

những người mà họ bị ép buộc làm nô lệ.

Cuốn sách miêu tả cảm xúc về ảnh hưởng của chế độ nô lệ đối với các cá nhân đã thu hút sự chú ý của cả nước. Stowe cho thấy chế độ nô lệ đã chạm đến tất cả xã hội, vượt ra ngoài những người trực tiếp tham gia với tư cách là chủ nhân, thương nhân và nô lệ. Cuốn tiểu thuyết của bà đã thêm vào cuộc tranh luận về việc bãi bỏ và nô lệ, và làm dấy lên sự chống đối ở miền Nam. Tại miền Nam, Stowe bị mô tả là mất liên lạc, kiêu ngạo và có tội vu khống.

Trong một năm, 300 trẻ em sơ sinh tại thành phố Boston được đặt tên Eva (một trong những tên của nhân vật trong cuốn tiểu thuyết), và vở kịch dựa trên cuốn sách đã được mở ra tại New York vào tháng 11. Những người miền Nam đã nhanh chóng đáp ứng với nhiều tác phẩm về điều mà hiện nay được gọi là các tiểu thuyết chống Tom, tìm kiếm chân dung xã hội và chế độ nô lệ miền Nam trong nhiều thuật ngữ tích cực. Nhiều tác phẩm là loại sách bán chạy nhất, dù không có cuốn nào nổi tiếng bằng cuốn của Stowe, đã đạt được tới số lượng ấn bản kỷ lục.

Sau khi bắt đầu cuộc Nội Chiến, Stowe đã đến Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, nơi bà đã gặp Tổng Thống Abraham Lincoln vào ngày 25 tháng 11 năm 1862. Người con gái của Stowe là Hattie, đã tường trình về việc này rằng, *"Đó là giây phút rất vui vẻ khi chúng tôi đã có mặt tại Bạch Ốc tôi quả quyết với bạn như thế... Bây giờ tôi sẽ chỉ nói rằng đó là lúc rất vui - và chúng tôi đã thực sự bùng vỡ với tiếng cười."* Điều mà TT Lincoln nói là một bí mật nhỏ. Người con trai của bà sau đó tường thuật rằng Lincoln đã chào đón bà bằng câu nói rằng, *"như thể bà là một phụ nữ bé nhỏ là người đã viết cuốn sách khởi động cuộc chiến tranh vĩ đại này."* Các tác phẩm của bà thì không nói rõ về điều này, gồm lá thư tường trình cuộc gặp mặt với phu quân của bà: *"Em đã có một cuộc hội kiến thật sự vui vẻ với Tổng Thống."*

Cuộc nội chiến Mỹ diễn ra từ năm 1861 tới 1865 đánh nhau giữa Hiệp Chúng Quốc Miền Bắc (trung thành với Liên Minh) và Hiệp Chúng Quốc Miền Nam (tách ra khỏi Liên Minh và thành lập Liên Bang). Nội chiến bắt đầu chủ yếu là kết quả của sự bất đồng kéo dài về sự nô lệ của người da đen. Cuộc chiến bùng nổ vào tháng 4 năm 1861 khi các lực lượng ly khai tấn công Fort Sumter tại South Carolina ngay sau khi Abraham Lincoln tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống Hoa Kỳ. Những người trung thành với Liên Minh tại Miền Bắc, cũng gồm một số tiểu bang Miền Tây và Miền Nam, đã tuyên bố ủng hộ Hiến Pháp. Họ đương đầu với những người ly khai của Liên Bang tại Miền Nam, là

những người hậu thuẫn quyền của các tiểu bang duy trì chế độ nô lệ.

Cuộc nội chiến đã chấm dứt vào ngày 9 tháng 4 năm 1865, khi Tướng Liên Bang Robert E. Lee đầu hàng Tướng Liên Minh Ulysses S. Grant tại Chiến Trường Appomattox Court House. Các tướng lĩnh Liên Bang khắp các tiểu bang Miền Nam đã đầu hàng theo, cuộc đầu hàng sau cùng xảy ra vào ngày 23 tháng 6. Phần lớn hạ tầng cơ sở tại Miền Nam đều bị phá hủy, đặc biệt các đường rầy xe lửa. Liên Bang sụp đổ, chế độ nô lệ bị bãi bỏ, và 4 triệu người nô lệ da đen đã được tự do.

Câu chuyện của 'Uncle Tom's Cabin'

Cuốn tiểu thuyết mở đầu với người nông dân tại Kentucky có tên Arthur Shelby đối diện với việc bị mất nông trại vì nợ nần. Dù ông và vợ, Emily Shelby tin rằng họ có mối quan hệ tử tế với những người nô lệ của họ, Shelby quyết định gây quỹ cần thiết bằng cách bán 2 người nô lệ là Uncle Tom, một người đàn ông trung niên với người vợ và đứa con, và Harry, con trai của người giúp việc Emily Shelby cho ông Haley, một thương buôn nô lệ lỗ mẫn. Emily Shelby không thích ý định này bởi vì bà đã có hứa với người giúp việc rằng đứa con của người này sẽ không bao giờ bị bán. Người con trai của bà Emily là George Shelby thù ghét phải trông thấy Tom ra đi bởi vì đứa trẻ này xem ông Tom như là bạn và thầy.

Khi Eliza tình cờ nghe Ông Bà Shelby bàn tính chuyện bán Tom và Harry, Eliza quyết định bỏ trốn cùng với đứa con trai của bà. Cuốn truyện kể rằng Eliza quyết định bởi vì bà sợ mất người con sống sót duy nhất (bà đã sẩy thai 2 đứa con). Eliza bỏ nhà vào đêm đó, để lại lời nhắn xin lỗi bà chủ của mình.

Khi Tom bị bán, Ông Haley dẫn anh ấy tới chiếc ghe đậu trên Sông Mississippi và từ đó Tom được chở tới chợ nô lệ. Trong lúc ngồi trên ghe, Tom gặp Eva, một nữ thiên thần da trắng bé nhỏ và rồi họ nhanh chóng trở thành bạn. Eva rút xuống sông và Tom lặn xuống để cứu mạng cô bé. Cảm kích Tom, cha của Eva là Augustine St. Clare mua anh ấy từ Haley và đem về nhà họ ở New Orleans. Tom và Eva bắt đầu kháng khít nhau bởi vì họ chia xẻ với nhau niềm tin Thiên Chúa Giáo sâu xa.

Quay lại chuyện bỏ trốn của bà Eliza, tiểu thuyết kể rằng bà gặp người chồng là ông George Harris, vốn đã bỏ trốn trước đó. Họ quyết định cố gắng tới Canada. Tuy nhiên, họ bị Tom Loker, kẻ chuyên đi săn nô lệ đã được Haley mướn. Cuối cùng Loker và đám người của ông đã gài bẫy bắt được Eliza và gia đình của bà, khiến cho ông George đã

bắn ông này tại chỗ. Sợ Loker có thể chết, Eliza thuyết phục George mang kẻ săn tìm nô lệ này tới khu định cư Quaker gần đó để điều trị thuốc men.

Trở lại New Orleans, tiểu thuyết nói rằng St. Clare tranh luận về chế độ nô lệ với người chị em họ miền Bắc là Ophelia là người, trong khi chống nô lệ, có thành kiến với người da đen. Tuy nhiên, St. Clare tin rằng ông ấy không thiên vị, dù ông là chủ nô lệ. Trong nỗ lực cho Ophelia thấy quan điểm của bà về người da trắng là sai, St. Clare đã mua Topsy, một nô lệ da đen trẻ, và nhờ Ophelia dạy cho cô này.

Sau khi Tom đã sống với gia đình ông St. Clare 2 năm, bệnh tình của Eva càng trầm trọng. Trước khi qua đời cô đã nhìn thấy thiên đường, mà cô chia xẻ với người chung quanh. Do cái chết và thấy của cô, các nhân vật khác quyết định thay đổi cuộc



Tay buôn nô lệ Harley đang kiểm tra một người nô lệ để đấu giá. Hình được vẽ trong lần xuất bản sớm có lẽ vào năm 1870 của cuốn "Uncle Tom's Cabin." (nguồn: www.britannica.com)

sống của họ, với việc Ophelia hứa buông bỏ thành kiến cá nhân của bà về người da đen, Topsy nói bà sẽ tốt hơn, và St. Clare cam kết sẽ trả tự do cho Tom.

Tuy nhiên, trước khi St. Clare có thể thực hiện lời hứa của mình, ông đã chết sau khi bị đâm bên ngoài một quán rượu. Vợ ông từ bỏ lời hứa của người chồng quá cố và bán Tom tại cuộc đấu giá cho một chủ đồn điền xấu ác tên là Simon Legree. Tom được đem về miền quê Louisiana với những người nô lệ mới khác gồm Emmeline là người mà Simon Legree đã mua để sử dụng làm nô lệ tình dục.

Legree bắt đầu thù ghét Tom khi Tom từ chối lệnh của Legree để khai báo bạn nô lệ. Legree đánh Tom một cách tàn nhẫn và quyết tâm đè bẹp niềm tin vào Thượng Đế của người nô lệ mới này. Mặc dù sự tàn bạo của Legree, Tom từ chối việc ngừng đọc Kinh Thánh và an ủi những nô lệ khác một cách tốt nhất có thể. Khi ở đồn điền, Tom gặp Cassy, một nô lệ khác mà Legree dùng làm nô lệ tình dục. Cassy kể câu chuyện của mình cho Tom nghe. Trước đây cô đã bị tách khỏi con trai và con gái của mình khi chúng được bán. Cô lại mang thai lần nữa nhưng đã giết chết đứa trẻ vì không thể chịu đựng được một đứa trẻ khác sẽ bị tách lìa khỏi cô.

Tới lúc này thì Tom Loker trở lại câu chuyện. Loker đã thay đổi vì được chữa lành bởi những người ở khu định cư Quakers. George, Eliza, và Harry cũng đã được tự do khi Tom Loker giúp họ vượt biên vào Canada từ ngã Hồ Erie. Tại Louisiana, Chủ Tom gần như không chịu nổi sự tuyệt vọng khi niềm tin vào Thượng Đế được thử thách bởi những khó khăn của đồn điền. Tuy nhiên, ông có hai lần nhìn thấy, một của Chúa Giêsu và một của Eva, điều này làm mới quyết tâm của ông vẫn là một tín đồ Thiên Chúa Giáo trung thành, thậm chí cho đến chết. Ông khuyến khích Cassy bỏ trốn, điều mà cô này làm, mang Emmeline đi cùng. Khi Tom từ chối khai với Legree nơi Cassy và Emmeline đã đi, Legree ra lệnh cho các giám thị của mình giết Tom. Khi Tom sắp chết, ông tha thứ cho những người giám thị đã đánh đập ông dã man. Khiêm tốn trước tính cách của người đàn ông họ đã giết, cả hai người đều trở thành tín đồ Thiên Chúa Giáo. Rất lâu trước cái chết của Tom, George Shelby (con trai của Arthur Shelby) đến để mua sự tự do của Tom nhưng nhận thấy anh đã quá muộn.

Đoạn cuối của cuốn tiểu thuyết kể rằng trên chuyến đi thuyền đến tự do, Cassy và Emmeline gặp chị gái Madame de Thoux của George Harris và cùng bà đến Canada. Madame de Thoux và George Harris bị tách ra từ thời thơ ấu. Cassy phát hiện ra rằng Eliza là cô con gái đã mất từ lâu của bà vì bị bán đi khi còn nhỏ. Bây giờ gia đình họ lại ở đoàn tụ

một lần nữa, họ đi du lịch đến Pháp và cuối cùng là Liberia, quốc gia Châu Phi được tạo ra cho những người nô lệ Mỹ trước đây. George Shelby trở về trang trại Kentucky, nơi sau cái chết của cha anh, anh giải phóng tất cả nô lệ của mình. George Shelby kêu gọi họ nhớ về sự hy sinh của Tom mỗi khi họ nhìn vào túp lều của ông. Ông quyết định sống một cuộc sống của tín đồ Thiên Chúa Giáo ngoan đạo giống như chú Tom đã làm.

'Túp Lều Chú Tom' đang cháy

Đến nay đã 169 năm kể từ ngày cuốn tiểu thuyết "Túp Lều Chú Tom" được phổ biến và 155 năm kể từ ngày chấm dứt Cuộc Nội Chiến tại Mỹ. Nhưng ngọn lửa hận thù và kỳ thị chủng tộc vẫn còn âm ỉ và trong mấy ngày qua đã bùng cháy trở lại.

Điều lạ là, những tổ phụ của nước Mỹ khi viết Tuyên Ngôn Độc Lập và Hiến Pháp đều tuyên dương và bảo vệ quyền bình đẳng của mọi người, mọi công dân. Nhưng nước Mỹ cũng là nơi có cuộc nội chiến bi thảm nhất vì sự kỳ thị chủng tộc đối với người da đen. Trải qua nhiều thời kỳ lịch sử của nước Mỹ, đã có nhiều nỗ lực lớn lao để hàn gắn vết thương chia rẽ và hận thù vì chủng tộc, như Tuyên Ngôn Giải Phóng Nô Lệ của Tổng Thống Abraham Lincoln vào năm 1863, như tinh thần bất bạo động của Mục Sư Martin Luther King Jr. trong cố gắng thức tỉnh lương tri người Mỹ trước thảm họa kỳ thị chủng tộc vào thập niên 1960s. Dù tình trạng kỳ thị chủng tộc có khi lắng xuống nhưng vẫn không bao giờ hoàn toàn lịm tắt, chỉ cần một cơ hội hay một sự kiện nào đó là bùng phát trở lại dữ dội, như mấy ngày qua.

Có lẽ nói như Đạo Phật rằng khi tâm chưa bình thì thế giới chưa an. Đúng vậy, khi mầm mống của hận thù và phân biệt giai cấp còn trong tâm thì con người sẽ không bao giờ cư xử với nhau bình đẳng và hòa bình thật sự. Nhưng nhận ra được điều đó đã không phải là dễ, làm được điều đó còn khó khăn hơn.



SÁNG TRÊN ĐỜI

Song thưa lùa gió thơm vào
Có đàn chim lạ đến chào ánh dương
Ngát ngậy chùm trái đang hườm
Thản nhiên nhìn xuống bản mường ngủ say
Đêm thanh nằm mộng giấc đầy
Sáng ra tôi gặp những ngày rất thơ
Cỏ lau mùa trước rụng giữa
Ước mơ tôi lại bây giờ thêm xanh.

NHÃN

Đời sau người có thương ta
Từ lâu xuống lỗ làm ma mất rồi
Đường xa thôi miễn bồi hồi
Mả hoang nhảy đại lên ngôi đi cha.

MANG MANG

Mang mang trời đất tôi đi
Rừng im suối lạnh thiếu gì tịch liêu
Tôi về vắng cả buổi chiều
Nghe chim ăn trái rụng đều như kinh
Còn một mình hỏi một mình
Có chăng hôn với dáng hình là hai
Từng trưa nằm nghĩ đất dài
Phiêu phiêu nhẹ cái hình hài bay lên
Mù sương âm vọng tiếng huyền
Có con dơi lạ bay trên cõi đời
Sau xưa mắt đã ngợp rồi
Tôi nghe tôi chết giữa trời thình không.

KHÔNG ĐỀ

Kiếp trước ta là du đãng
Kiếp này ta đi lãng vãng
Bên cầu tử sinh lỗ tai nghênh ngang.



thơ NGUYỄN ĐỨC SƠN

Về thôi

TN. DIỆU PHÚC

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

*"Cội nguồn ơi...!!!
Chiếc lá lại quay về."*

Anh đã từng là chú tiểu ở chùa. Một chú tiểu quét lá đa thật sự, lá khô rụng trong vườn chùa nhiều vô số quét gom đồng lại để ông Hộ đun nước. Vì chùa ở thôn quê nên lúc nào cũng phảng phất mùi hương lúa, mùi rơm rạ và cả mùi phân bò.

Thầy của anh đã viết một câu của Tổ Bách Trượng treo ngay nhà trù (trừ những ai không ăn cơm thì không đọc): *"Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực"* (Một ngày không làm là một ngày không ăn). Từng hạt lúa, ngọn rau, khoai, bắp... đều có trong vườn chùa. Anh nhớ đến những lu tương ông Hộ làm rất ngon, Thầy đánh số thứ tự trên những lu tương ấy bằng vôi trắng.

Những ngày rằm, mồng

một ngoài xóm thường mang bát đến xin tương chùa.

Bốn sư anh rất nghiêm và mầu mực nhưng thương chúng điều như con. Có những chú tiểu không có cha như anh sẽ cảm nhận một tình cha ấm áp từ Thầy. Tâm từ của Thầy như hoa bưởi, hoa chanh lan tỏa từ trong vườn chùa ra thôn xóm, ai cũng nhận nơi Thầy nụ cười độ lượng và sự giúp đỡ sẽ chia những gì Thầy có thể. Đặc biệt nhất là Thầy giỏi kinh văn chữ Hán với nét chữ tài hoa. Anh thừa hưởng một chút tài hoa của Thầy truyền dạy là viết chữ Hán khá đẹp, từ ngọn bút lông mềm mại chấm mực xạ khiến anh mê vẽ lúc nào không hay. Tuổi mới lớn, theo bạn bè anh mê cả văn, thơ, nhạc. Thầy vẫn thường nhắc chừng: "Đức Phật dạy người xuất gia lấy việc giải

thoát sanh tử là chính mà con lại đam mê nhiều thứ quá, rồi đời con sẽ khổ... lo tu học đi con."

Mẹ ngạc nhiên khi thấy con trai về với dáng vẻ phờ phạc. Anh cho mẹ biết lý do tại sao anh trốn Thầy đi.

Mẹ giận quá, quát cho anh một trận rồi vút cây roi xuống đất quay mặt vào vách mà khóc. Anh đứng nhìn đôi vai rung lên từng chập khá lâu, cuối cùng tới ôm vai mẹ: "Con xin lỗi, mẹ cho con ở lại nhà một bữa thôi. Ngày mai con sẽ trở về chùa, con hứa với mẹ sẽ tu tập đàng hoàng. Xin mẹ đừng buồn con". Mẹ ghen ngào ôm anh vào lòng, vừa cười vừa đưa tay quạt nước mắt, những giọt nước mắt vừa mặn vừa ngọt kịp thấm vào môi anh - cả hai mẹ con cười xòa.

Mẹ đích thân dẫn anh đến chùa xin sám hối Thầy. Vẫn là nét diêm đạm cổ hữu, Thầy từ tốn: "Con có biết tội bất hiếu là tội nặng nhất không? Sao con cứ ham chơi để mẹ con phải đau khổ nhọc nhằn?" Thấy mẹ chú vẫn quý, Thầy ôn tồn: "Thôi đạo hữu về đi, để Thầy sẽ trị phạt chú."

Rồi những cám dỗ ma mị lại kéo anh đi. Lần này thì anh đi thật, mặc cho lời dạy của Thầy và khuyên can của huynh đệ. Anh khế đặt chiếc y Sa di trên tấm phản chỗ Thầy ngồi, cúi đầu lạy Thầy ra đi. Lúc đó anh không dám ngẩng mặt nhìn, anh sợ mình không đủ can đảm dứt khoát với ánh nhìn sâu thẳm, với hơi ân giáo dưỡng Thầy đã dành cho anh mười mấy năm trời. Anh cũng không dám về gặp mẹ.

Và anh trở thành kẻ lãng du từ đó.

Biết bao sự kiện dồn dập cuốn trôi đời anh càng xa bờ bến cũ. Nổi đau đầu tiên là người con gái anh yêu bỏ đi lấy chồng. Nhớ hôm đám cưới cô ấy, anh đã lại cầm cây đàn guitar lên Thầy mua



năm nào để hát bài "Tôi đưa em sang sông".

Các bạn anh la lên: "Ê mày, đám cưới là ngày Song Hỷ mà hát gì buồn vậy? Mày tụng một bài kinh siêu độ luôn cho rồi". Anh mỉm cười hát tiếp: "*Nếu xưa trời không mưa...*"

Thế mà ngày mẹ mất anh không kịp về thọ tang. Anh bây giờ đã có một mái ấm gia đình, đã có một chút hư danh với đời. Để có được như vậy, anh trải nghiệm biết bao thăng trầm vinh nhục, hạnh phúc phù du, khổ đau chông chênh... Anh đánh đổi với giá khá đắt khi lìa xa mái chùa và xa người mẹ kính yêu.

"Nhớ lại đòn roi, lại nhớ người

Chợ đời trăm cảnh có gì vui

Thế nhân quất làn roi cay nghiệt

Đâu có roi mềm như Mẹ tôi

*Phải chi lại có lẫn roi Mẹ
Roi đời không quất đến tả tơi*

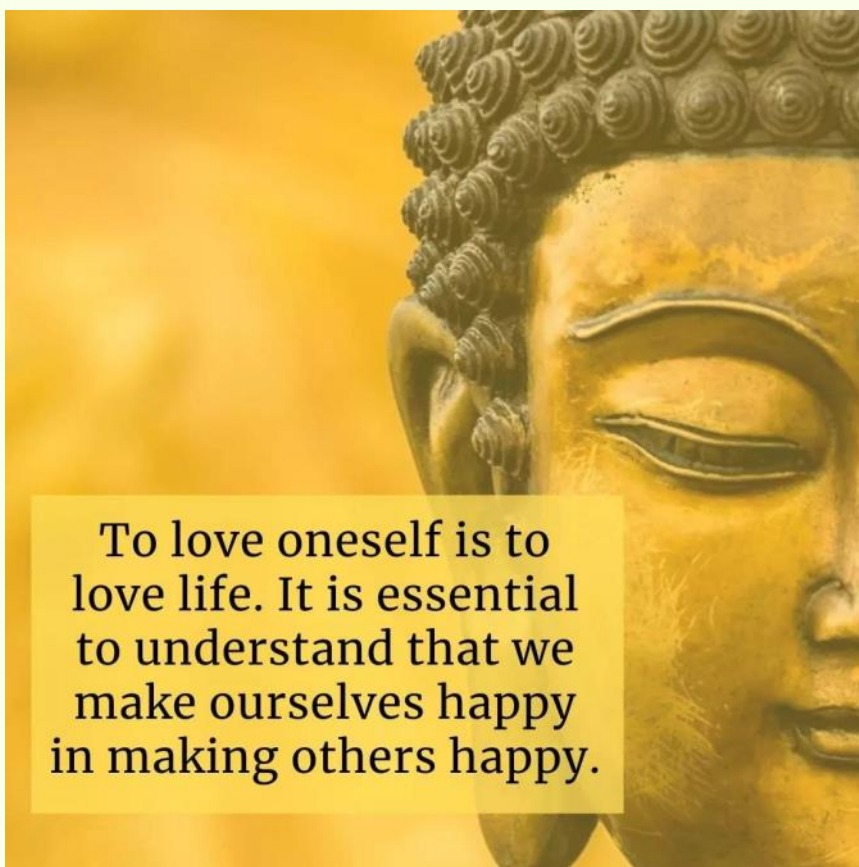
Thềm Mẹ, thềm cây roi thơ ấu

Roi vẫn còn đây, Mẹ vắng rồi" ()*

Nhìn quạt gió chậm chậm quay, quay mãi không ngừng - giống cuộc đời anh hay của cả kiếp người trong vòng luân hồi vô thi vô chung. Ngồi lặng lẽ trên con sông quê, nhìn đám trẻ nô đùa, cát xối mịn ôm lấy những bàn chân bé con khi chúng chạy theo cánh diều nô gió, lồng với tiếng cười trong vắt hồn nhiên, anh lại nhớ về những cánh diều bằng giấy đầy chữ học trò, anh cùng các chú tiểu trong chùa chạy trên bờ ruộng chân lấm đầy sình. Cánh diều của anh đã đứt dây và bay mãi, bay mãi như tuổi thơ anh. Anh thoáng giật mình khi tiếng thảng nhóc vang lên:

- Chú ơi, bộ chú ở xa mới tới hả?

- Ừ, hồi trước nhà chú ở



To love oneself is to love life. It is essential to understand that we make ourselves happy in making others happy.

đây. Mẹ chú cũng từng gánh nước trên bến sông này.

Anh đứng tần ngần ngay ngưỡng cửa tam quan bằng gỗ, nhìn lại mái chùa xưa. Giếng nước ngọt trong vắt ngày nào, bây giờ rêu xanh phủ dày, có mấy bụi bạc hà mọc lưa thưa xung quanh thềm giếng. Anh thảng thốt khẽ gọi: "Thầy ơi!"

Lá rụng đầy sân. Dẫu bước nhẹ anh vẫn nghe âm thanh xào xạc, khô khốc.

Mấy chú tiểu khúc khích cười lấp ló sau ngạch cửa Thiên thất. Bỗng một chú đưa tay lên môi: "Suyt!" Có tiếng nói nghẹn nghẹn trầm đục: "Bạch Thầy, con có tội rất nhiều. Tội phản Thầy, bất hiếu với cha mẹ. Nếu như..." Vị Sư già đưa bàn tay gầy đặt lên đầu của người đàn ông cao lớn có mái tóc bông đang quỳ dưới chân người: "Cũng là "nếu như," với bây giờ thì có nghĩa gì? Nghiệp chướng con tạo, con

hãy tự sám hối với đức Phật, với lòng mình. Con trở về là Thầy mừng rồi. Thôi, đứng dậy đi ăn cơm đi."

Mấy chú tiểu chạy ra sân hí hửng: "Thì ra ông này ngày trước cũng làm chú tiểu giống như tui mình, vui quá hén! Một chú cất cao giọng: "*Tôi yêu chú tiểu ngây thơ áo màu lam chú mặc ở chùa, chén cơm dưa muối tương rau nhưng tâm lòng các chú thanh cao.*" Cả nhóm cùng hát vang: "*Mong sao chú tiểu an vui bên mái chùa ngày đêm tịnh tấn, để đem tiếng mõ câu kinh, trải tâm từ cầu an cho đời.*"

Anh xuống nhà trù, dòng chữ Thầy viết vẫn còn trên khung giấy ố vàng như tóc Thầy giờ bạc trắng.

Cảm xúc thương Thầy tràn ngập tâm anh. Và anh rất vui vì được TRỞ VỀ.

(*) Thơ Trần Kiều Bạc

THÀNH KÍNH CẢM TẠ SAU TANG LỄ NỮ SĨ TÂM TẤN

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Hòa thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni
Kính thưa quý đạo hữu, thân hữu, văn thi hữu, trong và ngoài nước,
Thân mẫu của chúng con/chúng tôi, là bà quả phụ Nguyễn Phước Bửu Đáo, nữ
danh Nguyễn Thị Nuôi, pháp danh Tâm Tấn, bút hiệu Trinh Tiên, đã mãn phần, thượng
thọ bách tuế vào ngày 13 tháng 7 năm 2020 (nhằm ngày 23 tháng 5 năm Canh Tý).

Tang lễ của thân mẫu chúng con/chúng tôi đã được cáo phó và tổ chức tại gia đường
từ ngày 14 đến 17 tháng 7 năm 2020 với sự quang lâm chứng minh, tụng kinh, hộ niệm
của chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni thành phố Nha Trang và các vùng
phụ cận.

Tại Tu viện Vạn Hạnh, Canberra, Úc Đại Lợi, lễ cầu siêu và phát tang đã được Hòa
thượng Thích Quảng Ba và chư Tăng Ni chứng minh, thiết lễ cho con gái là Công Huyền
Tôn Nữ Quy Hồng và cháu ngoại Nguyễn Phước Nghi Dung vào ngày 17 tháng 7 năm
2020.

Tại Hoa Kỳ, lễ cầu siêu và phát tang tại Tu viện Pháp Vương, Escondido, Californi-
a, cũng được Hòa thượng Thích Nguyên Siêu và Thượng tọa Thích Tâm Tường chủ trì,
tụng niệm và phát tang cho con gái là Công Huyền Tôn Nữ Hương Diễm, con trai Vĩnh
Hảo, con dâu Lê Thị Chiêu Hà, con trai Vĩnh Thanh Bình, cháu ngoại Trần Đình Diễm
Ngọc, và cháu nội Nguyễn Phước Bảo Tạng vào ngày 18 tháng 7 năm 2020.

Trong thời gian đau buồn vì sự ra đi của thân mẫu, chúng con/chúng tôi đã nhận
được sự huân thị, tụng kinh cầu nguyện, hộ niệm, chia buồn, phúng điệu của chư tôn đức
Tăng Ni, thân quyến, bằng hữu và đạo hữu trong nước ngoài nước, trực tiếp quang lâm
hoặc gián tiếp gọi điện thoại, gửi điện thư phân ưu. Sự ân cần thương tưởng của quý ngài
và chư liệt vị đã xoa dịu nỗi đau mất mát của chúng con/chúng tôi trong suốt thời kỳ thọ
nhận đại tang này, và sẽ là niềm tri ân ghi khắc mãi trong lòng đến mai sau.

Cảm niệm ân đức của chư tôn Thiên đức, toàn thể gia đình nội ngoại, con cháu
chúng con/chúng tôi xin thành kính đánh lễ tri ân:

Tại Hoa Kỳ và Canada: Ht. Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo
Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ; Ht. Thích Tín Nghĩa, Chủ tịch
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK; Ht. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ tịch Nội vụ
HĐĐH; Ht. Thích Đồng Tuyên, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo Dục; Ht. Thích Nguyên
Siêu, Tổng Thư Ký HĐĐH; Ht. Thích Tâm Hạnh, Viện chủ Tu viện Đạo Tâm, Riverside;
Ht. Thích Minh Dung, Tổng vụ trưởng TV Văn Hóa; Ht. Thích Nhựt Huệ, Tổng vụ
trưởng TV Tăng Sự; Thượng tọa Thích Tâm Hòa, Tổng vụ trưởng TV Hoàng Pháp
GHPGVNTNHN Canada; Tt. Thích Tâm Tường, Tổng vụ Phó TV Tăng Sự; Tt. Thích
Nguyên Lạc, Chủ tịch Hội Đồng Giám Sát GHPGVNTNHN Canada; Tt. Thích Nhật Trí,
Tổng vụ trưởng TV Nghi Lễ GHPGVNTNHNK; Tt. Thích Nhật Quán, Tổng vụ trưởng TV
Văn Hóa GHPGVNTNHN Canada; Tt. Thích Chúc Hiền, Tu viện An Lạc, Calif.; Đại đức
Thích Quảng Hiếu, Chùa Bát Nhã Calif.; Sư Bà Thích Nữ Giới Châu, Tổng vụ trưởng TV
Ni Bộ; Sư Bà Thích Nữ Chân Đạo, Viện chủ Chùa Thiên Quang, Calif.; Ni sư Thích Diệu
Tánh, Tổng Thủ quỹ HĐĐH; Ni sư Thích Nữ Nguyên Thiện, Tổng vụ trưởng TV Từ
Thiện Xã Hội; Ni sư Thích Nữ Hạnh Thanh, trụ trì Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại, Dallas;
Ni sư Thích Nữ Huệ Chiêu, Chùa Bát Nhã, Calif.; Ni sư Thích Nữ Giới Định, Chùa Bát
Nhã Calif.; Ni sư Thích Nữ Huệ Thảo, Chùa Ưu Đàm, Las Vegas; Sư cô Thích Nữ Hằng
Nhu, Calif.; Sư cô Thích Nữ Huệ Trân, Calif.; Sư cô Thích Nữ Tuệ Như, Chùa Thiên
Quang, Calif.; và chư Tăng Ni, Phật tử cầu siêu hộ niệm tại các đạo tràng.

Tại Úc châu và Á châu: Ht. Thích Quảng Ba, Phó Hội Chủ Điều Hành HĐĐH Giáo Hội PGVN Thống Nhất Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan, Viện chủ Tu viện Vạn Hạnh; Tt. Thích Tâm Phương, Tổng vụ trưởng TV Từ Thiện Xã hội, Viện chủ Tu viện Quảng Đức Úc châu; Tt. Thích Thiện Hiền, Tổng vụ trưởng TV Nghi Lễ; Tt. Thích Nguyên Tạng, Tổng Thư Ký HĐĐH; Tt. Thích Giác Tín, trụ trì Chùa Giác Hoàng, Úc; Tt. Thích Nhuận Phổ và Đại đức Thích Đức Trí, Chùa Đại Nam, Nhật Bản; và chư Tăng Ni, Phật tử tụng kinh hộ niệm tại các đạo tràng.

Tại Âu châu: Ht. Thích Quảng Hiền, Tổng vụ trưởng TV Hoàng Pháp, GHPGVNTN Âu châu, trụ trì Chùa Trí Thủ (Thụy Sĩ); Tt. Thích Thông Trí, Tổng vụ trưởng TV Thanh Niên, Chùa Vạn Hạnh, Hòa Lan; Tt. Thích Nguyên Lộc, Viện chủ Chùa Vạn Hạnh, Nante, Pháp quốc; Ni sư Thích Quảng Trạm, trụ trì Chùa Khánh Anh, Bagneux, Pháp.

Chúng con/chúng tôi cũng xin bày tỏ nơi đây lòng tri ân đối với các hội đoàn, cơ quan truyền thông báo chí và trang mạng toàn cầu, cùng chư vị thiện hữu tri thức, đạo hữu, văn thi hữu: Ban Chủ Trương Nguyệt san Chánh Pháp; Hội Thân Hữu Già Lam; Tổng Hội Cư Sĩ PGVN tại Hoa Kỳ; Ban Hướng Dẫn GDPTVN tại Hoa Kỳ; Ban Biên Tập Sen Trắng GDPTVN; các trang mạng Quảng Đức (Úc Châu), Hoa Vô Ưu (Hoa Kỳ), Pháp Vân (Canada), Thư Viện Hoa Sen (Hoa Kỳ), Lotus Media Inc., Tinh Tấn (Hoa Kỳ); các nhật báo Viễn Đông, Việt Báo, Đài phát thanh Hương Sen (Hoa Kỳ), Ban Biên Tập Báo Giác Ngộ Online; quý pháp hữu Quảng Thành BND, Quảng Phước HTL, Tâm Huy HKQ, Như Hùng, Nguyễn Thế, Không Hải, Thị Giới; quý văn thi hữu: nhà văn Nhã Ca, nhà văn Nguyễn Vy Khanh, nhạc sĩ Đặng Kinh, nhà thơ Luân Hoán, nhà văn Đào Văn Bình, nhà văn Trần Việt Long, nhà văn Trần Trung Đạo, nhà thơ Bắc Phong, nhà văn Hoàng Mai Đạt, nhà thơ Nguyễn Thị Minh Thủy, nhà thơ Nguyễn Thị Khánh Minh, nhà thơ Lê Giang Trần, nhà thơ Nguyễn Man Nhiên, nhà thơ Trần Yên Hòa, nhà thơ Tâm Nhiên, nhà thơ Nguyễn Tiến Quỳnh Giao, nhà thơ Trịnh Gia Mỹ, nhà thơ Chim Hải, nhà thơ Diêu Linh, nhà thơ Hoa Cỏ, nhà văn Uyên Nguyên, nhà thơ Bạch Xuân Phê, nhà thơ Pháp Hoan, nhà thơ Tiểu Lục Thần Phong, nhà thơ Mỹ Huyền; quý nhà báo Nguyễn Thanh Huy, Phan Trung Kiên...; quý huynh trưởng Gia Đình Phật Tử: Phan Duy Chiêm, Vương Thúy Nga, Tôn Nữ Dung Kiều, Hồng Diệp, Lê Quang Dật, Nguyễn Quốc Hưng, Đoàn Tâm Thuận, Nguyễn Văn Hà, Trần Mai Thy, Nguyễn Sung, Phạm Thanh-Trúc, Nguyễn Mùi, Nguyễn Dzũng, Quảng Pháp; quý thân hữu Phước Kim & Diệu Ngọc, Diệu Tịnh, Hoàng Văn Chương, Hoàng Văn Minh, Nguyễn Phú Hùng, Nguyễn Huy Sỹ, Trần Quý Hùng, Tô Xuân Thế, Huỳnh Phước, Viên Minh & Minh Hậu (Sakya Care Foundation), Diệu Yên Nguyễn Kim Oanh, Diệu Nguyệt, Đức Diệu Tường, Nguyễn T. Hằng, Đoàn Ngọc Đa, Toàn Tâm Từ Nguyễn Ngọc Quý, Trần Kim Anh, Lê Thị Chiêu Hoàng; v.v... cùng rất nhiều bằng hữu, đạo hữu đã cầu nguyện, gửi vòng hoa, phúng điệu, chia buồn bằng điện thoại, điện thư, tin nhắn, không sao ghi lại hết nơi đây.

Trong lúc tang gia bối rối, chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót trong việc tổ chức, tiếp đón, trả lời điện thoại, điện thư; vậy xin một lần nữa, thay mặt toàn thể tang quyến, chúng con/chúng tôi thành kính tri ân và rất mong nhận được sự cảm thông, lượng thứ của chư tôn Thiên đức Tăng Ni cùng quý liệt vị.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ tát Ma ha tát.

Tang gia đồng cảm tạ:

Con gái, con trai, con rể, con dâu: *Công Huyền Tôn Nữ Nha Trang & Larry Pensinger (rể) / Công Huyền Tôn Nữ Hương Diễm & Trần Đình Hoàng (rể) / Vĩnh Chu / Công Huyền Tôn Nữ Quy Hồng / Công Huyền Tôn Nữ Bạch Liên / Phan Thị Ngọc Anh (dâu) / Vĩnh Hậu & Nguyễn Thị Bạch Tuyết (dâu) / Công Huyền Tôn Nữ Hạnh Thuận / Vĩnh Hiếu & Lê Ngọc Lam (dâu) / Vĩnh Hảo & Lê Thị Chiêu Hà (dâu) / Vĩnh Hữu & Nguyễn Thị Hồng Phương (dâu) / Công Huyền Tôn Nữ Thanh Yên / Công Huyền Tôn Nữ Chương Khuê & Trần Đình Hải (rể) / Vĩnh Thanh Bình & Nguyễn Thị*

SUỐI NGUỒN

*Từ Tâm Minh khởi uơm mầm tuệ đức
Nguồn Hương Giang, Thiên Mục, núi Thiên Thai
Nửa trăm năm dây thân ái nối dài
Bao thế hệ trẻ truyền tâm hướng thiện.*

*Người bước trước phát cờ Lam đại nguyện
Người đi sau Sen Tám Cánh siêu hương
Anh chị tiền phong Kim Cúc, Đình Cường
Người cư sĩ đầu đàn gương dẫn dắt*

*Gió đất thần kinh bung ngàn hương sắc
Mây phương trời oanh vũ rộn mầm xanh
Biển núi Nha Trang hưởng ứng diêm lành
Lớp trai tráng quyết luyện rèn tâm đức
Hàng nữ lưu thêm dịu dàng hiền thực:
Đạo vào tâm nếp sống đẹp hoà ca.*

*Năm mươi năm nào chỉ có thặng hoa
Mà gai góc dẫm chân đau mỗi bước
Có máu lệ bởi hung tàn bạo ngược
- Khi lửa thiêng bùng dậy nóng năm châu !*

*Vai kề vai vẫn khuyến nhủ cho nhau
Vòng tay nối tín tâm vào Đạo lực.
Bậc tiền bối đã mở đường trí đức
Hàng con, em giữ vững bước thiện chân:
Bồi búp sen non hương tỏa tinh thần.
“Dây thân ái” nối thêm vòng thế hệ.
“Trăm hương đốt” tán ca lời mỹ lệ
“Ngát mùi hương” ấn diệu lý thâm uyên
Sen ngát trong hồ, hay hực lửa vô minh
Ấn Điều Ngự suối nguồn tươm Phật sử.*

*Tiếp tiếp hành trang “Gia đình Phật tử”
Nửa trăm năm xin đẹp mãi ngàn năm
Nhu cội cành xanh hút ánh trăng rằm
Nhu hoa nở trong vườn thiên cô tự -
Nguyễn luân kiếp báo thâm ân Từ Phụ.*

thơ TÂM TÂN

(Thân mến tặng GDPT Thừa Thiên và Khánh Hoà
Kỷ niệm 60 năm ngày thành lập GD Phật Hóa Phổ
Và 50 năm GDPT Nha Trang- Khánh Hoà)



VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC CHỊ

*Vô tình được đọc bài thơ
CÙNG muôn tình tự mộng mơ đầu đời
THƯƠNG thương mấy chữ Hương Giang
TIẾC thay Chị đã rời xa dương trần
CHỊ ơi em nhớ rõ ràng
TÂM đẹp, tâm sáng là trang điểm mình
TÂN tinh chất liệu anh mình
Hành trang cần thiết Gia Đình thêm đông.*

Kính bái biệt Chị, hẹn gặp lại Chị và các
Anh Chị tiền bối kính yêu bên kia thế giới.

thơ TÂM MINH
VƯƠNG THÚY NGÀ

Hoa của người hàng xóm

LAM KHÊ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Người láng giềng mang về chậu hoa hồng tiểu muội đặt bên ngoài lan can, cạnh hai chậu hoa nhỏ có lá màu tím hình cánh bướm mà đám trẻ gọi là hoa bướm. Hoa bướm cao lêu nghêu cứ đung đưa mấy sợi tơ trời ngả nghiêng theo chiều gió.

Người láng giềng và tôi sống cùng trên một tầng gác có vách ngăn đôi. Suốt hai năm lên xuống chung một cầu thang, một lối đi nhỏ phía ngoài, nhưng bất đắc dĩ lắm mới phải mở miệng nói với nhau vài câu, còn thì đường ai nấy bước, phòng ai nấy về. Và lẽ tất nhiên chưa bao giờ chúng tôi tặng cho nhau một nụ cười để gọi là giữ tình thân hảo xóm giềng sớm hôm chung ngõ...

Người hàng xóm của tôi thuộc loại người... bất khả thuyết. Từ bà tổ trưởng tổ dân phố, cho đến đứa bé mới bập bẹ biết nói... hễ nghe đến tên cô là phát hoảng. Người ta sợ không phải vì cô có uy quyền thế lực... mà bởi cái bản chất sân si dữ dằn hay chửi bới người hết sức tùy tiện vô cớ. Công việc của cô là giữ chìa khóa mở đóng cổng cho cả khu nhà tập thể. Những ai đi sớm về khuya hay có chuyện ra ngoài trái giờ quy định đều bị cô nổi xung thiên mắng mỏ bằng đủ loại ngôn từ khó nghe. Dù không thoải mái nhưng ai nấy cũng ráng chiều lòng cô cho yên việc lẫn yên chuyện.

Có người tỏ ý thương hại. Có người xuề xòa cho rằng cô không được bình thường nên không thèm chấp. Tôi thì giữ thái độ mặc nhiên không cười không nói và tránh đi lại những giờ khắc trái thời để khỏi mang phiền lụy vào thân. Thấy mọi người sợ hãi kiêng nể mình quá, cô đâm ra lấn lối để tỏ rõ ta đây là người có quyền uy tối thượng...

Chậu hoa nằm chếch ngang cửa phòng tôi. Mỗi sáng mở cửa, nhìn mấy bông hoa đỏ thắm tươi xinh, tôi chợt nhớ lâu rồi mình không còn cái hứng thú được ngắm hoa. Trước kia, khi mấy dãy nhà cao tầng chưa xây lên, xung quanh chỗ tôi ở cũng có nhiều cây

xanh bóng mát. Trên các ngõ qua lại các dây hành lang, trên bậu cửa, sân thượng... nơi đâu cũng hiện diện vài ba chậu lan, xương rồng, hoa sứ... Người ta còn trồng cả nhựa đam, cải rổ... Mỗi cây mỗi sắc, góp thành một chuỗi hương hoa làm mát dịu suốt những ngày hè oi ả. Nhưng rồi, khi phong trào nhà cao tầng rầm rộ phát triển, thì mọi khoảng xanh còn lại của bầu trời bị chiếm đoạt che chắn gần hết. Hoa không còn. Mấy cây mận cây tùng phủ lá trước ngõ chùa cũng biến đâu mất. Lâu dần, tôi quen dần với sự việc ngắm nhìn mấy bức tường cao ngất ngưỡng để ước lượng giá trị cho mỗi công trình mang tầm vóc thời đại.

Buổi sáng tôi thường ra góc hành lang sưởi nắng, thấy cô tỉ mỉ bên chậu hoa thì buột miệng khen hoa đẹp. Cô ngược lên, thoáng nhìn tôi... rồi cúp mắt xuống cười nụ. Tôi cũng cười, lòng tự nhủ: Nếu hằng ngày cứ cứ tươi cười với mọi người như thế thay vì chửi bới thì cuộc sống đời người có ý vị biết bao. Nhưng mà biết đâu chừng... cô đang nắm giữ một sứ mạng mà người ta thường nói là thử thách lòng chịu đựng của tha nhân. Cả khu nhà tập thể gần như cùng hành trì theo pháp môn nhân nhục. Nhẫn mãi rồi thành quen. Đã quen nên khi nghe những lời cô chửi mắng chẳng khác gì nghe một giai





điều lạ lẫm êm tai. Kể ra như vậy cũng tránh được những lời qua tiếng lại không đáng.

Từ khi có thêm chậu hoa, người hàng xóm cũng có đôi chút tư duy thay đổi. Sáng chiều cô ra tưới hoa, ngồi ngắm soi vạch lá tìm sâu, có khi ngoảnh cổ nghiêng đầu ngắm nghĩa mấy bông hoa bé xíu ra chiều thích ý. Người yêu hoa. Hoa tác động lòng người, nên cái dáng vẻ khắt khe khó chịu thường ngày của cô chùng như giảm bớt. Mà cái kiểu chăm hoa của cô thật khác người... cứ y như bà mẹ chăm sóc cho đứa trẻ sơ sinh. Cô nâng niu cành hoa nhỏ bé bằng đôi tay dịu dàng, bằng ánh mắt chứa chan niềm xúc cảm và bằng cả tấm lòng quý yêu trân trọng.

*"Cành hoa là tứ đại
Mà tỏa hương tinh thần.
Mắt em là tứ đại
Mà rạng ngời yêu
thương..."*

Dưới ánh nắng mai, tho-

ang thoảng một làn hương dịu nhẹ. Làn hương tinh thần. Mặt người dưới hoa thì rạng ngời như soi cả hồn hoa vào tận đáy lòng. Ý thơ và cảnh tượng ảnh hiện một điều rất thật. Cái thật và cái đẹp mong manh của bông hoa, phần nào phản ánh tính cách bất thường của người hàng xóm. Lát nữa đây khi rời khỏi mấy chậu hoa yêu quý của mình, cô sẽ trở về với bản chất hung hăng cố hữu. Hình ảnh đẹp mà tôi và mọi người chúng kiến rồi sẽ tan biến như chưa từng hiện hữu. Ôi! Tội nghiệp cho những bông hoa bé nhỏ. Sắc hương là vậy mà vẫn chưa thể lay chuyển được lòng người trong nẻo u minh.

Chơi hoa cũng là cách để chuyển tải ý đạo. Người xưa đã nói và sống như thế. Người hàng xóm của tôi chắc là không có khái niệm gì về hoa đạo. Và những người đến với cô cũng chỉ

mong muốn tạo chút hòa khí yên bình trong khu phố. Cảnh vật và tình người thấm về lung linh như một bức tranh siêu thực. Nhìn thấy cô cắm cúi bên chậu hoa, ai đi ngang qua cũng dừng lại trò chuyện hỏi han đôi câu. Có người còn nhiệt tình chỉ vẽ cô điều này điều nọ. Có người mang cho cô cả một lọ đĩa nhạc và băng giảng pháp để cô thưởng thức lúc rỗi rảnh... Dưới mắt mọi người, cô không còn là một hung thần nóng nảy phải tránh xa, mà là một con người cần an ủi giúp đỡ. Ai cũng muốn làm thiện tri thức của cô. Ai cũng thích nói với cô vài lời để giúp cô bớt đi cái vẻ khắt khở tẻ nhạt. Cô đón nhận sự tử tế của mọi người cũng tự nhiên như hoa cỏ mùa xuân đón nhận trận mưa rào phủ xanh êm ả.

Tôi tự xét mình cũng có phần khắt khe cố chấp. Lâu nay tôi luôn cho cô là hạng người không đồng điệu nên chẳng muốn giao tiếp, dù chỉ một nụ cười xã giao chiếu lệ. Người trong khu phố hơn hẳn tôi về điểm này. Từ khi có chậu hoa, tâm hồn tôi cũng rung cảm theo làn hương tinh lặng nên thâm tri ân sự hiện diện của hoa và người chơi hoa. Những lúc vắng tiếng la lối của người hàng xóm, cảm giác bình yên làm sống dậy bao nguồn cảm hứng miên man. Chỉ cần một giây phút bình yên như thế thôi cũng đủ để ta suy ngẫm và nuôi dưỡng đạo tâm cho cả một quãng đời đi tới.

Trong sự tịch mịch của ngày mới, tôi ngồi bên bàn viết yên lặng ngắm hoa và hít thở thật sâu. Dư vang của cuộc sống đang bắt đầu. Lòng người xa thẳm là vậy mà cũng gần gũi biết bao. Trên lối qua lại hành lang bây giờ không chỉ có hoa mà còn có những nụ cười. Những bông hoa mang đến sự tinh thức và những nụ cười mang lại niềm tin tưởng bình yên cho cuộc sống.



“Cuối đời lọc những tinh hương
Mai sau ôm cánh sen vàng mà đi.”
(thơ Tâm Tấn)

NỬA ĐÊM DÂNG MẸ BÀI THƠ

Nửa đêm con ngồi hầu
Trước cửa phòng Mẹ yêu
Không khóc cũng không sầu
Cung kính chữ Tiêu Diêu

Con mới hẹn khi trưa
Để chiều con hột tóc
Hẹn vậy mà vẫn chưa
Đã nghe anh, chị khóc...

Đi nhẹ nhàng thanh thoát
Văng vẳng tiếng nam mô
Sen hồng hương thơm ngát
Sinh tử nhập một bờ

Con ngồi hầu không ngủ
Thốn thức nhìn trông trơ
Trăm năm tròn cuộc lữ
Dâng Mẹ hiền bài thơ...

Mẹ vẫn còn, còn mãi
Lưu lại đời hạnh tu
Vàng soi khắp đại hải
Miên trường ánh trắng thu.

thơ

VĨNH HỮU

Nha Trang 14/7/2020
Con trai thứ 11

TINH ANH ĐỂ LẠI

(Kính viếng hương linh pt. Tâm Tấn -
nữ sĩ Trinh Tiên, thân mẫu của nhà văn Vĩnh Hào
và Vĩnh Hữu)

Hoa sen rụng hạt xuống đời
Hương thơm thoang thoang cõi người Việt Nam
Đã tròn một cuộc trăm năm
Trinh Tiên nữ sĩ khói trầm phát phơ
Đạo - đời hai nẻo dòng thơ
Tài hoa đến độ có ngờ gì không
Ngày xưa xuân sắc má hồng
Phải lòng công tử theo chồng về dinh
Một đời Tâm Tấn trung trinh
Rằng con nhà Phật trọn tình thế nhân

Bây giờ Người bỏ xác thân
Tinh anh để lại bội phần thiết tha
Những lời ai điếu gần xa
Đồng tham đạo hữu cùng là cháu con
Người đi đức hạnh hãy còn
Người về Phật quốc vương tròn phước duyên
Người mau nhập cảnh Thánh Hiền
Hồng liên hoa nở ở miền Lạc Bang
Tiền người có cánh hạc vàng
Tâm hương bá vọng ngoài ngàn dặm xa.

thơ

ĐỒNG THIỆN

Ất Lãng thành, 072020

NƯỚC TRÀ

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

Nước Trà là loại nước uống rất phổ biến với số tiêu thụ đứng vào hàng thứ nhì trên toàn thế giới, sau nước thiên nhiên.

Nước Trà được chế biến từ lá của một loại thực vật có tên khoa học là *Camellia sinensis*.

Người châu Á biết thưởng thức hương vị của trà từ nhiều ngàn năm về trước. Mãi đến thế kỷ thứ 17, trà mới được dân chúng Âu châu biết tới mà dùng. Các quốc gia sản xuất trà nhiều nhất trên thế giới hiện nay là Ấn Độ, Trung Hoa, Sri Lanka.

Chất lượng của nước trà tùy thuộc giống trà, nơi trồng trà, khí hậu tại địa phương, thời gian thu hái trà, tuổi của trà, cách hái trà và cách chế biến trà.

Sau khi chế biến, trà được nhà sản xuất gửi cho chuyên viên về trà của các quốc gia tiêu thụ để phân định phẩm chất và ước định giá cả. Trà càng ngon thì giá càng cao.

Chế biến:

Lá trà tươi mới hái về đều được rửa sạch rồi phân loại. Thường thường chỉ có nụ trà và mấy lá ở phía trên được hái, các lá già ở phía dưới rất ít hương vị trà.

Cho tới nay, công việc hái trà vẫn là bằng tay, tuy tốn nhiều nhân lực nhưng có thể phân loại ngay lá trà tốt, xấu. Máy hút để thu hái lá trà thường được dùng cho các loại trà hạng thường.

Sau khi hái, trà được đưa qua nhiều giai đoạn chế biến, với hai cách:

a- "Ép, xé nát rồi cuộn" bằng máy. Máy sẽ ép chặt dầu từ lá trà ra, xé nhỏ, cuộn gọn lại thành từng cục nhỏ, rồi sấy khô. Cách này dùng cho trà hạng thường và khi muốn sản xuất nhiều.

b- Cách cổ điển thì phức tạp hơn và thực hiện bằng tay với ba giai đoạn chính:

- Trải lá trà dưới bóng mát để lá héo khô tự nhiên cho dễ cuộn và không làm rách lá;

- Cuộn chặt lá lại để các hóa chất trong trà hòa lẫn với nhau. Có thể cuộn bằng tay

hoặc bằng máy.

- Để lá trà oxy hóa hoặc lên men với các hóa chất có chứa sắt trong lá. Sự oxy hóa này phân chia trà ra làm ba loại: trà Xanh không oxy hóa, trà Đen, oxy hóa lâu khoảng vài ba giờ và trà Ô Long chỉ oxy hóa trong một thời gian rất ngắn. Ngoài ra còn trà Trắng: lá trà thu hoạch về được hấp rồi sấy khô.

Trà cũng được ướp với các hương vị thơm của các loại hoa hoặc trái cây như trà sen, trà hoa nhài...

Sự lên men tạo ra một số tinh dầu cho trà, đồng thời cũng thay đổi một chút về các thành phần hóa chất của lá. Chẳng hạn Trà Đen được để oxy hóa lâu thời gian nên còn lại rất ít hóa chất catechin và nước trà có màu xanh hoặc đỏ hồng. Trà Xanh không qua giai đoạn oxy hóa nên có tỷ lệ hóa chất này cao hơn.

Trà cần được cất giữ trong đồ chứa kín hơi, có màu đục để tránh ánh sáng, để ở nơi mát mẻ, khô ráo. Không nên giữ trà quá lâu vì trà sẽ bay mất mùi thơm. Người Trung Hoa có kinh nghiệm về sự cất giữ trà với câu nói: "Tứ nguyệt trần trà hương, trà nguyệt tồn trà thứ" - rượu càng để lâu càng ngon, trà càng để lâu càng dở.

Trên thị trường, còn thấy bán một loại nước uống gọi là thảo-trà (Herbal tea hoặc tisanes). Đây không phải nước uống làm từ lá của cây trà *Camellia sinensis*, mà là từ lá, cành, củ hoặc vỏ của nhiều thực vật khác nhau, như là bạc hà, lá thìa là, lá chanh, gừng, nước gạo rang, cam thảo, hồng mai.... nên không có hương vị của trà và không có chất caffeine. Thảo-trà hiện nay rất được ưa chuộng và được giới thiệu là có tác dụng vừa kích thích vừa làm thư giãn cơ thể, có khả năng loại trừ độc chất trong các bộ phận, giúp giảm cân...

Thành phần hóa học

Trà không cung cấp năng lượng, không có chất béo, muối natri, chất đạm mà chỉ có một ít carbohydrat, vài muối khoáng

như kali và magnesium

Trong trà có một số hóa chất thuộc nhóm Polyphenols với flavanols, flavandiol, flavonoids, phenelic acid, tannins, catechin...

Trà còn có caffein, theobromin, theophyllin. Hàm lượng caffein trong trà xanh là 30mg/ 180ml trà; trà đen có 40mg/ 180ml trà. Sau khi loại bỏ caffein thì trà chỉ còn từ 2-3mg caffein/ 180ml trà.

Những ích lợi được nêu ra

Ngoài giá trị dinh dưỡng như một loại nước uống, nước trà đã được người thường xuyên dùng ca tụng vì có nhiều tác dụng tốt với sức khỏe của cơ thể, như là:

- Tăng sức đề kháng của cơ thể với nhiều bệnh tật

- Tăng máu huyết lưu thông trong cơ thể

- Giúp cơ thể bớt mệt mỏi, làm tinh thần sảng khoái, trí tuệ minh mẫn hơn

- Tăng sự chuyển hóa thực phẩm, giúp cho sự tiêu hóa được dễ dàng

- Kéo dài tuổi thọ con người

- Phòng chống hư răng

- Làm thị giác rõ ràng hơn

- Giải nhiệt, giúp tránh tai nạn gây ra do nóng nắng

- Giúp bài tiết rượu, nicotin trong thuốc lá ra khỏi cơ thể mau hơn

- Lợi tiểu tiện, làm nước tiểu trong hơn

- Giúp giảm bớt đau nhức xương khớp...

Trung Hoa là quốc gia dùng trà như một thứ nước uống đầu tiên trên thế giới. Y học Trung Hoa coi trà là một dược phẩm hảo hạng. Sách Bản Thảo Di của Trần Tông Khí đời Đường viết "Trà ví vạn bệnh chi dược"- trà là loại thuốc trị được cả vạn thứ bệnh. Danh y Trung Hoa xưa kia là Hoa Đà cũng từng có nhận xét: "Dùng trà đắng có thể làm con người thông minh, lanh lợi". Người Nhật cũng xem trà như một linh dược trị được nhiều bệnh.

Người dân Hy Lạp xưa kia coi trà như một loại "lá siêu phàm" - divine leaf - đặc



biệt chữa được cảm lạnh, ho suyễn, viêm cổ họng...

Vào thế kỷ thứ 19, các khoa học gia nước Nga gọi trà là "thuốc trường sinh bất lão"-elixir of life- vì những tác dụng tốt cho sự tuần hoàn, tiêu hóa, thần kinh và mang lại sinh lực cho con người.

Kết quả nghiên cứu khoa học

Vì số người uống nước trà ngày một gia tăng đồng thời cũng có nhiều ý kiến khác nhau về tác dụng của trà với sức khỏe, nên trong những thập niên vừa qua đã có nhiều nghiên cứu khoa học về trà. Kết quả một số nghiên cứu cho hay các hóa chất thuộc nhóm polyphenols trong trà có thể có một số tác dụng bảo vệ cơ thể chống lại một số bệnh.

Bác sĩ Jeffrey Blumberg, Trưởng phòng Nghiên Cứu về chất chống oxy hóa của Đại học Tufts, Hoa Kỳ phát biểu: "Ngày nay, không phải là ta chỉ lưu tâm tới sinh tố, khoáng chất trong thực phẩm, mà cần để ý tới những chất dinh dưỡng thực vật- phytonutrients -chẳng hạn chất chống oxy hóa flavonoid. Trà với nhiều flavonoid và không cung cấp năng lượng là món giải khát lý tưởng cho mọi người muốn có một sức khỏe lành mạnh."

a) Chống ung thư

Quan sát cho hay, trà có khả năng ngăn chặn sự phát triển của tế bào ung thư nhờ có các hóa chất gọi là polyphenol trong trà, như tannins, catechins...

Năm 1993, bác sĩ Chung S Yang, Đại học Rutgers ở New Jersey, Hoa Kỳ cho hay là trà với chất polyphenols có khả năng ngăn chặn sự thành hình và tăng trưởng của tế bào ung thư.

Kết quả nghiên cứu tại viện ung thư British Columbia bên Canada cho hay tannins của trà có thể ngăn chặn sự thành hình của hóa chất gây ung thư nitrosamin.

Vào tháng 12 năm 2005, nhóm nghiên cứu tại viện Karolinska bên Thụy Điển cho biết phụ nữ uống một ly trà mỗi ngày có thể giảm nguy cơ ung thư buồng trứng tới 50%. Đó là do tác dụng của các chất polyphenols trong trà.

b) Chống virus

Một số nghiên cứu tại Hoa Kỳ vào thập niên 1940 cho hay chất tannins trong trà với vị chát của nó, có tác dụng chống lại các virus gây ra bệnh cúm.

Nghiên cứu tại Ấn Độ cho hay tannins có thể vô hiệu hóa các tác hại của virus bệnh mụn rộp-herpes simplex.

Nước trà được dùng ở Liên Bang Xô Viết xưa kia để chữa bệnh kiết lỵ.

c) Chống hư răng

Khả năng này là do tác dụng của chất fluor trong trà. Đây là một lợi điểm cho

những người tiêu thụ nước không có đủ chất fluor, như nước giếng... Tại nhiều quốc gia, nước cung cấp cho dân chúng được cho thêm fluor và nhờ đó tỷ lệ hư răng giảm xuống rất nhiều.

Kết quả nghiên cứu tại Đại học Nha khoa Illinois cho hay hóa chất tannins trong trà cũng có khả năng diệt các vi khuẩn gây viêm nướu răng.

Nhật Bản có sản xuất loại kem đánh răng có chứa hóa chất tannins.

d) Trà với bệnh tim mạch

Chất catechins trong trà có thể có tác dụng hạ cholesterol trong máu, do đó giảm nguy cơ vữa xơ động mạch. Chất này cũng có khả năng giảm cao huyết áp, làm huyết quản bền mạnh hơn.

Kết quả một nghiên cứu ở Hà Lan cho hay uống hai, ba ly nước trà một ngày có thể làm giảm nguy cơ vữa xơ động mạch tới 45%.

Tiến sĩ sinh hóa học Joe Vinson thuộc Đại học Scranton, Philadelphia, khám phá ra rằng nồng độ cholesterol và LDL trong máu của loài chuột nuôi với trà xanh và trà đen giảm xuống rất nhiều.

Tháng 2 năm 2005, các khoa học gia tại Viện Sức Khỏe Nhi Anh Quốc công bố một kết quả nghiên cứu, theo đó hóa chất trong trà xanh có khả năng bảo vệ đối với các tổn thương gây ra vì cơn suy tim và tai biến mạch máu não.

Giám đốc Viện Tim Anh quốc Belinda Linden cho hay trà xanh đã được coi như có khả năng làm giảm nguy cơ bệnh động mạch tim nhờ có nhiều chất chống oxy hóa trong trà.

Tháng 9 năm 2002, Joseph Judd, Giám đốc Trung Tâm Dinh Dưỡng Beltsville, tiểu bang Maryland, cho biết uống nước trà liên tục trong 3 tuần lễ có thể làm giảm cholesterol tới 10%.

e) Tránh khô nước

Uống nhiều nước trà cũng là một phương thức để mang nhiều nước vào cơ thể, tránh tình trạng khô nước. Tuy nhiên, trà là chất lợi tiểu nhẹ, nên tác dụng có thể không hữu hiệu như uống nước thiên nhiên. Thành ra phải uống hai ly trà thì mới bằng uống một ly nước tự nhiên.

g. Tác dụng trên trí nhớ

Tháng 2 năm 2004, nhóm nghiên cứu tại Đại học Newcastle, Anh quốc, công bố rằng uống trà đều đều mỗi ngày có thể làm tăng trí nhớ. Các nhà khoa học đang nghiên cứu xem liệu các hóa chất trong trà có tác dụng tốt nào cho bệnh nhân bị sa sút trí tuệ như bệnh Alzheimer.

Mấy điều cần lưu ý

- Uống quá nhiều nước trà, thí dụ 2 lít

một ngày, có thể gây táo bón, giảm hấp thụ sắt trong thực phẩm đưa đến bệnh thiếu máu. Vì thế không nên cho em bé uống nhiều nước trà.

- Uống nhiều trà đậm tăng bài tiết nước tiểu;

- Caffein trong trà có thể gây mất ngủ ở một số người.

- Trà kích thích niêm mạc dạ dày tiết ra nhiều acid, có thể đưa tới loét bao tử.

- Caffein trong trà kích thích thần kinh, làm cho tim đập nhanh, mạnh;

- Trà làm răng đổi màu;

- Phụ nữ có thai không nên uống nhiều nước trà vì trà có nhiều caffein, có thể ảnh hưởng tới sự tăng trưởng của thai nhi.

- Bệnh nhân nóng sốt cao không nên uống trà đậm, vì chất thein trong trà kích thích trung tâm phát nhiệt trong cơ thể, làm cho thân nhiệt lên cao hơn.

- Uống trà quá nóng sẽ gây kích thích niêm mạc miệng, thực quản và bao tử và đưa tới tổn thương cho các cơ quan này;

- Không nên uống trà quá đặc khi uống nhiều rượu vì các hóa chất trong trà và rượu gây kích thích cho cả hệ tim mạch lẫn hệ thần kinh.

- Mỗi ngày chỉ nên uống khoảng từ 4-5 chén trà loãng hoặc 2-3 chén trà đậm.

- Sữa uống với nước trà có điểm lợi và bất lợi: sữa sẽ vô hiệu hóa một số lượng chất chống oxy hóa tannins và khoáng fluor của trà. Nhưng đây lại là lợi điểm cho người bị loét dạ dày, vì bớt tannin thì bao tử ít bị kích thích và giảm tiết ra acid.

Kết luận

Trà là một thứ nước uống được ưa chuộng và hầu như đã trở thành một nhu yếu phẩm mà con người phụ thuộc vào.

Cứ tự nhiên dùng nước trà để thỏa mãn một phần nhu cầu nước của cơ thể hoặc như là một thú tiêu khiển trong lúc "trà dư tửu hậu", thì ít phải suy nghĩ hơn là khi xem trà như một linh dược trị bá bệnh. Vì cho tới nay, kết quả các nghiên cứu về công dụng y học của trà cũng chưa được hoàn toàn xác định.

Điều đáng lưu ý là, người dành thì giờ để thưởng thức trà có thể có đời sống lành mạnh hơn, không hút thuốc, uống rượu, không tiếp cận với các hóa chất có hại, dinh dưỡng cân đối nhiều thực phẩm khác nhau, vận động cơ thể đều đặn... Cho nên họ có sức khỏe tốt. Và đó là điều mà mọi người nên áp dụng.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Texas- Hoa Kỳ.

www.bsnguyenyduc.com



ĐOẠN ĐƯỜNG THỈNH KINH

Đường Huyền Trang dẫn ba đệ tử
Đi Tây Trúc thỉnh kinh
Chuyến đi xuyên sơn
Qua sông qua suối gặp ghềnh
Trái qua lớp lớp nạn tai
Gặp trùng trùng yêu quái
Đoàn lũ hành bên dạ bên gan
Suốt đường dài vạn dặm gian nan
Diễn viên tài năng là Lục Tiểu Linh Đồng
Thủ vai chính Tôn Ngộ Không
Chúa động Hoa Quả Sơn
Một thuở nào Thiên cung
Sau hồi cái
Vâng lời Phật phò Đường Tam Tạng
Đi Tây Trúc thỉnh kinh nguyên bản
Về Trung Nguyên truyền lại nhân gian
Hai tiêu đệ là Sa Tăng – Bát Giới
Ba đệ huynh đồng hội đồng thuyền
Phò sư phụ trên đường vạn lý
Trong vai diễn
Cả ba là huynh đệ
Ngoài đời thường họ là bạn tâm giao
Buổi diễn vừa xong
Họ là bạn vườn đào
Khi ăn uống lúc vui chơi họ vẫn vái chào huynh đệ
Hoàn tất cuốn phim
Họ chia tay mỗi người mỗi lối
Người đóng vai Trư Bát Giới
Một hôm lâm bệnh nặng
Gọi điện thoại hàng ngày xin gặp sư huynh
Lục Tiểu Linh Đồng còn đang bận đóng phim
Về không kịp gặp người em kết nghĩa
Trư Bát Giới mê man trong bệnh viện
Thề thào nhắn lời từ già sư huynh
Hẹn gặp nhau lần nữa kiếp lai sinh
Lục Tiểu Linh Đồng về đến Bắc Kinh
Chỉ kịp đưa tiễn lão Trư ra nghĩa trang hiu quạnh

Cũng buồn ngủi nửa thực nửa hư
Đường thỉnh kinh dẫn đến kinh sư
Nước nhỏ Tây Lương nữ quốc
Cô Nữ vương gặp Tam Tạng lần đầu
Yêu say đắm nhà sư phong độ
Trần trọc thâu đêm ngày ngày nhung nhớ
Cây nữ quan mai mối se duyên
Đường Huyền Trang một dạ một niềm
Đúng bậc chân tu lòng không lay chuyển
Tôn Hành Giả bày mưu kế hiểm
Thầy cứ giả vờ kết mối lương duyên
Nhờ Nữ vương đưa tiễn ngoài biên
Rời từ chối giữa đường ranh lân quốc
Nữ vương cuối cùng đành lau nước mắt
Để người yêu trong mộng đi luôn
Vai diễn vừa xong
Nữ vương trở lại đời thường
Mang hình bóng người thương trong mộng
Rời từ đây một mình một bóng
Nàng diễn viên từ già phim trường
Sống hiu quạnh một mình trong căn phòng nhỏ
Chờ đợi mỗi mòn
Nhà sư đi Tây trúc thỉnh kinh
Mỗi sáng đến chùa nghe tiếng mõ tiếng chuông
Cho đến hôm nay tuổi cũng quá lục tuần
Vẫn chờ đợi người thỉnh kinh năm ấy
Hư cũng là hư
Mà thực như là thực
Trộn lẫn vào nhau trong cõi vô thường
Ai đã một lần vào bóng tối mù sương
Giống như gỡ một cuộn chỉ rối ...

thơ HỒ THANH NHÃ

Mời đọc bài tóm lược cuộc hành trình của Đại sư Huyền Trang ở trang kế tiếp →

HÀNH TRÌNH ĐI THỈNH KINH CỦA NHÀ SƯ ĐƯỜNG HUYỀN TRANG

Hồ Thanh Nhã

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Đường Huyền Trang (595-664) là một vị cao tăng đời Đường, tên thật là Trần Huy (có sách gọi là Trần Vi), đi tu từ thuở nhỏ. Ngoài ra Ngài được vua Đường Thái Tôn nhận làm em, cho mang họ hoàng tộc nên thiên hạ gọi Ngài là Đường Tăng hay Đường Tam Tạng vì Ngài còn thông hiểu 3 Tạng kinh là Kinh Tạng (Sutra), Luật Tạng (Vinaya) và Luận Tạng (Abhidharma). Lúc đó Phật Giáo đã lan truyền đến Trung Hoa từ lâu. Đường Huyền Trang nhận thấy những kinh sách này nguyên bản bằng tiếng Phạn do các thương nhân mang về qua những chuyến buôn bán đến các nước vùng Trung Á. Kinh sách được in ấn từ nhiều nước khác nhau, bản dịch ra tiếng Trung Quốc cũng không đồng nhất, nhiều đoạn có nghi vấn không biết tra cứu ở đâu. Vì những lý do trên nên nhà sư Trần Huyền Trang quyết định đích thân đi Tây Trúc thỉnh kinh sách nguyên bản về Trung Quốc dịch lại. Ý định trên được vua Đường Thái Tôn và các quan lại trong triều hoan nghênh vì họ cũng có những nghi vấn tương tự nhà sư Trần Huyền Trang. Vua Đường triệu Huyền Trang vào triều, phong nhà sư làm ngự đệ, cho mang họ hoàng tộc tức Đường Huyền Trang. Ngoài ra nhà vua còn cấp lộ phí và Quốc thư cho nhà sư mang theo trình cho các nước duyệt khản trên đường đi. Năm 628 nhà sư Đường Huyền Trang một người một ngựa men theo con đường tơ lụa miết đi về hướng Tây tâm sư học đạo. Ngâm nghĩ lại chắc nhà sư không thể đi một mình, ít ra cũng phải có vài ba người tùy tùng đồng hành để khuân vác hành lý, lương thực, nấu nướng, tạp dịch... trên đường đi hàng vạn dặm xa. Chuyện này xét ra hợp lý hơn là chuyện về 3 đệ tử thân thông biến hóa của Đường Tăng là Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới và Sa Tăng, mà nhà văn



Ngô Thừa Ân vào giữa thế kỷ thứ 16 dưới triều nhà Minh hư cấu thành bộ truyện Tây Du Ký. Nhưng điều chắc chắn là đám tùy tùng này phải có sức mạnh hoặc giỏi võ nghệ mới có thể theo bảo vệ nhà sư trên đường dài đầy bất trắc, trộm cướp... giống như một toán bảo tiêu. Vua Đường phải đi thỉnh kinh xa, chắc phải nghĩ đến chuyện an ninh lộ trình cho nhà sư. Đường Huyền Trang đã đi trên 5 vạn dặm đường, vượt qua bao nhiêu ngọn núi cao, sông dài, thác ghềnh, sa mạc... vô cùng gian khổ. Cuộc hành trình kéo dài trên 2 năm trời, vượt qua các nước như: Mông Cổ, Tây Vực (tức Tân Cương), Thổ Nhĩ Kỳ, Afghanistan... mới tới được Ấn Độ. Đi tới đâu Ngài cũng tìm cách thuyết giảng Phật pháp. Nhờ vậy phong trào Phật giáo vùng Trung Á có cơ hội phát triển. Trong bộ ký *Đại Đường Tây Vực Ký*, nhà sư có kể về 2 pho tượng Phật điêu khắc trên núi đá vào thế kỷ thứ 6 ở Afghanistan. Sau này 2 pho tượng này đã bị phong trào Hồi giáo cuồng tín Taliban phá hoại, nay đang được Liên Hiệp Quốc

phục chế lại. Tới Ấn Độ, Đường Huyền Trang tìm đến Phật học viện Nalanda để học kinh kệ và được vị cao tăng tại đó là Giới Hiền đại sư nhận làm đệ tử và tu học ở học viện này nhiều năm sau đó. Đến khi thấy việc tu học đã viên mãn, sư Đường Huyền Trang xin sư phụ cho trở về Trung Quốc. Có nghĩa là từ khi ra khỏi nước và đến khi Ngài trở về là 17 năm trời. Khi ra đi, Ngài mới có 33 tuổi và khi trở về Ngài được 50 tuổi. Lúc trở về Ngài mang theo 657 bộ kinh nguyên bản bằng chữ Phạn. Đường Huyền Trang đã để lại hậu thế một tập sử liệu quý giá là tập *Đại Đường Tây Vực ký* gồm 12 quyển. Trong bộ bút ký này Đường Huyền Trang kể lại tỉ mỉ về địa lý, lịch sử xã hội, tập quán, tình hình Phật giáo của

110 nước lớn nhỏ mà Ngài đã đi qua. Đây là một bộ sử liệu quan trọng về các nước Trung Á và Ấn Độ thời cổ xưa. Bộ ký này còn là kim chỉ nam sau này cho các đoàn thương nhân từ Trung Quốc đến Ấn Độ dọc theo con đường tơ lụa.

Về đến Trung Quốc, Ngài được vua Đường Thái Tôn đón tiếp trọng thể và lưu lại kinh đô để lo dịch thuật các bộ kinh mang về. Trong ngày tái ngộ giữa vua Đường và nhà sư trở về từ Tây Trúc, nhà vua đã xa giá ra khỏi kinh đô Tràng An 10 dặm để chờ đón Đường tăng và đoàn lạc đà chở kinh trở về. Điều đó nói lên sự trọng vọng của nhà vua đối với Đường tăng và thành quả sau chuyến thỉnh kinh của Ngài. Cuộc gặp gỡ giữa 2 con người xuất chúng đó diễn ra ở một trạm quán bên đường với nghi thức rất long trọng của triều đình. Một bên là vị vua anh hùng xuất chúng đã lừng lẫy chiến chinh thống nhất thiên hạ sau mấy chục năm dài loạn lạc cuối đời vua nhà Tùy. Còn một bên là một nhà sư dành trọn đời cho đạo pháp, kiên gan bền chí vượt qua 5 vạn dặm đường đầy khó khăn, nguy hiểm, đem về nước trọn vẹn tinh hoa Phật pháp để phổ độ chúng sanh. Thật là một cuộc gặp gỡ còn để lại tiếng thơm cho lịch sử văn hóa Phật giáo Trung Hoa cho mãi đến tận ngày nay, hậu thế vẫn còn nhớ ơn 2 người kiệt xuất này. Ở lại một ngôi chùa lớn ở kinh đô, Đường Huyền Trang đã dành trọn quãng đời còn lại để lo việc dịch thuật kinh kệ từ tiếng Phạn sang tiếng Trung Quốc. Cứ xem bộ Bát Nhã tâm kinh bằng chữ Phạn mà Ngài tóm lược gọn lại còn 260 chữ chứa đựng hết ý cốt lõi của toàn bộ 6 trăm quyển kinh nguyên bản, mới thấy tài trí siêu việt về Phật học của sư Đường Huyền Trang. Cũng nhờ Tâm kinh này, nhiều đệ tử Thiên học sau này đã ngộ đạo. Thật đúng là một tinh hoa bậc nhất của Phật Giáo Trung Quốc vậy. Ngài mất năm 664 hưởng thọ 69 tuổi. Ngài đã để lại cho hậu thế một gia tài kinh sách đồ sộ. Cũng nhờ công đức của Ngài mà Phật Giáo đời Đường trở thành cực thịnh và lan truyền sang các nước lân cận như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam...



NGƯỜI ÁO TRẮNG

*Tôi với Cô vốn người không quen biết
Cũng không họ hàng thân thích bao giờ
Thế mà sao ngay từ buổi ban sơ
Cô tận tụy chăm lo hơn bạn thiết.*

*Cô ái ngại nhìn bệnh nhân rên siết
Cô ân cần chăm sóc như người thân
Corona làm thế giới hoang kinh
Khi chứng kiến bao nhiêu người gục chết!*

*Ôi đau đớn khi thân này rũ liệt
Từng ngày qua số bệnh nhiễm tăng lên
Và hằng đêm Cô khẩn nguyện ơn trên
Xin cứu khổ! Xin cho người hết bệnh!*

*Nhiều bệnh viện không còn nơi để chữa
Khi bệnh nhân được tới tập đưa vô
Khi thân này đang ở giữa hai bờ
Sanh và tử chỉ cách nhau gang tấc!*

*Là nhận chứng cho bao người hấp hối
Cô hiểu rằng định mệnh không thể thay
Quên cả thân, Cô tận tụy đêm ngày
Những giọt lệ âm thầm rơi trên má.*

*Cô là ai? Người dịu hiền áo trắng
Là chư Thiên là Bồ tát tới đây?
Xin cho tôi được bày tỏ lòng này
Lời tán thán! Lời cảm ơn tha thiết!*

*Y sĩ người giàu lòng nhân ái
Sen ngào ngọt giữa bùn đời cay nghiệt!*

thơ **DIỆU VIÊN**

(viết trong mùa dịch bệnh
San Jose, 6.2020)

Truyện cực ngắn

STEVEN N.



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

ĐƠN GIẢN

Nghe giảng pháp trên mạng, anh Phật tử trẻ bảo rằng thích nhưng nhiều chỗ không hiểu, cuối tuần lên chùa tham vấn.

- Bạch thầy, bài pháp hay và thầy trên mạng giảng vui vẻ nhưng con vẫn mơ hồ cái gì là thể? cái gì là dụng?

Thầy cười:

- Anh là Phật tử, ắt biết người và vật vốn cấu tạo từ đất, nước, gió, lửa!

Anh ta bảo cái ấy thì con hiểu, thầy lại nói:

- Đây là thể, mỗi chúng sanh đều có tánh giác là thể. Cái tướng người và vật sai biệt nên chỗ dùng cũng khác nhau, giờ thì hiểu được chưa?

- Thì ra đơn giản vậy thầy!

Thầy vẫn cười:

- Đơn giản như đang giỡn nhưng học cả đời chứ chẳng giản đơn!

DỤNG TRÍ

Thời đại 4.0, 5G... có ông thầy trên mạng nói pháp được nhiều người bấm nút "like". Một hôm nọ thầy ấy giảng bài mà nội dung có câu:

- ... Phật không đến, không độ chúng ta nếu chúng ta không buông bỏ tham, sân, si...!

Một người nêu thắc mắc:

- Chúng sanh làm sao mà không tham, sân, si? nếu không tham, sân, si thì đâu

cần Phật độ. Thầy giảng thể hoá ra Phật chỉ lựa người hoàn thiện để độ sao?

Thầy cười mím chi:

- Ông thầy giảng trên mạng ấy có lý, không buông tam độc thì Phật không độ được, nhưng anh hỏi cũng có lý, cái tâm giảng bài pháp ấy là tâm của ông thầy không phải tâm của ông Phật!

- Vậy thì con biết làm sao?

Thầy không cười nữa:

- Dụng trí không dụng cảm tình!

NHANH HAY CHẬM

Chú Bảy chở vợ đi chợ, về nhà cảm râm:

- Thời gian chậm như rùa, ngồi chờ bà mà bực mình.

Lúc ấy thằng Tí đi học về, loi nhoi:

- Thời gian nhanh như tên lửa tía ơi, con loay hoay chưa xong bài thì hết giờ.

Cuối tuần lên chùa nghe thầy giảng:

- Thời gian không thật, lục căn mê mờ, cái tâm vọng tưởng nên mới thấy nhanh, chậm, trước, sau...

Buổi tối ti vi có chương trình: "Khoa học và đời sống", hôm ấy có vị tiến sĩ tâm lý học phân tích: Thời gian vật lý khác với thời gian tâm lý, cảm nhận nhanh hay chậm ấy là ảo giác của nhận thức.

Chú Bảy lẩm bẩm:

- Các căn mê mờ với ảo giác nhận thức, thầy nói sao giống nhà khoa học vậy!

KHÔNG AI LÀM ĐƯỢC

Tháng rồi xứ nọ kỷ niệm ngày báo chí rầm rộ lắm, nào là cờ, hoa, biểu ngữ, tiệc tùng... Một vị chức sắc đọc diễn văn:

- Chúng ta có một nền báo chí khùng (1), đó là nhờ tài lãnh đạo sáng suốt của triều đình. Báo chí chúng ta làm được những điều mà cả thế giới không ai làm được...

Thế rồi tiếng vỗ tay lộp bộp, sầm banh khui lộp bộp, tiếng cười nói hô hố, âm thanh ăn uống rào rào... thật nhộn.

Kỷ giả có người thấy lương tâm cắn rứt, thì thầm với kẻ kế bên:

- Cụ tổ họ Trương học theo văn minh Tây, tính từ tờ báo đầu tiên đến nay cũng đã hơn trăm bảy mươi năm, giờ cắt gốc lấy ngọn, kỷ niệm mấy mươi năm báo chí nghĩa là sao? Ăn ở vậy sao khá nổi?

Người bạn cười ruồi:

- Báo chí ta làm được những điều thế giới không ai làm được kia mà!

TOÀN GIẢ CẢ

Quán karaoke tối ấy thật đông vui, quý bà sồn sồn cũng nhậu tới bến, hát ca giàn trời luôn. Men thấm thì lời bốc, ngoài ca hát còn xô xiên người này, đá xéo người

kia, lý sự lung tung. Một bà cao hứng:

- Đời bây giờ không có tình yêu chân thật, toàn đồ sớ khanh, chơi hoa rồi quất ngựa truy phong. Ai tin tình thật là bị thiệt!

Chủ quán góp vui:

- Tại các bà không nhìn lại mình, gỡ lông mi giả, tóc giả, ngực giả, độn mông, lau phấn son... thì còn cái gì thật? toàn đồ giả mà đòi tình thật sao được?

Cả đám cười sảng sặc, có một vị nữ lưu xem ra có vẻ sâu sắc:

- Thời đại đồ đều, toàn xài đồ giả, văn hoá đồ xạo, nghệ thuật đồ sao chép, chính trị đồ nhái, kinh tế đồ "treo dê bán chó"...

VI TRÙNG WUHAN

Sau khi hoành hành ở Wuhan, con vi trùng theo chân những di dân, du khách chú Ba (2) lan tràn khắp thế giới. Hàng chục triệu người nhiễm bệnh, hàng triệu người chết, kinh tế đình đốn, xã hội phong toả, người sợ người hơn sợ giặc. Không ai dám

bắt tay, đứng gần và càng chẳng dám ôm hay hôn nhau. Thế giới là vậy mà xứ mình lại tương đối bình yên, nhiều thuyết tung ra nảo là: nhờ nghiêm ngặt ngăn ngừa, nhờ gene kháng thể mạnh, hoặc quá dơ nên miễn nhiễm... Người xứ mình có kẻ têu, viết:

*Nam tính nữ tính dị tính
đồng tính không sao hết cả
Khó tính gian tính ác tính
dương tính mọi chuyện xảy ra*

Không biết ai đó viết trên tường một toà nhà nơi có những tiệm mát xa:

*Yêu hoa mê hoa trồng
hoa quảng bá sắc hương với đời*

*Trêu hoa chơi hoa hái
hoa lây truyền vi trùng Vũ Hán.*

XỨ THAM

Nam Thiệm Bộ châu có một xứ sở lạ lùng, người xứ ấy tham vô độ, nhất là thèm muốn đất đai của kẻ khác. Xứ ấy đất đai cũng mệnh mỏng nhưng chưa bao giờ biết đủ. Tổ tiên cho chí cháu

con bây giờ, luôn tìm cách lấn chiếm, xà xẻo, cưỡng đoạt... đất những quốc độ chung quanh. Nay bọn hậu sinh còn ghê hơn: ngụy tạo cổ vật, di dời cột mốc, vẽ đường lười bò... Thiên hạ bốn bên phản đối và khinh bỉ nhưng bọn họ chẳng những không xấu hổ mà còn to mồm lu loa:

- Đây là lợi ích cốt lõi của chúng tôi, những nước nhỏ xâm xia và vu cáo chúng tôi!

Tuy vậy trong bọn họ cũng có người công tâm, khí khái và dũng cảm. Người ấy phản đối việc phi pháp của đồng loại:

*Cốt cách bản tiện lòng
tham vô độ*

*Lương tâm tối đen mồm
mép điều toa.*

- (1) Chữ của báo chí quốc nội
- (2) Chú Ba, khách trú, các chú... chỉ người Hoa.

STEVEN N
Georgia, 072020



Một ngày chung cuộc bốn bề hoa bay

DU TÂM LÃNG TỬ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Suốt cuộc hành trình sanh tử của mình, con người luôn đau đáu về thân phận hình hài, không biết bao lần chúng ta tự hỏi: "Tại sao ta lại đến nơi này? đến đây để làm gì? Mai này sẽ về đâu?"... Dòng tư sanh vẫn bất tận, kẻ trước người sau, hết thế hệ này đến thế hệ khác, hết hình thái xã hội này đến hình thái xã hội khác... thay đổi liên miên nhưng câu hỏi ấy vẫn không có lời đáp.

Con người vẫn mò mẫm mơ một chốn bình an, mưu cầu hạnh phúc, vẫn tìm một phương pháp nào đó sao cho thân an tâm lạc... nhưng càng tìm thì càng hụt hẫng, có lúc tưởng chừng như chạm đến nhưng rồi vỡ mộng, việc ấy giống như người thấy trăng đáy nước, thò tay xuống vớt, nào ngờ chưa vớt thì bóng trăng đã vỡ tan!

Con người mơ một cõi địa đàng, thiên đàng, cực lạc... nhưng không làm sao để kiến tạo một địa đàng ngay chốn trần gian này, bởi thế con người hôm nay chẳng khác con người muôn năm trước, vẫn mơ một cõi địa đàng bươm hoa, một cõi bình an vô sanh bất diệt... Ở nơi đây không có chiến tranh, chết chóc, khổ đau, áp bức, bất công...

Thời đại hôm nay khoa học công nghệ đã phát triển cao độ, kỹ thuật lượng tử, điện toán... làm cho mọi người trên thế gian này có thể thấy nhau, nói với nhau trong tích tắc. Khoa học kỹ thuật tạo cho mọi người một cuộc sống sung túc, thoải mái... nhưng giấc mơ thân an tâm lạc vẫn xa vời và càng ngày càng xa, giấc mơ vô sanh bất tử vẫn như bóng trăng dưới nước.

Trong đêm trường tăm tối, con người may thay gặp được ánh dương. Phật ra đời, mở đường chỉ lối cho con người thoát khỏi vô minh. Phật ba lần chuyển pháp luân: Đã thấy, đã biết, đã tu, đã chứng! Đây là khổ, đây là nguyên nhân, đây là con đường thoát khổ, đây là kết quả... Phật khai mở con đường đi đến an vui, hạnh phúc cho con người. Phật dạy cho cách sống an lạc ngay trong hiện tại

và tại nơi này (hiện pháp lạc trú). Khi thân, khẩu, ý hiển thiên và thanh tịnh thì:

*"Chính là ngày cát tường
Là giờ phút hạnh thông
Là thời khắc hưng vượng"*

(Kinh Thắng Hạnh)

Mùa xuân muôn hoa nở, mùa hạ biếc ao sen, mùa thu lá vàng bay, mùa đông tinh khiết tuyệt:

*"Xuân du phương thảo địa
Hạ thường lục hà trì
Thu ẩm hoàng hoa tửu
Đông ngâm bạch tuyết thi"*

Bốn mùa thay đổi, sanh diệt nối nhau, nếu mình không cưỡng cầu, không chấp trước... thì mình an vui; nếu mình chấp nhận sự thật tự nhiên của nó như thế, bản thể nó như vậy mà không áp đặt cái thiên kiến chủ quan của mình thì làm sao có bức bối, bất hoà! Không chỉ bốn mùa thay đổi mà mọi thay đổi của thế gian này, mọi khác biệt của con người.

Đời sống con người chỉ trong vòng trăm năm, ấy là nói vắn vẻ, là biểu trưng đại khái thể thôi. Thật sự thì mấy ai đủ trăm năm, thật sự thì mạng sống con người vốn mong manh giữa hai lần hơi thở, nó có thể dừng bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào và với vô vàn lý do.

Từ sanh là thế nhưng con người chỉ thích nói đến sanh mà kỵ nói đến tử. Con người ai cũng thích sanh sợ tử nhưng con người lại luôn thích làm hại nhau, tàn sát nhau, giết chóc nhau cho đến hại cả muôn loài động vật, thực vật, thiên nhiên... Chung quy cũng vì mê muội vô minh, con người chấp chặt vào cái "tôi" (ego, self) mà sự thật chẳng có một cái tôi độc lập (cứ thử lột bỏ chuỗi thì biết). Con người tham sống sợ chết, tránh né nói đến cái chết nhưng chết vẫn cứ chết, chết chẳng kiêng nể ai hay bất cứ thời gian nào, chết chẳng chê quyền quý hay bần hàn, chẳng nệ trí hay ngu... chết



thế nào thì vẫn phải chết thế ấy. Nó chỉ phụ thuộc vào phước đức của bản thân mình, có những cái chết kinh hoàng, quẫn quai, đốn đau nhưng cũng có những cái chết nhẹ tựa lông hồng, hoặc êm đềm như một hơi thở, một giấc ngủ say, thậm chí có những cái chết đẹp như cổ tích:

"Một ngày chung cuộc bốn bề hoa bay"
(thơ TLTP)

Nếu con người muốn có một cái chết êm đềm, đẹp và thanh tịnh thì hãy chuẩn bị từ bây giờ. Dân gian vẫn nói "Gieo gì gặt nấy," nhà Phật thì dạy "Tâm tưởng sự thành" hoặc "Tâm tạo tác." Trong nhà Phật có vô số những tấm gương, những chuyện thật về những cái chết êm đềm, thanh thân đầy khí vị giải thoát. Thiền sư Shoun khi biết mình sắp ra đi, ông cho gọi đệ tử lại, thắp nhang cho mẹ xong, ông viết bài thơ:

"... Ta đã sống hết sức ta

Ta đã tạo ra con đường riêng của ta trong cõi trần gian này

Bây giờ mưa đã hết, mây trời quang đãng

Bầu trời xanh có một mặt trăng tròn"

Viết xong ông quẳng bút và tịch

Trong hàng cư sĩ cũng có những tấm gương tu học và ngộ đạo. Họ đã sống "hết sức ta" trong cõi đời này và ra đi như cánh hạc bay. Cư sĩ Bằng Long Uẩn là một hình ảnh mà "Ngày chung cuộc đầy hoa bay." Tương truyền khi ông sắp tịch, bèn bảo cô con gái: "Con ra xem thử đống ngộ chưa?" Cô gái bảo: "Đống ngộ rồi nhưng có nhật thực." Ông ra cửa xem thì con gái lên bô đoàn ngồi mà tịch, ông quay vào thốt lên: "Con gái ta lanh lợi quá" và nán lại bảy ngày sau mới tịch. Khi bà vợ ông hay tin, bèn đi

tìm con trai: "Ông già ngu si và con gái vô tri đã bỏ chúng ta đi rồi." Cậu con trai thưa: "Vây hà mẹ" rồi cũng tịch luôn. Bà mẹ sau khi lo hậu sự mới tịch sau cùng. Câu chuyện đẹp quá, hay quá như huyền thoại, như cổ tích Đông phương, những cái chết nhẹ nhàng, kỳ diệu như cuộc du hí nhân gian:

Cuộc chơi khi đã đến hồi

Đứng đi với lại nằm ngồi sá chi

Rõng rang nhắm mắt cười khi

Xác thân này hoá xanh rì cỏ cây

(thơ TLTP)

Con người chỉ có nhục thân nên không thể thấy những gì không có sắc chất, bởi thế những cái chết ung dung, tự tại như vậy có khi đầy trời hoa trắng rơi. Những loại hoa Mạn Thù Sa, Mạc Đà La... ngập hư không.

Chết không phải là hết, chết là bắt đầu một cuộc tử sanh khác (khi mà chưa chứng đắc được A La Hán).

Nếu mình đã hiểu vô thường, nhìn nhận rõ ràng cái thân tứ đại ngũ uẩn này là giả hợp thì khi nó tan hoại thì có gì phải tiếc, bởi thế mà gã du tử chưa chết nhưng đã chuẩn bị đón nhận nó một cách tự nhiên:

Tôi đã đến và sẽ đi như trùng khơi sóng nước

Một ngày đẹp trời đang chờ phía trước

(Nếu có yêu tôi - thơ TLTP)

Gã du tử đã sống hết mình, tuy hiểu rõ vô thường nhưng không làm sao biết vô thường xảy ra lúc nào, bởi vậy gã du tử luôn sẵn sàng đón nhận vô thường. Khi sanh ra là đã có yếu tố tử rồi, cái sanh, cái tử có mặt trong từng sát na.

Tôi sẽ đi giữa khung trời mùa hạ

...

Tôi sẽ đi trong một sớm mùa thu

...
Tôi sẽ đi khi tuyết trắng mùa đông

...
Tôi sẽ đi khi mùa xuân bất tận

(Em vẫn là nỗi đau đời – thơ TLTP)

Thế đấy! Người học Phật tuy chưa tinh tấn, chưa chứng đắc gì nhưng ít ra cũng có được những phút giây an lạc, phi phong; cũng nhờ học Phật mà biết được ít nhiều sự thật của thế giới này, cuộc đời này, cái thân và cái tâm này! Không biết có một danh nhân nào đó đã từng nói (đại ý là thế chứ không phải nguyên văn): "Cái chết không đáng sợ, sợ cái chết mới đáng."

Lịch sử hiện đại chúng ta đã chứng kiến một cái chết rất bi hùng, chấn động lương tâm nhân loại một thời. Bồ Tát Thích Quảng Đức ngồi trong biển lửa vẫn bình thản cho đến phút cuối. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương thốt lên: "*Lửa, lửa cháy rực ba ngàn thế giới, chỗ ngài ngồi một tuyết tác thiên thu.*"

Nếu trong đạo có những cái chết (ngôn từ nhà Phật gọi là tịch) đầy khí vị giải thoát, những cái chết tựa như du hí nhân gian thì ngoài đời cũng có những cái chết nhẹ tựa lông hồng, những cái chết vì dân, vì nước. Trần Bình Trọng hiên ngang quát vào mặt quân Nguyên: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc."

Khi toà nhà World Trade Center bị bọn khủng bố đâm máy bay vào, toà nhà đang dẫn sụp đổ nhưng ba trăm lính cứu hoả vẫn xông vào và tất cả bị chôn vùi trong ấy. Những cái chết vì sự sống của đồng loại đầy ý nghĩa cao cả.

Một nhà thơ từng viết: "Có cái chết hoá thành bất tử." Đúng thế! những cái chết vì đồng loại, vì dân, vì nước, vì đạo pháp, vì sự tồn vong của dân tộc... thì cái chết ấy là bất tử; còn nếu chết vì mê muội cuồng tín, vì lý tưởng điên rồ lệch lạc, chết vì phe đảng băng nhóm... cái ấy vô nghĩa biết bao.

Mùa xuân về nói chuyện tử sanh không khỏi có người sanh lòng áy náy, chuyện tử sanh vốn bất tận như bản thân của vấn đề, mình có nói hay né tránh thì nó vẫn hiển hiện bên mình như hình với bóng, sanh ra là đã có tử rồi, sanh tử - tử sanh như hai mặt của bàn tay. Mình học Phật không cao vọng chứng đắc nọ kia, chỉ đơn giản là biết mình là ai, vì sao mình đến nơi này? Học Phật là để mỗi ngày giảm bớt tham lam, sân hận, si mê; học Phật là để mở lòng ra với người và với muôn loài; học Phật là để biết sống với từng phút giây hiện tại này và nếu một lúc nào đó bất ngờ sẽ:

"Một ngày chung cuộc bốn bề hoa bay." (thơ TLTP)

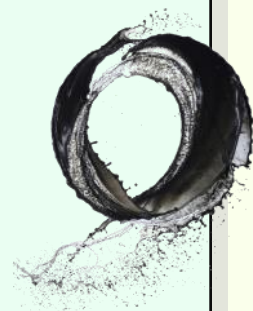
KHÚC NGÂM PHÓNG CUỒNG

*say ngâm
chưa hết khúc cuồng
đã nghe gió nổi
dị thường cuộc chơi
giang hồ
mỏi tận chân trời
phù sinh vân cầu
gặp thời đảo điên*

*văn chương
là cõi chẳng hiền
chết từ sơ ngộ,
muộn phiền trầm luân
tuổi xanh
mặc áo hoa rùng
hôn nhiên máu nhuộm,
phóng cuồng tình thơ
súng gương
tàn cuộc bất ngờ
văn chương chữ nghĩa
hững hờ máu xương*

*đã thôi
ủ mộng sa trường
đã thôi
môi sẽ phải hương
thủy chung
đã thôi
say gọi vô cùng
đã thôi
uất hận
mắt tròng ngàn năm
đã thôi
ngâm ngãi tìm trầm
đã thôi
ngóng đợi
tri âm ngàn trùng*

*ba đào ngọn bút hải hùng
văn tao
tao ngộ
vô cùng biệt ly*



thơ CUỒNG TỬ

The Story of Those Who Suffered for Their Evil Deeds

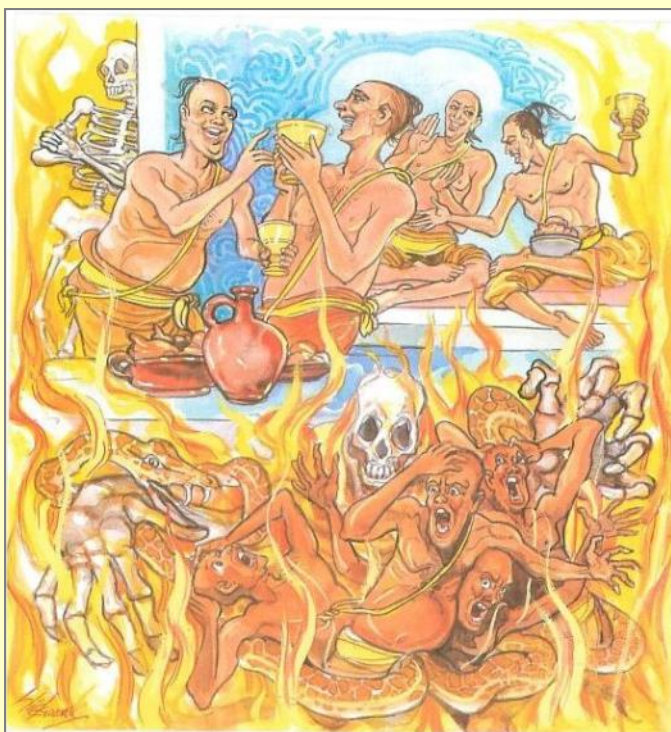
Dhammapada, Verse 306

While residing at the Veluvana monastery, the Buddha uttered Verse (307) of this book, with reference to some petas.

Once, the Venerable Maha Moggallana was coming down the Gijjhakuta hill with Thera Lakkhana when he saw some petas. When they were back at the monastery, Thera Maha Moggallana told Thera Lakkhana, in the presence of the Buddha, that he had seen a peta who was just a skeleton. Then he added that he had also seen five bhikkhus with their body burning in flames. On hearing the statement about those bhikkhus, the Buddha said, "During the time of Kassapa Buddha, those bhikkhus had done much evil. For those evil deeds they had suffered in niraya/hell and now they are serving out the remaining term of suffering as petas."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 307: Many men wearing the yellow robe up to their necks who have an evil disposition and are unrestrained in thought, word and deed are reborn in niraya/hell on account of their evil deeds.



Many who don the dyed robe, undisciplined and of sinful ways, thereby get reborn in hell.

307. *Kāsāvakarṣṭhā bahavō
pāpadhammā asahitā
pāpā pāpēhi kammēhi
nirayaṃ tē upapajjārē. (22:2)*

Many who wear the yellow robe
are unrestrained in evil things,
these evil ones by evil deeds
in hell do they arise.

Translated by
Daw Mya Tin, M.A.,

Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma.

Vàng ngọc phải chăng là hạnh phúc

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Thời Phật tại thế, có một vị Quốc vương tên là Đa Vị Tả kính thờ cả 69 dòng ngoại đạo. Bỗng một ngày vua phát thiện tâm muốn bố thí rất nhiều, bao nhiêu của báu chất đầy như núi, rao rằng hễ ai đến xin đều cho bốc đi một năm.

Vì số người đến xin đã dài ngày mà núi báu vẫn chưa suy suyển.

Đức Phật biết Quốc vương có nhiều phước duyên về trước có thể hóa độ, liền hóa làm một vị Phạm Chí đến thăm. Vua rất mừng rỡ, làm lễ xong hỏi rằng:

- Ngài muốn cần dùng gì xin cho tôi biết? Tôi vui lòng cúng dường.

Vị Phạm Chí đáp:

- Tôi từ xa đến đây, cốt xin nhà vua ngọc báu để đổi lấy vật liệu làm nhà ở.

Vua đáp:

- Tôi rất vui lòng xin Ngài bốc lấy một năm.

Vị Phạm Chí bốc một năm, đi bảy bước, trở lại trả chỗ cũ.

Vua hỏi:

- Cớ sao Ngài không lấy?

- Với số báu ấy thật đủ làm nhà, nhưng khốn cho tôi về sau còn phải cưới vợ nữa, thì không đủ dùng, nên tôi không lấy.

- Thôi, Ngài lấy thêm ba năm.

Vị Phạm Chí bốc ba năm, đi bảy bước trở lại trả chỗ cũ.

- Sao Ngài lại thế?

- Với số báu vật ấy thật đủ cả cưới vợ, nhưng lấy gì sắm ruộng đất, đầy tớ, trâu

ngựa, tôi tính không đủ, nên thôi là hơn.

- Thôi, Ngài lấy thêm bảy năm.

Vị Phạm Chí lấy xong, đi bảy bước lại trở lại trả chỗ cũ.

- Cớ gì Ngài vẫn chưa vừa ý?

Nếu tôi có con cái phải lo cưới gả, sắm sửa, lại còn việc nhà đấm ky, giao tiếp thân bằng, tôi tính vẫn cứ thiếu, nên không lấy.

- Tôi vui lòng cúng tất cả, Ngài lấy về dùng cho đủ!

Vị Phạm Chí bước lên núi báu rồi trở xuống không nhận.

Nhà vua rất quái lạ thưa rằng:

- Ý Ngài thế nào, tôi thật không hiểu.

- Bản ý tôi đến xin Ngài để mưu cầu sự sống. Xong tôi xét lại mạng con người sống chẳng bao lâu, muôn vật cũng không thường sáng còn tối mất, khó giữ lâu bền.

Dẫu tôi được cả núi báu, vị tất đã lợi ích hoàn toàn cho bản thân. Lo toan tham muốn bao nhiêu, luống công nhọc nhằn bấy nhiêu, chẳng bằng dứt bỏ dục vọng, cầu đạo giải thoát, rèn luyện các đức tính tốt cho bản thân, cho gia đình, cho xã hội, đều hướng về mục đích từ bi, trí tuệ là hơn, nên tôi không lấy.

Khi đó nhà vua tỉnh ngộ, tâm ý sáng suốt cầu được nghe pháp.

Vị Phạm Chí liền nói bài

kệ rằng:

Tuy được núi vàng báu

Chất cao đến trời xanh.

Thế gian nhiều như thế

Chẳng bằng thấy nguồn đạo.

Đời không lành tương lành,

Ưu mà thấy như ghét

Lấy khổ dùng làm vui,

Cuồng phi bị tai hại.

Nói bài kệ xong, Ngài đã hiện Phật thân phóng hào quang sáng rực rỡ, vua và quần thần vui mừng hớn hở xin thọ ngũ giới, chứng quả Tu Đà Hoàn.

Viên Minh

"Đời người ngắn ngủi lắm, thoáng qua lạ lùng như bóng chớp. Không ai sống mãi mà khỏi chết, thì con người có trường thọ được đâu. Vậy nên ta diệt lòng tham lam và bố thí cho kẻ nghèo. Sự giàu sang phong phú không phải thuộc về ta mãi mà thường thường vì nó mà ta lụy thân."



CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC

*Chánh niệm trong tỉnh giác,
Quán chiếu lời Phật dạy,
Trong nếp sống hàng ngày,
Mọi sự là Nhân Duyên.
“Tất cả Pháp Hữu Vi,
Như Mộng huyền bào ảnh”
Dù thuận cảnh, nghịch cảnh
Thiện duyên hay ác duyên,
Ta đều phải buông bỏ.
Trở về Thanh Tịnh Tâm,
An nhiên và tỉnh giác.*

THẾ GIAN PHÁP

*Quán chiếu Thế Gian Pháp,
Như Sóng Biển hợp tan,
Như Sương đọng trên Hoa
Như Mây giăng đầu núi
Như Tuyết phủ ngàn cây
Đến hội tụ rồi tan...
Do hợp giả nhân-duyên
Không bản ngã chủ thể...
Nên không hề bền chắc.
Trong sinh hoạt hằng ngày
Phan duyên rồi hợp duyên
Vui như thuyền lướt gió
Như Mai nở trên cây...
Gặp phải trăm vấn đề
Tất cả là vọng tưởng,
Tất cả là hư giả
Rồi cũng lại hợp tan. !*

TRỞ VỀ CHÂN TÂM

*Tất cả Pháp Thế Gian,
Ta cần phải buông bỏ,
Tin-Nguyện-Hạnh ghi nhớ.
Thu nhiếp các Lục Căn,
Giữ Tâm luôn thanh tịnh,
Chú Tâm vào danh hiệu,
NAM MÔ A DI ĐÀ
Tịnh niệm phải tương tục
Vọng niệm dần tiêu tan
Tương ưng Cõi Niết Bàn ..*

*Ta Bà sống an nhiên
Hỷ xả bao muộn phiền
Thực hành Bát Chánh đạo.
Tâm luôn được bình yên....*



thơ THỰC UYÊN

Tâm động tâm tịnh

TIÊU LỤC THẦN PHONG

ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

Suốt cuộc trăm năm, con người ta hầu hết sống trong sự lăng xăng, có mấy ai sống được trong sự thư thái, bình an của nội tâm. Cái tâm con người như chú khỉ trong rừng, chuyền cành liên tục, nhảy nhót, níu bám không phút giây ngừng nghỉ. Nó cũng còn được ví như ngựa hoang trên thảo nguyên, suốt ngày rong rờ chạy tứ tung. Tâm con người không lúc nào yên, ngay cả lúc ngủ, các cơ quan khác tạm nghỉ nhưng ý thức (tâm) vẫn hoạt động không ngừng, bởi vậy mà có mộng mị tầm lum (có thể là mộng đẹp, ác mộng hay cả mộng du...). Cái tâm lăng xăng, vọng tưởng, loạn động như thế thì cái thân sao có thể an, thế giới xung quanh cũng khó mà hòa được vì: “Vạn pháp quy tâm,” “Nhất thiết duy tâm tạo” kia mà!

Từ một tâm lưu xuất ra muôn vạn pháp trần, từ tâm bám víu, dính chặt vào sáu trần nên mới sanh ra: đẹp-xấu, ngon-dở, thô-tế, thích-chán, yêu-ghét... Và cũng từ đó con người quay cuồng trong “Điên đảo, vọng tưởng” (chữ trong Tâm Kinh).

Cái tâm không hình tướng, không sanh diệt ấy vậy mà có thể sanh ra muôn hình vạn trạng, sanh ra sanh-diệt bất tận. Có người ví việc điều phục tâm cũng giống như huấn luyện thú trong nghề xiếc vậy. Những con khỉ loạn động; bọn heo tham lam, mê đắm; những con gấu mê mờ, và mấy con cọp cực kỳ hung tợn... sẽ tuân theo sự hướng dẫn của những tay huấn luyện

cửu khôi. Những người yếu kém sẽ không điều phục được bọn chúng và sẽ bị bọn chúng làm cho mệt dài dài.

Một ngày có hai mươi bốn giờ nhưng có được mấy phút ngồi tĩnh tâm? Một tháng có ba mươi ngày, một năm có ba trăm sáu mươi lăm ngày, một đời có ba vạn sáu ngàn ngày nhưng có được bao phút giây mà ngồi xuống tĩnh tâm? Bởi vậy cho nên khổ, đời khổ, người khổ, cả bọn cùng khổ. Có nhiều người trong chúng ta, bảo họ ngồi yên năm hoặc mười phút quả là khó khăn vô cùng. Họ bảo: “Thà rằng làm nặng, đập đá vá đường, giặc giữ nấu nướng... suốt cả ngày cũng không sao nhưng bảo ngồi yên mười phút là chịu hồng nổi.” Một khi ngồi xuống được rồi nhưng bảo đếm hơi thở hay niệm Phật từ một đến mười, nghe qua tưởng dễ, ấy vậy mà cứ lộn tới lộn lui, đếm xuôi đếm ngược vẫn không làm sao cho đúng được, ấy là vì cái tâm nó vọng tưởng và loạn động quá lâu rồi! Hoặc giả có người chịu ngồi yên nhưng chỉ vài phút điều hơi, điều tâm là lập tức ngủ gà ngủ gật. Ngược lại cũng có người vừa ngồi xuống năm hoặc ba phút là bao nhiêu chuyện đông-tây, kim-cổ; chuyện ơn-oán, ghét-thương... ùn ùn trối dậy. Từ đó mới biết rằng, ngồi yên với tâm an lạc, thành thói không dễ chút nào. Cũng vì vậy mà người ta mới ví điều

phục tâm ý cũng giống như thuần phục thú hoang.

Nhà Phật bảo: Tâm an vạn sự an, tướng tòng tâm sanh, tướng tùy tâm chuyển... Có thể không phải ai cũng đồng ý nhưng nếu bình tâm mà quán xét một tí thì sẽ thấy ngay thôi! Điển tịch nhà Phật hay ngoài đời cũng đều có nhiều chứng cứ lắm. Chuyện xưa kể về Khuất Nguyên, một trung thần nổi tiếng, một danh sĩ lầy lừng, một văn tài trác tuyệt... Ấy vậy mà khi tâm bất an, thần khí bất bình làm cho hình tướng cũng suy hao. Lão ngư phủ trông thấy phải thất lên: “Ngài làm sao mà để phóng khí đến nồng nổi này? hình sắc suy vi, râu tóc phạc phờ!” Giả sử khi ấy Khuất Nguyên giữ được tâm bình khí hoà, dụng tâm sáng suốt mà nhìn nhận vấn đề thì chuyện hôn quân cũng là lẽ thường trong thiên hạ, thì cũng đâu đến nổi phải tự vận ở dòng Mịch La.

Ngày hôm nay thế giới chúng ta vẫn cứ tranh cãi hoài chuyện giới tính... Nếu tâm bình khí hoà, trí sáng suốt thì đâu có gì phải cãi nhau các vấn đề của nhóm LGBT. Những người ấy vì cái tâm hướng về đó nên họ mang hình tướng như thế đó. Bọn họ có cùng sở thích, cùng tâm nguyện nên họ hội tụ lại với nhau, tìm đến nhau... Có gì mà phải tranh cãi, chống báng hay kỳ thị cho thêm mệt tâm mình và cả tâm người. Đã tham dục thì không cứ đàn ông, đàn bà hay giới LBGT. Cái tâm

tham dự thì nó đâu có can hệ gì đến vàng, đen, trắng hay cái hình tướng mà họ mang.

Kinh điển Nam Tông có câu: "*Tâm dẫn đầu các pháp, tâm tạo tác các pháp...*" thì Bắc Tông cũng có: "*Duy tâm tịnh độ.*" Rõ ràng tất cả đều không ngoài một tâm! Hiện nay trên mạng cũng như trong đời sống vẫn có nhiều vị cực đoan cứ một mực bảo: Không có Tây Phương Cực Lạc, không có Phật A Di Đà. Đã bảo tất cả từ một tâm, vậy mà cho thế giới này có thể giới khác không thì liệu có còn "Nhất thiết duy tâm tạo"? Việc an trụ vào hơi thở, an trụ vào câu Phật hiệu đem lại lợi lạc biết bao, có cần phải tranh cãi Phật A Di Đà và Tây Phương Cực Lạc là có thật hay không thật? Việc phủ nhận này lại làm hoang mang rất nhiều người. Những ông già bà cả, những người ít học, ít chữ... cả đời niệm Phật, an lạc và tin

tưởng vào câu Phật hiệu... Giờ phủ nhận không có khiến cho họ mất niềm tin, mất sự bình an vốn có được từ việc tin tưởng và hành trì bấy lâu nay! Các trường phái Phật giáo vốn có nhiều khác biệt vì truyền thống, vì văn hoá bản địa, vì căn cơ cư dân Phật tử... nhưng tất cả cùng thông nhất ở: Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Thập Nhị Nhân Duyên, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo... Vậy hà tất phải tranh luận là có hay không, là thật hay giả, là cứu cánh hay phương tiện làm gì. Việc tranh cãi, phủ nhận này chỉ khiến cho tâm con người thêm bất an mà thôi! Tâm con người luôn vọng, nếu phương pháp nào mà giúp an định được thì cũng đều tốt cả, không cứ phải thiên minh sát, mà có thể sơ tức, niệm Phật... Thậm chí chỉ đơn giản là ngồi yên.

Khi Phật còn tại thế, có lần trên đường hoằng dương Phật pháp, Đức Phật gặp một anh thanh niên và anh ta hỏi: "Bạch đức Thế Tôn, nếu con đi đường mà bị chết bất đắc kỳ, vậy thì con sẽ thác sanh về đâu?" Đức Phật không bảo thẳng mà ngài tỷ dụ rằng: "Nếu một cái cây thường ngày nó nghiêng về hướng nào thì khi bị ngã nó sẽ đổ về phương đó!" Rõ ràng là tâm thế nào thì tướng thế đó, tâm tạo tác, tâm chủ tế... Tất cả từ một tâm mà ra!

Thế giới chúng ta có những người mê tiền, có người mê sắc, có người mê đàn ca hát xướng... thậm chí có người mê đánh nhau. Ấy

cũng không ngoài một tâm, tâm họ hướng tới đó và cũng vì tâm nó hướng họ vào những nhóm cùng tâm ý. Cái tâm nó tương tục, nó liên lạc nhau, những ý niệm nó sanh diệt liên miên không ngừng nghỉ, nó khởi lên trùng trùng kể từ khi vào đời cho đến khi lìa đời.

Những nhà làm phim bộ, những người viết tiểu thuyết... là những tay sành tâm lý. Họ họ thắt mở câu chuyện, đưa đẩy lên cao hoặc cho hạ nhiệt... và kéo dài mãi ra. Người xem cứ theo tình tiết câu chuyện mà quên cả thời gian. Có người xem cả đêm mà không buồn ngủ, không mệt; nhưng khi bảo ngồi tịnh tâm vài phút là ngủ ngay. Những người chế máy đánh bạc cũng thế, họ biết cái tâm lý con bạc: thắng muốn thắng thêm, thua muốn gỡ gạc, cho nên những cái máy ấy cứ thu một số tiền nhất định là lại nhà ra vài giải thưởng. Con bạc bị dụ khi, không thể rời ra được, cứ thế mà chơi đến xu cuối cùng. Có kẻ còn vay thêm để chơi, khó có ai thắng được cái tâm mình để dứt ra khỏi cái cuốn hút của dòng chảy.

Thế đấy, lên xuống cũng một tâm này, cao thấp cũng nó, tốt xấu cũng từ đó, buộc ràng hay giải thoát cũng từ đây, tất cả tự cái tâm của mình! Bởi thế năm xưa ngài Huệ Khả lên non tham vấn. Bồ Đề Đạt Ma quắc mắt quát: "Ai ràng buộc người?"

Kẻ viết bài này bất chợt giật mình, cái tâm mình cũng miên man chảy không dừng bèn vút bút đứng dậy bước ra vườn.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ



HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
TỔNG VỤ PHÁP CHẾ

CẨM NANG DI TRÚ DÀNH CHO TĂNG NI

Biên soạn :
Giáo Sư Tiến Sĩ
QUẢNG PHƯỚC HUỲNH TẤN LÊ

Địa chỉ liên lạc tác giả:
Quảng Phước—Huỳnh Tấn Lê, DPA
Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo
1612 N. Spurgeon St.
Santa Ana, CA 92701
Mobile: (714) 878-3739

Nỗi buồn của Thần Chết

(Truyện tâm linh giả tưởng)

ĐÀO VĂN BÌNH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Phiên đại triều của Thiên Đình cứ trăm năm một lần kỳ này diễn ra trong bầu không khí thật hoang mang, mệt mỏi. Thái Bạch Kim Tinh nay đã già yếu lắm rồi. Cụ tâu trình quên trước quên sau khiến Ngọc Hoàng Thượng Đế chau mày rồi cũng phải thông cảm, khoát tay ra hiệu cho qua. Nam Tào, Bắc Đẩu tai đã ngễnh ngãng, gầy ốm hom hem, vầng trán nhăn nheo vì quá căng thẳng với chuyện của trần gian. Bà Lê Sơn Thánh Mẫu có lẽ nhờ Vườn Đào và biết sửa sang sắc đẹp cho nên trông vẫn trẻ. Thiên Lô tuy còn khoẻ nhưng kể từ khi loài người chế ra cột thu lôi thì ông chỉ còn "vớ" được một vài người ngu ngơ chẳng may lang thang ngoài đồng ruộng trong lúc trời mưa gió. Ngoài ra uy quyền của ông còn bị sút mẻ vì Ngọc Hoàng Thượng Đế vừa bổ nhiệm thêm Ông Cuồng Phong Tornado để lâu lâu ra oai cho trần thế biết tay. Còn Long Vương vì là mình rông cho nên không biết ông ta có "lão hóa" đi không. Nhưng tính tình ông này hay "nổ sáng", mưa nắng bất thường cho nên hạ giới đột số tâu trình tai ương lụt lội về Thiên Đình không ngớt. Còn Thiên Bình, Thiên Tướng cũng chẳng có gì để báo cáo. Sau cuộc Đại Náo Thiên Cung của Tôn Ngộ Không, Thiên Đình êm ru, chẳng có cuộc phản loạn nào khiến Thiên Bình, Thiên Tướng, Thác Tháp Thiên Vương và Na Tra Thái Tử không có chuyện gì làm,

tối ngày uống rượu, đánh cờ giải khuây, lính tráng để lè phè, đi phép liên miên.

Sau khi các quan đã lần lượt tâu trình đầu vào đó thì một người bước ra, quỳ mọp dưới sân rồng. Thần hình ông này khô đét, mắt sâu hoắm và được phủ kín bằng chiếc áo choàng đen rách bươm cho nên ông ta trông giống như một bộ xương biết đi. Tay ông ta cầm chiếc lưỡi hái, có lẽ vì sử dụng quá lâu ngày cho nên mòn trơ như chiếc lưỡi liềm. Nhìn thấy ông ta Ngọc Hoàng Thượng Đế ngạc nhiên hỏi:

- Người là ai vậy?

Nghe hỏi thế, có lẽ vì quá bá luy, ông ta bật khóc hu hu, đáp:

- Muốn tâu Thượng Đế, kẻ hạ thần là Tử Thần đây!

- Thần Chết đây hà, mới có trăm năm mà ta không nhận ra nhà người! Tại sao hình dung người tiêu tụy quá vậy?

Nghe Hoàng Thượng Đế hỏi thế Tử Thần cảm thấy an ủi phần nào nhưng vẫn chưa trấn áp được niềm xúc động cho nên sụt sùi tâu:

- Hạ thần là kẻ khốn khổ nhất trong cái vũ trụ này. Kể từ lúc khai thiên lập địa tới giờ, Thiên Đình mới chỉ có vài ngàn năm nhưng hạ giới đã vài triệu năm. Chúng nó bây giờ đẻ đái nhiều quá, nhất là cái thằng Trung Hoa và thằng Ấn Độ. Cả thằng Việt Nam cũng

thế. Năm 1954 mới có 45 triệu thế mà bây giờ đã 96 triệu! Dân số thế giới giờ đây đã trên sáu tỉ. Chúng nó sinh đẻ nhiều dĩ nhiên phải chết nhiều. Mỗi khi chúng nó chết thì hạ thần phải cầm cái lưỡi hái này đi rước linh hồn chúng nó về Âm Phủ. Dù là sức thần thông nhưng hạ thần cũng không làm sao cho xuể. Suốt mấy triệu năm qua hạ thần một mình phải chạy đôn chạy đáo khắp nơi. Thần không bao giờ được ăn uống nghỉ ngơi đàng hoàng vì cái chết không bao giờ báo trước, cho nên hình hài cứ mỗi ngày mỗi tiêu tụy đi!

Nói xong, có lẽ vì quá cảm khái cho nên Thần Chết lại bật khóc thút thít. Như thông cảm, Ngọc Hoàng Thượng Đế gật gù, vuốt râu, nói:

- Vậy nhà người muốn ta làm cái gì?

- Hạ thần mạo muội xin Ngọc Hoàng cho nâng cơ quan của hạ thần lên cấp Phủ và cho tuyển thêm phụ tá cùng nhân viên thì hạ thần mới có thể chu toàn trách nhiệm mà Nhà Trời giao phó.

Sau vài giây suy nghĩ, Ngọc Hoàng Thượng Đế phán:

- Diêm Vương còn có Phán Quan, Quỷ Sứ và đầu trâu mặt ngựa phụ tá lẽ nào người mang trọng trách như thế mà không có ai phụ giúp. Được rồi, ta chuẩn tấu nâng cơ quan của nhà người lên

cấp Phủ, từ nay chỗ người làm việc gọi là Diêm Phủ, vậy người còn có gì để tâm nữa không?

- Khải tấu Ngọc Hoàng, còn chuyện này nổi ra có thể phạm đến uy danh Nhà Trời. Nếu bệ hạ tha tội chết thì thần mới dám tâu trình.

- Chuyện gì ghê gớm vậy? Người cứ nói cho trẫm rõ.

- Khải tấu Ngọc Hoàng. Trước đây chuyện sống chết là do bệ hạ quyết định. Nhưng kể từ ngày chúng nó chế ra bom nguyên tử và vũ khí giết người hàng loạt thì muốn giết cả triệu người cũng dễ như trở bàn tay. Khi tội nó bấm nút rồi thì thực ra hạ thần chỉ làm cái công chuyện hợp thức hóa mà thôi. Lúc đó chuyện sống chết chẳng còn là chuyện của Trời Đất nữa mà là chuyện của con người với nhau. Bây giờ dưới trần gian chúng nó đang "cải số Trời" dữ lắm.

Nghe Thần Chết nói thế Ngọc Hoàng Thượng Đế đập bàn, giận dữ quát:

- Cha chả, đứa nào dám cãi lại ý Trời? Người nói lại cho rõ nếu không ta bỏ vào Lò Bát Quái giống như con khi già Tôn Ngộ Không năm xưa đó nghe!

Thấy Ngọc Hoàng Thượng Đế nổi trận lôi đình,



Thần Chết run run quỳ mọp xuống sân rồng rồi thu hết can đảm nói tiếp:

- Tâu Bệ Hạ, chuyện đó chưa ghê gớm bằng chuyện phá thai dưới trần thế bây giờ. Năm xưa chúng nó phá thai bằng thủ thuật nạo cho nên mỗi khi thấy chúng nó mang chậu, kẹp, muông ra thì hạ thần chờ đó để rước linh hồn đưa hải nhi về Diêm Phủ. Thế nhưng bây giờ chúng nó chế ra thuốc phá thai. Người mẹ uống viên thuốc nhẹ nhàng giống như viên kẹo mà hạ thần cũng không biết đó là thuốc gì. Hải nhi trong bụng mẹ chết một cách êm thấm và bị trục ra ngoài lúc nào không hay. Nam Tào Bắc Đẩu chưa xóa sổ, thần chưa đến rước đi mà Con Người đã đưa một mang người về Âm Phủ rồi. Bệ Hạ có thấy quyền uy của chúng nó mỗi ngày mỗi ghê gớm không?

- Cha chả! Tại sao Thái Bạch Kim Tinh không khải tấu ta vụ này sớm để trần gian làm loạn cả đất trời?

- Tâu bệ hạ. Cụ Thái Bạch Kim Tinh có ém nhem vụ này thì chẳng qua cũng là để Nhà Trời được yên ổn. Theo thần nghĩ dù có tâu trình thì cũng chẳng giải quyết được gì cả!

Nghe nói thế, Ngọc Hoàng Thượng Đế nổi trận lôi đình:

- Cha chả! Người cũng cả gan về hòa với hạ giới để hạ uy linh của Nhà Trời phải không? Thiên Binh, Thiên Tướng, Nhị Lang Thần đâu, đem Tử Thần bỏ vào Lò Bát Quái cho ta!

Ngay lúc đó, Cụ Thái Thượng Lão Quân từ trong đại chúng, lật đặt bước ra quỳ tâu:

- Muôn tâu Bệ Hạ, Tử Thần đáng tội chết! Tử Thần đáng tội chết! Nhưng xin Bệ Hạ bớt cơn thịnh nộ cho hạ thần sáng tỏ đôi lời. Tâu Bệ Hạ, Tử Thần làm cái công việc góm ghiếc, chẳng học hành chữ nghĩa chi cả cho

nên hần mới ăn nói lỗ mãng. Thực ra cái tội này mà khéo nói thì đó là tội của hạ giới chứ không phải tội của Thần Chết. Tâu Bệ Hạ, hạ thần nghe Táo Quân tâu trình nhiều chuyện khác còn động Trời hơn cả chuyện mà Thần Chết vừa nói, xuất phát từ xứ Giao Chỉ mà cũng không dám tâu trình.

- Lại chuyện động Trời nữa! Thái Thượng Lão Quân mà cũng có chuyện phi báng Nhà Trời sao?

- Khải tấu Ngọc Hoàng. Không hiểu phát xuất từ năm nào mà xứ Giao Chỉ chúng nó có câu hát "Con cóc là cậu Ông Trời". Cứ thử tưởng tượng con cóc mà cậu của Bệ Hạ thì uy quyền Nhà Trời còn gì chứ! Lại nữa, uy quyền của đàn bà xứ Giao Chỉ không hiểu sao lại quá lớn, đàn ông phần lớn đều râu quạp cho nên người dân xứ này mới có câu về "Nhất vợ nhì Trời!"

- Trời ơi là Trời!

Ngọc Hoàng Thượng Đế chỉ thốt lên được như thế rồi mặt rồng đỏ gay, mắt long lên sòng sọc. Ngài đứng dậy, ôm đầu lão đảo, té xiú xuống ngai vàng khiến các Tiên Nga phải xúm lại để đỡ ngài lên. Rồi các tay tiên ra sức quạt liên tu bất tận, một hồi sau Ngọc Hoàng Thượng Đế mới lai tỉnh. Thấy Ngọc Hoàng Thượng Đế đã tỉnh lại, trăm quan mừng rỡ, đồng loạt quỳ xuống tung hô:

- Thánh Thượng vạn tuế! Vạn, vạn tuế!

Thấy quần thần khó nhọc vì mình, Ngọc Hoàng Thượng Đế dù chưa tỉnh táo hẳn nhưng cũng gượng gạo nói:

- Cám ơn các khanh, các khanh hãy bình thân. Trẫm đây là Đấng Chí Tôn dĩ nhiên không thể suy nghĩ và hành động hồ đồ được. Nay dưới trần gian có nhiều chuyện xáo trộn như thế âu cũng là quy luật biến thiên của vạn vật mà trẫm và các khanh đây cũng không sao hiểu biết hết. Qua kỳ đại hội này trẫm

mới biết uy quyền của Nhà Trời không hẳn tuyệt đối như người ta tưởng. "Ngoài Trời Lại Có Trời" không hiểu dưới hạ giới tên nào nói câu đó thể mà linh thiêng!

Nói tới đây Ngọc Hoàng Thượng Đế ngừng lại, nhìn Bà Lê Sơn Thánh Mẫu, ngao ngán hỏi:

- Thánh Mẫu là người hiểu hết lý lẽ cùng thông của Tạo Hóa, Thánh Mẫu có ý kiến gì không?

Là người duy nhất ở Cõi Trời hiểu thấu nhân tình, thể thái ở trần gian, Bà Lê Sơn Thánh Mẫu nghe thể vội vàng bước ra giữa điện, quỳ tâu:

- Muôn tâu Bệ Hạ, thần trộm nghĩ có lẽ dưới hạ giới bây giờ âm thịnh dương suy, đàn bà, nhất là đàn bà ở Mỹ nhiều uy quyền quá. Có thể đó là nguyên do làm đảo lộn Đất Trời chăng?

Nghe Bà Lê Sơn Thánh Mẫu nói thể cả triều đình đều lặng thinh không có ý kiến chi cả nhưng Ngọc Hoàng Thượng Đế còn bán tín bán nghi nên hỏi:

- Tại sao Âm thịnh Dương suy lại làm loạn Đất Trời?

Bà Lê Sơn Thánh Mẫu đáp:

- Đêm là Âm và ngày là Dương. Nếu đêm dài quá tức Âm thịnh thì vạn vật cây cỏ thiếu ánh sáng, u sầu ảm đạm không sao tươi tốt được. Ở Xứ Giao Chỉ chúng nó có câu hát rất thịnh hành "Có khi đời hoa chóng già vì thiếu mặt mà." Ngược lại nếu ánh sáng nhiều quá tức Dương thịnh thì tiết trời như sa mạc, cây cối khô cằn giống như một thằng cha thì sĩ nào đó nói "Đời vắng em rồi say với ai!" Vắng đàn bà thì cuộc đời này giống như sa mạc vậy. Do đó mới có quy luật Âm Dương điều hòa. Nay đàn bà dưới hạ giới nhiều quyền quá cho nên đàn ông con trai sợ không dám lấy vợ. Rủi lấy vợ mà nó ly dị một cái thì chỉ có nước ra *homeless*. Mà đàn ông con trai sợ không dám lấy vợ thì các bà các cô chỉ có

nước "chống mông mà gào" hoặc du hí với những cô gái khác cho nên nạn Bê Đê và Lesbian ở hạ giới ngày càng gia tăng khủng khiếp, làm đảo lộn cả truyền thống gia đình đã mấy ngàn năm nay!

Nghe Thánh Mẫu nói thể mọi người ngơ ngác không hiểu gì cả vì Thiên Đình đã trừ tuyệt ái-dục cho nên không hiểu chuyện Bê Đê và Lesbian ra làm sao. Tuy nhiên lời tâu trình đó cũng làm giảm nhẹ tội cho Thần Chết và tự ái của Ngọc Hoàng được vuốt ve cho nên mặt rờn tươi tỉnh trở lại:

- Thôi, vì đức hiếu sinh trăm tha tội cho Thần Chết và cho phép tâu trình lần cuối trước khi quay về hạ giới làm phận sự.

Nghe Ngọc Hoàng Thượng Đế phán thể, Thần Chết mừng rỡ dập đầu thưa:

- Cảm ơn uy đức trời biển của Bệ Hạ. Nhưng hạ thần vẫn còn oan ức lắm. Thần làm cái công việc điều hòa sự sống sự chết trong Trời Đất đáng lẽ phải được mọi người thương mến quý trọng mới phải. Thế nhưng hạ thần toàn gặp chuyện bẽ bàng. Trần gian sợ hãi xa lánh thần đã đành nhưng Thiên Đình cũng chẳng ai muốn gặp thần. Cô Thần, Quả Tú còn có vợ con. Còn hạ thần thì không những không vợ con mà cũng chẳng có ai thân thích họ hàng. Bất công hơn nữa, các Hung Thần, Ác Sát gieo tai họa cho loài người thì được loài người tạc tượng, lập đền thờ, cầu nguyện, khẩn vái, cung phụng đủ thứ. Còn Táo Quân hằng năm chỉ về Trời báo cáo vu vơ cũng được lễ vật cúng kiếng, tiền đưa long trọng. Xét ra hạ thần cũng đã phục vụ Nhà Trời lâu lắm rồi. Nay tuổi đã già, sức đã yếu, cúi xin Bệ Hạ rộng xét cho thần vài năm nữa được nghỉ ngơi, hưu trí.

Nghe Tử Thần tâu thể, Ngọc Hoàng Thượng Đế vội vã khoát tay, nói:

- Không được ! Không được! Uy quyền của Nhà Trời nằm trong Sự Chết. Nếu con người không chết nữa thì Nhà Trời cũng giống như cây củi mục. Ngoài ra nếu nhà người về hưu bây giờ thì trần gian đại loạn ngay. Với cái nhíp để đái như thế này mà loài người không chết thì lấy gạo đâu mà ăn? Lấy nhà đâu mà trú? Lấy đất đâu mà ở? Tuy nhiên người khỏi lo. Khoảng một tỷ năm nữa - tức mười triệu năm trên Thiên Đình thì Thần Thái Dương tuyệt mệnh. Mặt Trời tắt rồi thì loài người sẽ tận thế, đương nhiên người sẽ về hưu, về hữu vĩnh viễn, muốn có việc làm cũng chẳng được. Không có Sinh thì làm gì có Tử? Loài người chết hết rồi thì lưu giữ Thần Chết để làm gì? Thôi người quay trở về trần gian ngay đi.

Nói xong, Ngọc Hoàng Thượng Đế ra lệnh bãi châu và được các Tiên Nữ dìu vào hậu cung. Còn các quan thì cũng lục tục rút lui. Điện Diêu Trì phút chốc vắng tanh để lại một mình Thần Chết vẫn còn phủ phục trước sân rồng.

Giây phút sau, nặng nề chống chiếc lưới hái đứng dậy, vén mây nhìn xuống thế gian, Tử Thần sùi sụt:

- Thân phận mình cũng giống như thân phận thằng cha nhà đòn dưới hạ giới vậy!

Văng vẳng từ Cung Quảng Hàn, tiếng sáo của Hằng Nga vọng đến một điệu nhạc buồn xa vắng, kể lẽ nỗi buồn của người con gái ngàn năm lẻ bóng, như để chia xé với bao nỗi niềm cô đơn và bẽ bàng của Thần Chết - người làm chuyện hữu ích nhất cho thế gian nhưng cũng là chuyện mà thế gian kinh hoàng và thù ghét nhất.

Đào Văn Bình

(Trích trong tuyển tập *Mê Cung* do Ananda Viet Foundation xuất bản, Amazon phát hành 2019)

TRÊN LẦU MÀI DAO

Có chàng nọ thuở xa xưa
Từ lâu phục dịch cho vua của mình
Quả là khổ sở thật tình
Tâm tư mỗi mệ, thân hình tang thương
Nhà vua bèn thưởng cho chàng
Lạc đà vừa chết để mang về nhà.
Món quà vua quý ban ra
Chàng mang về tính lột da tức thì
Tiếc thay dao lụt quá đi
Lưỡi kia không sắc dễ chi đứt nào.
Chàng đi tìm đá mài dao
Thấy viên đá ở lầu cao trên cùng
Chàng leo lên mài dao xong
Quay lui trở xuống đem dùng dao kia
Lột da. Dao lại lụt đi
Mới dùng chóc lát có gì dài lâu
Thế là chàng lại leo lầu
Dem dao mài nữa rồi mau xuống liền
Lột da. Dao lụt. Lại lên
Xuống lên nhiều lượt cho nên mệ người
Chàng bèn nảy ý lạ đời:
“Lạc đà ta vác lên nơi tầng lầu
Vừa lột da vừa mài dao
Thật là thuận tiện. Ai nào khôn hơn!”
Nghĩ xong chàng thực hiện luôn
Cho là mình quả vô ngần thông minh.
Xa gần lên tiếng phẩm bình:
“Rất chi ngu xuẩn, thật tình dở hơi!”

Truyện này tỉ dụ ở đời
Bao nhiêu giới cấm lắm người không theo
Rời vùng tiên của thật nhiều
Để đem bố thí mong gieo phước lành
Mong sao cho bản thân mình
Sau này sẽ được tái sinh cõi Trời
Giống người đàn độn trên đời
Nào đâu kết quả! Nực cười lắm thay!

thơ **TÂM MINH**
NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa Kinh Bách Dụ)



Grind A Knife Upstairs

Once upon a time there was a poor man who had to work very hard in the king's service. As time went on, he became emaciated. Out of pity, the king gave him a dead camel. Having received it, the poor man began to flay it. His knife being very blunt, he looked for a whetstone to grind it. At last, he found one upstairs where he sharpened the knife.

He then went back downstairs to skin the camel. He ran up and down the stairs doing the sharpening and skinning frantically for a while and finally he felt so tired that he could not go on any longer. Then he had to hang the camel upstairs to be closer to the whetstone. People guffawed at him.

A stupid man who, by breaking the strict commandments gathers plenty of money and uses it on offering in the hope that he will be born in Heaven. This stupid man is just like the poor man who worked hard for little gain in hanging his camel upstairs and sharpening his knife.

(Phần tiếng Anh trích dẫn trong
"Sakyamuni's One Hundred Fables"
của **Tetcheng Liao**)

Núi xanh mây hồng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG TÁM

Đôi khi đời sống diễn ra trong một trình tự nào đó, gần như là một định mệnh, mà cũng gần như một ngẫu nhiên. Người ta không hiểu nổi. Người ta chỉ cảm nghe rằng mình đi trong dòng đời như một chiếc lá, vàng hoặc xanh, trôi theo con nước biển biệt xa nguồn.

Luật tắc thế gian cơ hồ bất định, khiến người ta một lúc nào đó, trở nên hoang mang, muốn xét lại mọi giá trị. Có lẽ mọi người, có lẽ tôi, đang đi tìm những giá trị. Nhưng giá trị đích thực của đời sống hình như người ta chỉ cảm nhận được khi họ dừng chân hẳn trên một mốc thời-không tâm lý, khi mà tâm hồn họ như tâm hồn một đứa trẻ thơ, như một mảng mây thưa trôi qua vô tư trên nền trời vô tận. Chỉ lúc đó, chỉ trong khoảnh khắc tuyệt vời đó, giá trị là thiên thu.

Thư hồi âm của Đức cho tôi hay rằng chú sẽ rời Nha

Trang trong vòng vài ngày tới. Vì như lời Đức nói ngày trước, chú không thể sống cô đơn trong một thành phố đầy kỷ niệm. Đời người tu sĩ, đã xa vắng tình cảm gia đình, và vì chưa thực sự thoát ly thế gian, nên tình bạn của họ là một thứ tình tình thiêng liêng, keo sơn và khăng khít như là chất liệu cần thiết để quân bình đời sống tâm lý. Đó là bệnh chung. Tôi xếp thư Đức bỏ vào túi và cùng lúc, tôi cũng nhận ra rằng tôi cũng có những nhu cầu tình cảm tương tự như chú ấy.

Tôi đi qua đi lại trong căn phòng vuông nhỏ. Đứa cháu gái tôi ngồi dưới đất bày biện những đồ chơi của nó bồng ngược nhìn tôi bằng con mắt ngạc nhiên. Nó không hiểu vì sao tôi lại đi quanh mãi trong một khoảnh khắc không gian chật hẹp, bằng những lối bước cố định trên những khuôn gạch bông. Tôi yêu nét ngạc nhiên thiên thần của bé

quá. Và tôi bỗng bật cười.

Chúng ta sinh ra và bước quen trên những lẽ thói, những khuôn thước sắp sẵn của cuộc đời. Đó là những bước quanh quẩn, đổi đời mà vẫn cố định; bước tới mãi mà vẫn quay lại lối cũ; vùng vẫy và phấn đấu vươn lên mãi mà vẫn như dậm chân trên một khoảnh đất ngục tù. Đó là điều khôi hài của chúng ta trong cuộc sống. Tôi quỳ xuống bên cạnh đứa bé và hỏi rằng có phải nó thấy tôi điên khùng chẳng. Nhưng đứa bé lại khóc ré lên làm tôi lúng túng chẳng biết phải đỡ nó bằng cách nào.

Do sự đề nghị của Huân và Thiện, đã là những Đông y sĩ có tiếng tăm, kết hợp với ý hướng phục vụ bệnh nhân được hàm dưỡng trong tôi vào những ngày nằm bệnh không thuốc chữa mà việc học chăm cứu của tôi được hình thành.

Mỗi sáng tôi mượn xe đạp của anh tôi để đến chùa

học chăm cứu. Đây là khóa học đặc biệt về lý thuyết. Lớp học chỉ có năm người mà bốn người kia đều đã biết châm cứu và đang phục vụ bệnh nhân nơi các phòng mạch miễn phí tại nhiều chùa ở Sài Gòn. Tôi đi học đều đặn mỗi ngày và cảm thấy phấn khích trong sự thâm nhập những kiến thức mới lạ và bao la của ngành y học Đông phương.

Tuy nhiên, đôi lúc trên đường đi học hay trên đường về nhà, tôi vẫn có cảm giác như đang mang đôi dép trái vậy. Cũng có khi khó chịu hơn, tôi nghe chừng như cái đầu mình bị vặn ngược ra phía sau một cách khôi hài; và tôi bật cười một mình trong cảm giác ngược ngạo ấy. Có lẽ trong tôi, tình thương tràn đầy đối với cuộc đời, nhưng nó không muốn thể hiện bằng công việc của một y sĩ. Hình như tôi sinh ra không phải để làm một y sĩ. Tôi phải tự khẳng định điều này, dù rằng đối với tôi, y nghiệp là một nghề cao quý. Tôi nghĩ đến Đức. Có lẽ mẫu người như Đức thích hợp với nghề này hơn tôi. Tôi ước có chú ấy vào để cùng đi học hoặc có thể chú sẽ thay chỗ của tôi để tôi nghỉ hẳn và tìm môn học khác cho tôi. Bởi tôi đã dần dần cảm thấy rằng tôi chẳng thiết tha gì lắm trong việc học châm cứu này dù cho hai ông thầy Đông y của tôi có khen tôi thông minh, chóng hiểu, và gợi cho tôi những viễn ảnh đầy hứa hẹn trong tương lai. Tôi nghĩ, không biết chừng tôi học vẽ, học nhạc mà hợp với sở thích và năng khiếu của tôi hơn. Nhưng nhạc và họa đã bị cấm kị từ lâu đời trong chốn thiền môn; chúng thường gây những ấn tượng không đẹp cho những tu sĩ chuyên trì giới luật. Ngay trong qui luật nền tảng của chùa đã có cấm đoán hẳn hoi việc uống phỉ thời giờ cho những ngành chuyên môn này. Trong hoàn

cảnh của tôi bây giờ, sự câu thúc của những qui luật có cơ hội để được nổi lỏng; nhưng đúng hơn, hiện trạng đau thương cùng nhu cầu thiết thực của bao nhiêu người khổ nạn trên đất nước đã không cho phép tôi dành nhiều thời giờ cho nhạc, họa.

Thế thì tôi nên học cái gì đây? Tôi tự hỏi mình mãi mà vẫn không sao tìm được một môn học thích hợp. Tôi như chàng trai ngu ngốc không tìm được cho mình một công việc, một lối đi, dù rằng tiêu đích đã có thể nhìn thấy. Tôi chỉ cảm nhận được điều tôi khát khao mà không thấy được con đường nào chính xác nhất cho tôi để đạt tới nó. Biết được mình muốn gì là có thể tìm được lối đi cho mình. Đàng này, tôi chưa tìm được cái gì rõ rệt cả. Không phải người ta lúc nào cũng có thể tự tìm được lối thoát.

Nỗi thao thức và sự khắc khoải của con người trước cuộc sống thường thường là một cái gì bí ẩn, không thể nói được, cũng không thể hiểu được. Nó sẽ như con nước dâng tràn, còn những lối chày của nó chỉ là phụ thuộc. Động cơ của nó là một, nhưng động lực mở cửa cho nó thì muôn vẻ. Tuy thế, khi người ta nhìn thấy nó rồi thì lối đi lại trở thành vấn đề chính yếu. Nó thôi thúc người ta phải đi tìm một cửa ngõ thích hợp. Và khi chưa tìm được cửa ngõ đó, nó khiến người ta trở thành nạn nhân của những bản khoăn, hoang mang và dẫn vật điên cuồng. Có lẽ tôi đang là nạn nhân của nó, ít nhất là trong lúc này.

Sáng nay, vẫn trong thông thả, tôi đạp xe đi học. Tôi biết sự thông thả đó rất cần thiết cho một con người sống giữa sự quay cuồng não động chung quanh. Xe cộ ồn ào qua lại.

Những bộ mặt hốt hải tránh xe. Tiếng thẳng rít ở các ngã tư đường. Những đèn xanh đỏ ban vui chuốc khổ. Tất cả những âm thanh, những cầu bóng động, quện lấy nhau trong sứ mệnh làm điên đầu nhân loại. Người ta khó lòng đi chậm và thư thới khi tất cả sinh động vật cùng những tiện nghi cơ khí của chúng chung quanh luôn luôn như đua nhau trong một tốc độ kinh hoàng. Người ta đi cướp không gian và thời gian. Người ta rút ngắn con đường bằng tốc độ; rút ngắn thời gian bằng tốc độ. Người ta luôn luôn sợ bị chậm trễ. Cho nên, sự thông thả quả thật cần thiết. Nó kìm hãm một cái gì như muốn vùng dậy trong tôi. Tốc độ và sự huyền ảo của âm thanh kích thích sự bạo động và đập phá. Tôi giữ cho mình một nụ cười điềm tĩnh và đôi chân đạp thật nhẹ, thật chậm giữa phố thị xoay vòng. Trong tâm trạng đó, tôi mới nhìn rõ chính mình hơn.

Và cũng chính điều này khiến tôi bỏ học sáng nay để đạp xe đi suốt hai giờ đồng hồ hết từ đường này sang đường khác để nhìn vào lòng mình, tìm hiểu chính mình. Tôi thấy tôi phải trả tự do cho chính tôi. Khi chưa đạt đến tự do tuyệt đối, ít nhất tôi cũng không nên tự ràng buộc mình bằng những yếu tố phương hại đến quyền tự do tương đối của tôi. Nghĩa là, tôi phải chọn một công việc thích hợp cho con người của tôi, hoặc là không chọn gì hết. Không thể chạy theo những điều kiện bất xứng ý. Công việc của tôi không phải là công việc làm thuốc trị bệnh.

Tôi trở về nhà, nằm, suy nghĩ rất nhiều về việc học thuốc và châm cứu. Chiều đó, Thiện, người dạy châm cứu cho tôi, đến thăm tôi tại nhà. Thiện tưởng tôi bệnh hoặc gặp bất trắc gì mà nghỉ học. Khi biết tôi nghỉ học vì

một lý do rất mơ hồ, không chính đáng, Thiện tỏ vẻ buồn. Im lặng hồi lâu, Thiện khuyên tôi gắng học, vì theo anh, muốn có tiền dư dả để sống thì phải học một nghề cho thật xuất sắc và phải học cho đến nơi đến chốn như anh vậy, nghĩa là phải thành một Đông y sĩ hàng hoàng. Thế thì phải nỗ lực học ngày học đêm, nghiền cứu thật nhiều tài liệu và phải chết sống với nghề nghiệp, không thể học một cách tài tử lơ mơ như tôi được. Nghe Thiện nói thế, tôi hơi sững người và buồn khôn tả. Phải học thành tài để kiếm sống! Tôi thấy thất vọng ê chề. Tôi và Thiện ngồi im lặng cho đến khi chia tay.

Thiện lo lắng cho tôi thực tình. Anh muốn tôi có một sự nghiệp hân hoi. Sự nghiệp ở đây là một cái nghề tạo ra được đồng tiền căn bản để nuôi thân. Sống ở Sài Gòn trong hoàn cảnh tự lập thì phải thế. Có một nghề thì tạm ổn định cuộc sống.

Hoàn cảnh không làm thay đổi con người mà chỉ tác động phần nào vào đời sống con người thôi. Có thay đổi chẳng là do con người chưa vạch được cho chính mình một hướng đi, hoặc đã có

hướng đi mà lòng người không kiên định. Lý tưởng cần được nuôi dưỡng cũng như cây vườn cần được chăm bón: bỏ quên nó, nó sẽ khô héo, èo uột. Thường khi, người ta chỉ vạch ra lý tưởng và thực hiện nó trong thời gian đầu để rồi sau đó chỉ còn là những tác động của thói quen, gần như vô thức. Nghề thuốc là một nghề lý tưởng, cao đẹp và biểu hiện tình thương với vợ đối với kiếp người đầy khổ bệnh. Nhưng nếu người thầy thuốc không thường vun quén, tô bồi cho lý tưởng phục vụ của mình bằng chất liệu tình thương thì dần dà, công việc của họ nghiêm nhiên trở thành một lối mưu sinh. Oái ăm hơn nữa, là mưu sinh một cách tàn nhẫn, vô tình, trên vết thương trầm thống của những con người khổ bệnh, nghèo đói trên đời.

Hành động không bắt nguồn từ tình thương là hành động phi nhân; lý tưởng không tình thương là lý tưởng phi lý. Bởi vì, cuộc sống như miếng vải được dệt nên bởi những sợi chỉ tình thương. Người ta hòa hợp và tương quan trong tình thương và kính chống

nhau cũng bởi thiếu tình thương. Xã hội được kết thành trong tình thương và trách nhiệm cũng được phát sinh từ tình thương. Trách nhiệm của một cá nhân đối với cộng đồng xã hội là trách nhiệm được khởi phát từ tình thương, thiếu tình thương thì trách nhiệm đó chỉ là một sự bó buộc, một sự cưỡng ép bị kèm thúc bởi ý thức hệ, bởi chủ nghĩa, hay bởi quyền lực. Và trách nhiệm như thế, nghĩa là trách nhiệm được dẫn dắt bởi một quyền lực hay bị lôi kéo bởi quyền lợi, thì chẳng phải là trách nhiệm gì cả. Trách nhiệm phải là một sự tự phát. Sự bắt buộc giết chết trách nhiệm và nghĩa vụ. Thiếu tình thương, trách nhiệm không bền bỉ: nó sẽ chết theo thời gian, chết theo sự sụp đổ của quyền lực hay chết bởi sự phán đoán và thay đổi bất tận của ý thức con người. Lý tưởng như ngọn đèn sáng được thắp bằng chất dầu của tình thương. Người ta phải luôn châm dầu để giữ cho ngọn đèn bất diệt.

Khi Thiện khuyên tôi phải gắng học tới nơi tới chốn để được vững vàng cho vấn đề cơm gạo, thì đối với tôi, đó quả thật là một bài học đáng giá, minh họa về thực tế của đời sống. Tôi không thể sống mơ mộng, lang bang mãi được. Tôi cảm ơn Thiện đã dạy cho tôi điều đó. Và đồng thời, bài học thực tế kia cũng làm tôi đau khổ. Nó dí gót chân tàn bạo của nó lên trên mảnh đất tràn trề lý tưởng và tin yêu của tôi.

Nghề thuốc đối với Thiện là một nghề lý tưởng. Anh đeo đuổi nó, ham thích nó từ lúc còn ở Hội An. Tôi nhớ có dạo tôi với anh đi vào một xóm nghèo, trông thấy một đứa bé bụng ỏng, đầu đầy ghẻ chóc, anh lấy tay xoa nhẹ lên những mụn ghẻ của đứa bé, làm phép trên đó rồi mới tiếp tục đi. Anh nói đùa với tôi rằng bàn tay anh là bàn tay của Dược Vương



(ông vua ngành thuốc – tên một vị Bồ Tát trong kinh Phật), xoa đến đâu, bệnh tiêu đến đó. Tôi không tin anh làm được điều ấy ngay lúc đó, nhưng tôi rất cảm phục nghĩa cử và tâm hồn vị tha của anh (*).

Ước mơ của anh nay đã thành. Vừa vào Sài Gòn, năm 1976, anh lập tức đi tìm học một vị Đông y sĩ nổi danh, và chỉ trong vòng một năm nỗ lực, anh đã trở thành một Đông y sĩ đáng nể trong giới Đông y Sài Gòn. Anh thành công là phải, vì anh sống chết với hoài bão của anh. Nghề thuốc là nghề lý tưởng của anh, là sự nghiệp của anh. Còn phần tôi, anh ấy bảo tôi gắng học để kiếm sống. Sao mà phũ phàng thế!

Tôi không dám nghĩ rằng anh ấy cũng đang kiếm sống

với nghề thuốc, vì rõ ràng nó là lý tưởng của anh, phù hợp với cá tính và sở thích của anh, là cái mà anh đã ấp ủ từ thuở bé. Nhưng qua lời khuyên của anh ấy, tôi nhận ra một sự thực rằng trong xã hội này, giới tu sĩ chúng tôi phải trực tiếp đối diện với vấn đề sinh kế để mua được chút tự do nào đó; nhưng cũng chính vì sinh kế, chúng tôi phải đánh mất chúng tôi trên một khía cạnh nào đó.

Riêng tôi, tôi phải trả tự do lại cho tôi. Tôi không thể buộc mình phải làm việc bằng tay trái. Tôi không thể cưỡng ép mình làm một y sĩ.

Bốn phận của mỗi người là tự tìm ra chính mình sẽ đóng góp cho cuộc đời những gì và bằng cách nào. Và như vậy, trước tiên

hắn phải tìm cho ra hắn. Tôi phải tìm thấy tôi, và tôi phải là tôi. Tôi phải tiếp tục đi tìm ngõ thoát cho nỗi khắc khoải trong lòng.

Tôi nghĩ học Đông y từ đó.

(đón đọc tiếp Chương 9)

(**) Thiện tên thật là Nguyễn Thiện Đức, pháp danh Nguyên Luận; hoàn tục năm 1980; qua Pháp năm 1984; sinh hoạt phật-sự ở Chùa Khánh Anh, soạn tử vi cho chùa trong nhiều năm. Đến năm 2000 thì mất trên đất Pháp, không có người thân bên cạnh.*



MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÚN XÀO CHAY

Món bún xào chay với vị thanh mà giòn ngọt rất dễ ăn, không chỉ dùng vào ngày ăn chay mà những ngày thường bạn cũng có thể đổi món để bổ sung chất xơ cho mình và cả nhà.

Nguyên liệu:

- 100g (khoảng 1 chén) bún khô
- 50g (khoảng 1/2 chén) mộc nhĩ
- 1 củ cà-rốt nhỏ
- 100g (khoảng 1 chén) bắp cải tím
- 1 trái ớt chuông xanh
- 1 trái ớt chuông đỏ

Gia vị:

- 10g (khoảng 2 muỗng cà-phê) nước tương
- 5g (khoảng 1 muỗng cà-phê) dầu mè
- 3g (khoảng 1 muỗng cà-phê) hạt nêm
- 30ml (khoảng 2 muỗng canh) dầu ô-liu

Thực hiện:

1. Bắp cải tím, cà-rốt, ớt, nấm rửa sạch, cắt sợi.
2. Bún chần sơ qua nước sôi rồi đổ ra rổ cho ráo nước, sau đó rưới chút dầu ô-liu vào bún, trộn đều.
3. Chuẩn bị một chảo nóng với một ít dầu, cho bún vào xào nhanh tay.
4. Xào đến khi bún hơi vàng thì bạn cho ra đĩa, để riêng.
5. Làm nóng chút dầu trong chảo rồi cho tất cả các nguyên liệu bạn đã cắt sợi vào.

6. Xào đến khi các loại rau củ chín khoảng 80% thì cho bún vào xào nhanh tay.



7. Nêm nếm lại với nước tương, dầu mè, hạt nêm cho vừa miệng.

8. Xào thêm 2 - 3 phút cho các nguyên liệu thấm gia vị thì tắt bếp, lấy bún xào chay ra tô, dùng nóng.

Nếu có nhiều thời gian hơn, bạn có thể thêm cả đậu hủ chiên hay váng đậu ngâm mềm vào xào cùng để món bún xào chay có thêm sắc màu và hương vị.

(Vy Trân / Ảnh: BSC)

